

Số/No: 243 – 2025/CV/FPTS-FAD

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025  
Hanoi, March 29<sup>th</sup>, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA**  
**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK**  
**DISCLOSURE OF INFORMATION**  
**ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL**  
**AND STOCK EXCHANGE'S PORTALS**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*.



- Tên tổ chức/ *Name of organization* : Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT/  
*FPT Securities Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/ *Stock code* : FTS

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address* : Số 52, Đường Lạc Long Quân, P.Bưởi, Q.Tây  
Hồ, Tp. Hà Nội/ *No. 52 Lac Long Quan, Bui  
Ward, Tay Ho District, Hanoi City*

- Điện thoại/ *Telephone* : 1900 6446

- Fax : (0243)773 9058

- Người thực hiện công bố thông tin/  
*Submitted by* : Trịnh Thanh Hằng

Chức vụ/ *Position* : Chánh Văn phòng, Người ủy quyền CBTT/  
*Chief of Administrative Officer, Person authorized  
to disclose information*

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure:*

**Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.**  
***Annual Report 2024 of FPT Securities Joint Stock Company.***

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/3/2025 tại đường dẫn: <http://www.fpts.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

*This information was published on FPTS's website on March 29<sup>th</sup>, 2025, as in the link: <https://www.fpts.com.vn/investor-relations/information-disclosure/>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/ Attached documents:**

- Báo cáo thường niên năm 2024.
- Annual Report 2024.

**Đại diện tổ chức/ Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
*Legal representative / Person authorized to disclose information*



NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*Trinh Thanh Hằng*



CHỨNG KHOÁN FPT



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **20** **24**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

# Mục lục

## CHƯƠNG 01 PHẦN MỞ ĐẦU

- 06. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08. Các chỉ số tài chính nổi bật 2024
- 09. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 10. Sự kiện nổi bật năm 2024

## CHƯƠNG 02 THÔNG TIN CHUNG

- 14. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 16. Quá trình hình thành và phát triển
- 17. Ngành nghề kinh doanh
- 18. Mạng lưới giao dịch
- 20. Mô hình quản trị
- 30. Các công ty con, công ty liên kết
- 30. Định hướng phát triển
- 32. Thông tin cổ phần
- 36. Rủi ro và quản trị rủi ro

## CHƯƠNG 03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

- 42. Tổng quan ngành chứng khoán Việt Nam năm 2024 và triển vọng năm 2025
- 45. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
- 50. Tổ chức và nhân sự
- 50. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

## CHƯƠNG 04 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 54. Đánh giá tình hình hoạt động của FPTS năm 2024
- 55. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- 56. Triển vọng kinh doanh năm 2025
- 57. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

## CHƯƠNG 05 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 61. Hoạt động chung của Hội đồng quản trị
- 62. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành
- 62. Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2024
- 62. Phướng hướng hoạt động
- 63. Tổng kết

## CHƯƠNG 06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66. Hội đồng quản trị
- 66. Các cuộc họp Hội đồng quản trị
- 66. Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024
- 68. Ủy ban kiểm toán
- 68. Các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty, hoặc giữa Công ty với Cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
- 69. Các giao dịch, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán
- 69. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

## CHƯƠNG 07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 72. Mô hình phát triển bền vững
- 74. Chiến lược về phát triển bền vững
- 74. Hoạt động phát triển bền vững trong năm 2024 của FPTPS

## CHƯƠNG 08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

08

## CHƯƠNG I

# PHẦN MỞ ĐẦU

- 06. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08. Các chỉ số tài chính nổi bật 2024
- 09. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 10. Sự kiện nổi bật năm 2024

# Thông điệp

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*"Trong bối cảnh có nhiều cơ hội và thách thức đan xen, FPTS vẫn sẽ tiếp tục mục tiêu phát triển bền vững, quản trị rủi ro tốt, tối ưu hóa lợi nhuận dựa trên các giá trị cốt lõi và thế mạnh của mình, không ngừng nâng cao vị thế là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam."*

### **ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG**

*Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán FPT*

### **Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT!**

Năm 2024, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những biến động mạnh mẽ, khi suy thoái kinh tế tại nhiều khu vực kéo dài và căng thẳng địa chính trị leo thang. Sự trở lại của Tổng thống Donald Trump với các chính sách bảo hộ có thể kích hoạt một cuộc chiến tranh thương mại mới, đặc biệt với các biện pháp thuế quan áp lên Trung Quốc và các đối tác lớn khác, làm suy yếu thêm thương mại toàn cầu. Một số nền kinh tế lớn tại châu Âu và Nhật Bản ghi nhận tăng trưởng GDP thấp hơn dự kiến, trong khi lạm phát vẫn là mối lo ngại dù đã có dấu hiệu giảm nhiệt từ mức cao của các năm trước. Trong bối cảnh này, thị trường tài chính toàn cầu chứng kiến sự phục hồi không đồng đều, tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Tại Việt Nam, kinh tế năm 2024 dù còn nhiều khó khăn, nhưng đã cho thấy dấu hiệu ổn định hơn nhờ sự điều hành linh hoạt của Chính phủ và sức bật từ các ngành xuất khẩu chủ lực. GDP cả năm tăng trưởng 7,09% so với cùng kỳ năm trước, trong khi CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Xuất nhập khẩu hàng hóa duy trì đà tăng trưởng tích cực với xuất siêu 24,77 tỷ USD. Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự khởi sắc đáng kể: Chỉ số VN-Index tăng khoảng 12,11% (từ 1.129,93 điểm đầu năm lên 1.266,78 điểm cuối năm), chỉ số HNX-Index giảm nhẹ 1,56% (từ 231,04 điểm lên 227,43 điểm). Giá trị giao dịch bình quân đạt 21.098 tỷ đồng/phiên, tăng 20,02% so với bình quân năm trước, thanh khoản được cải thiện từ chính sách lãi suất thấp và niềm tin nhà đầu tư dần phục hồi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT trong năm 2024 vừa qua cũng tiếp tục ghi nhận số lượng lớn tài khoản mở mới 11.821 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 2.977 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2024 là 229.172 tài khoản chứng khoán cơ sở và 34.211 tài khoản chứng khoán phái sinh. Năm 2024, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền của công ty

tại HOSE là 2,75% (ngoài Top 10), tại HNX là 3% (đứng thứ 9), tại sàn đăng ký giao dịch Upcom là 3,67% (đứng thứ 7) và FPTS đứng thứ 10 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với 2,06%. Năm qua là một năm chứng kiến sự cạnh tranh về khách hàng và thị phần diễn ra ngày càng khốc liệt giữa các công ty chứng khoán trên thị trường.

Trong năm 2024, FPTS đạt lợi nhuận trước thuế đã thực hiện 512,67 tỷ đồng, vượt 122,07% so với kế hoạch đề ra và tăng nhẹ 0,52% so với năm 2023. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của công ty ghi nhận 9.759,56 tỷ đồng, với vốn chủ sở hữu ở mức 4.117,97 tỷ đồng. Cũng trong năm này, FPTS đã hoàn tất việc nâng vốn điều lệ từ 2.145,65 tỷ đồng lên 3.059,19 tỷ đồng. Những thành tựu này thể hiện sự quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên trong việc duy trì hiệu quả hoạt động, bất chấp sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường.

Nhìn về năm 2025, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sáng sủa hơn so với năm 2024, dù vẫn tiềm ẩn những bất ổn từ biến động tỷ giá và tác động từ chính sách kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các động thái của chính quyền Trump. Chính phủ tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất thấp và các chính sách kích thích tăng trưởng, tạo động lực cho thị trường chứng khoán duy trì đà tăng điểm và cải thiện thanh khoản. Hệ thống KRX được kỳ vọng chính thức vận hành trong năm 2025, tạo tiền đề cho sự ra đời của các sản phẩm mới trong các năm tiếp theo. Tuy nhiên, các công ty chứng khoán vẫn phải tiếp tục đối mặt với thách thức từ sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Đây vừa là khó khăn, vừa là cơ hội để FPTS khẳng định vị thế, đổi mới dịch vụ và đồng hành cùng nhà đầu tư trong một năm đầy tiềm năng nhưng không kém phần thử thách.

Trong bối cảnh có nhiều cơ hội và thách thức đan xen, FPTS vẫn sẽ tiếp tục mục tiêu phát triển bền vững, quản trị rủi ro tốt, tối ưu hóa lợi nhuận dựa trên các giá trị cốt lõi và thế mạnh của mình, không ngừng nâng cao vị thế là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể người lao động và cán bộ, nhân viên vì đã nỗ lực hết mình cho thành quả của Công ty trong suốt năm qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**Trân trọng,**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Nguyễn Văn Dũng*

# CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2024

Các chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023	2024
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu hoạt động	Tỷ đồng	850,24	944,17	1.147,75
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	335,30	328,96	405,56
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	1,37	9,10	8,83
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-	-	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Tỷ đồng	76,66	83,58	89,84
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	439,64	540,73	661,17
Lợi nhuận từ hoạt động khác	Tỷ đồng	1,89	1,21	2,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	441,53	541,94	663,17
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	318,22	444,92	567,32
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	5.288,00	8.234,68	9.759,56
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.950,60	2.145,65	3.059,19
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3.348,03	3.643,94	4.117,97
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>				
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	4,32	6,58	6,31
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	10,05	12,73	14,62
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.456	2.074*	1.869**

(\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm 2023 đã được điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được trích vào năm 2024.

(\*\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đến thời điểm phát hành báo cáo thường niên này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

# TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## Tầm nhìn



FPTS mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

## Sứ mệnh



Chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

## Giá trị cốt lõi

### Con người

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhờ trọng dụng nhân tài, nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự, đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã có đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.

### Công nghệ

FPTS đã đầu tư nhiều nguồn lực nhằm khai thác tối đa các thế mạnh về công nghệ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng cũng như quy mô phát triển ngày càng cao của thị trường cả hiện tại và trong tương lai.

- Giải pháp công nghệ tiên tiến với các tính năng tối ưu luôn được cập nhật, nâng cấp, có khả năng mở rộng, gia tăng nhanh chóng.
- Các sản phẩm phần mềm giao dịch có thể phục vụ số lượng giao dịch rất lớn vừa an toàn, bảo mật lại đạt tốc độ cao, mọi lúc, mọi nơi qua các kênh dịch vụ trực tuyến hay giao dịch truyền thống: điện thoại, quầy giao dịch.
- Giao dịch trực tuyến được bảo mật bằng nhiều phương thức, thiết bị xác thực người dùng có độ uy tín cao, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu truyền tải trên đường truyền.
- Hệ thống điều hành, quản lý và quản trị công ty được nâng cấp tối đa, áp dụng các công nghệ tiên tiến, giảm thiểu quy trình xử lý thủ công, rườm rà, đem lại hiệu quả tối đa trong quản lý, quản trị ở các cấp.



# SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024



FPTS ra mắt dịch vụ Sức mua trong ngày



Cổ phiếu FTS của CTCP Chứng khoán FPT được thêm vào danh mục chỉ số Market-Vector Vietnam Local Index



FPTS ra mắt tiện ích mở tài khoản hoàn toàn trực tuyến



FPTS củng cố vị trí trong Top 10 thị phần cả năm 2024 của sàn HNX, Upcom, Phái sinh, và Top 10 tại HOSE trong 3 Quý (Quý 1, 3 và 4)



FPTS ra mắt tiện ích đăng nhập sử dụng bảo mật 2 lớp



FPTS được vinh danh Mid Cap có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất 2024



FPTS ra mắt phương thức xác thực giao dịch Smart OTP

**TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ**

**229.172**

**TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH**

**34.211**

**SỐ CÁN BỘ NHÂN VIÊN**

**458**

**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**

**1.147,75 TỶ VNĐ**

21,6%



**VỐN ĐIỀU LỆ**

**3.059,19 TỶ VNĐ**

42,6%



**TỔNG TÀI SẢN**

**9.759,56 TỶ VNĐ**

18,5%



**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

**567,32 TỶ VNĐ**

27,5%





## CHƯƠNG II

# THÔNG TIN CHUNG

- 14. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 16. Quá trình hình thành và phát triển
- 17. Ngành nghề kinh doanh
- 18. Mạng lưới giao dịch
- 20. Mô hình quản trị
- 30. Các công ty con, công ty liên kết
- 30. Định hướng phát triển
- 32. Thông tin cổ phần
- 36. Rủi ro và quản trị rủi ro

# THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

## Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - được cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/7/2007. Trải qua gần 18 năm hình thành và phát triển, FPTS đã liên tục gặt hái được nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

<b>Tên doanh nghiệp</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
<b>Tên tiếng Anh</b>	FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên giao dịch</b>	Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT
<b>Tên viết tắt</b>	FPTS
<b>Trụ sở chính</b>	Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
<b>Mã số ĐKKD</b>	0102324187
<b>Website</b>	<a href="https://www.fpts.com.vn">https://www.fpts.com.vn</a>
<b>Số fax</b>	(84.24) 3773 9058
<b>Số điện thoại</b>	1900 6446
<b>Vốn điều lệ</b>	3.059.193.660.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	3.059.276.408.150 đồng
<b>Mã cổ phiếu</b>	FTS
<b>Email</b>	fptsecurities@fpts.com.vn

## Quá trình hình thành và phát triển



## Ngành nghề kinh doanh

### Giao dịch chứng khoán

#### Giao dịch chứng khoán:

- Giao dịch cổ phiếu.
- Giao dịch trái phiếu.
- Giao dịch chứng khoán phái sinh.
- Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF.
- Giao dịch chứng quyền.
- Lưu ký chứng khoán.

#### Dịch vụ tài chính

- Nộp tiền vào tài khoản.
- Giao dịch ký quỹ.
- Ứng trước tiền bán chứng khoán.

#### Dịch vụ tư vấn đầu tư

### Tư vấn doanh nghiệp

#### Tư vấn Quan hệ Nhà đầu tư:

- Tư vấn Công bố thông tin và Giải pháp EzIR
- Tư vấn Tổ chức Đại hội đồng cổ đông và Giải pháp EzGSM
- Tư vấn lập Báo cáo thường niên
- Tư vấn lập Báo cáo phát triển bền vững
- Tư vấn lập chính sách chi trả cổ tức
- Tư vấn Quản lý cổ đông và Giải pháp EzLink

#### Tư vấn quản trị doanh nghiệp:

- Tư vấn xây dựng, sửa đổi Điều lệ, các Quy chế quản trị công ty.
- Tư vấn lập Báo cáo tình hình quản trị công ty

#### Tư vấn Hoàn thiện doanh nghiệp:

- Tư vấn Lập kế hoạch kinh doanh
- Tư vấn Dự báo tài chính
- Tư vấn Rà soát đặc biệt doanh nghiệp
- Tư vấn Quản trị nhân sự và Giải pháp EzHRM

#### Dịch vụ Ngân hàng đầu tư:

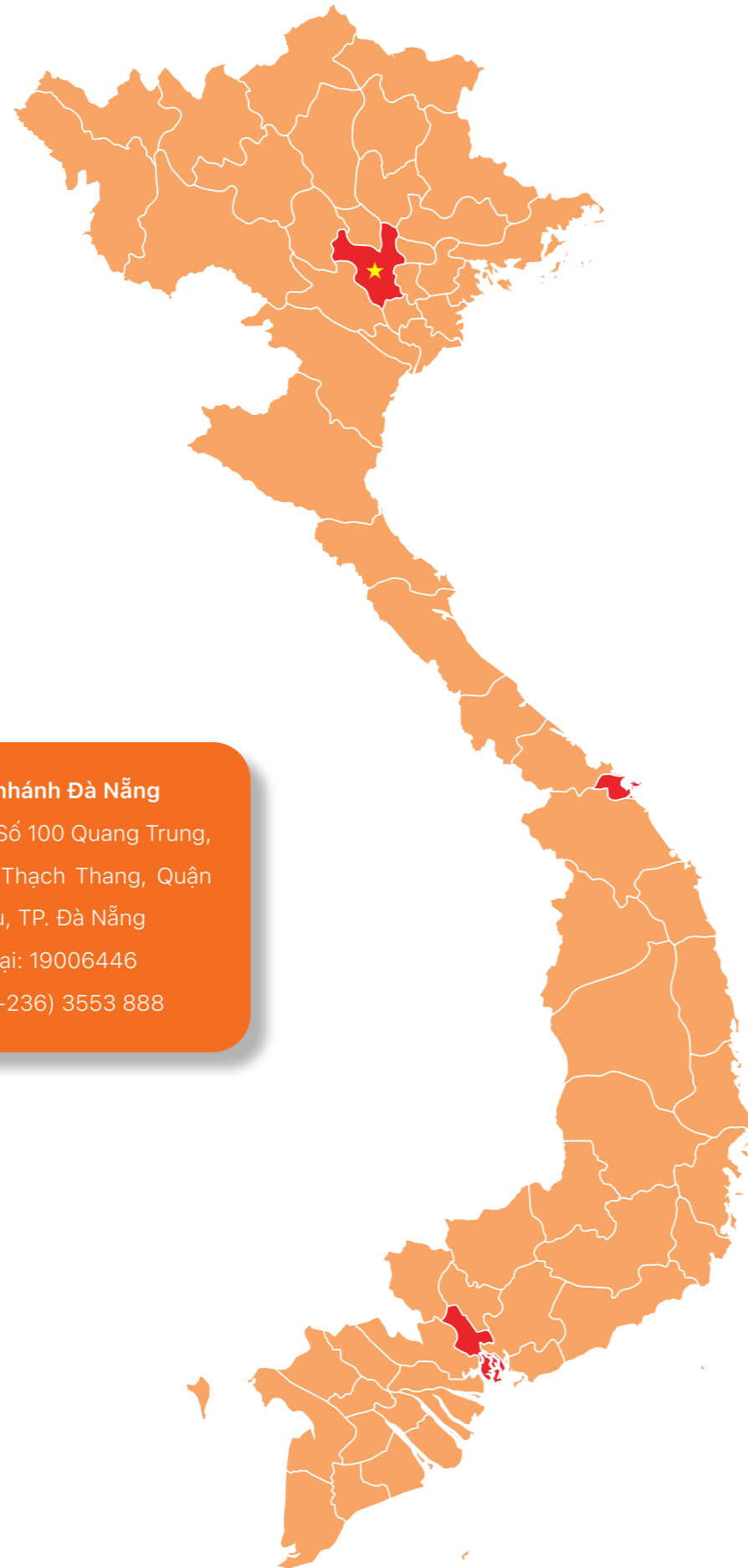
- Tư vấn tổ chức lại doanh nghiệp
- Tư vấn chào bán và phát hành chứng khoán
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
- Tư vấn đấu giá
- Tư vấn thoái vốn cổ phần/ vốn góp

#### Tư vấn khác:

- Tư vấn đăng ký/ hủy tư cách Công ty đại chúng.
- Tư vấn đăng ký chứng khoán.
- Tư vấn đăng ký giao dịch chứng khoán, đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Tư vấn giao dịch cổ phiếu quỹ.
- Tư vấn thực hiện chào mua công khai cổ phiếu.
- Tư vấn xác định và thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa.



## Mạng lưới giao dịch



- **Chi nhánh Đà Nẵng**

Địa chỉ: Số 100 Quang Trung,  
Phường Thạch Thang, Quận  
Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-236) 3553 888

- **Trụ sở chính**

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.  
Điện thoại: 19006446.  
Fax: (84-24) 3773 9058.

- **Phòng giao dịch Hàn Thuyên**

Địa chỉ: Tầng 2, Số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.  
Điện thoại: 19006446.  
Fax: (84-24) 3933 6168.

- **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 19006446.  
Fax: (84-28) 6291 0607.

- **Phòng giao dịch Phan Xích Long**

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà 462 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 19006446.  
Fax: (84-28) 3995 6997.

- **Phòng giao dịch Kỳ Đồng**

Địa chỉ: Lầu 2, Số 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 19006446.  
Fax: (84-28) 6269 8587.

- **Phòng giao dịch Trần Bình Trọng**

Địa chỉ: Số 299 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 19006446.  
Fax: (84-28) 3830 8028.

- **Phòng giao dịch Sương Nguyệt Ánh**

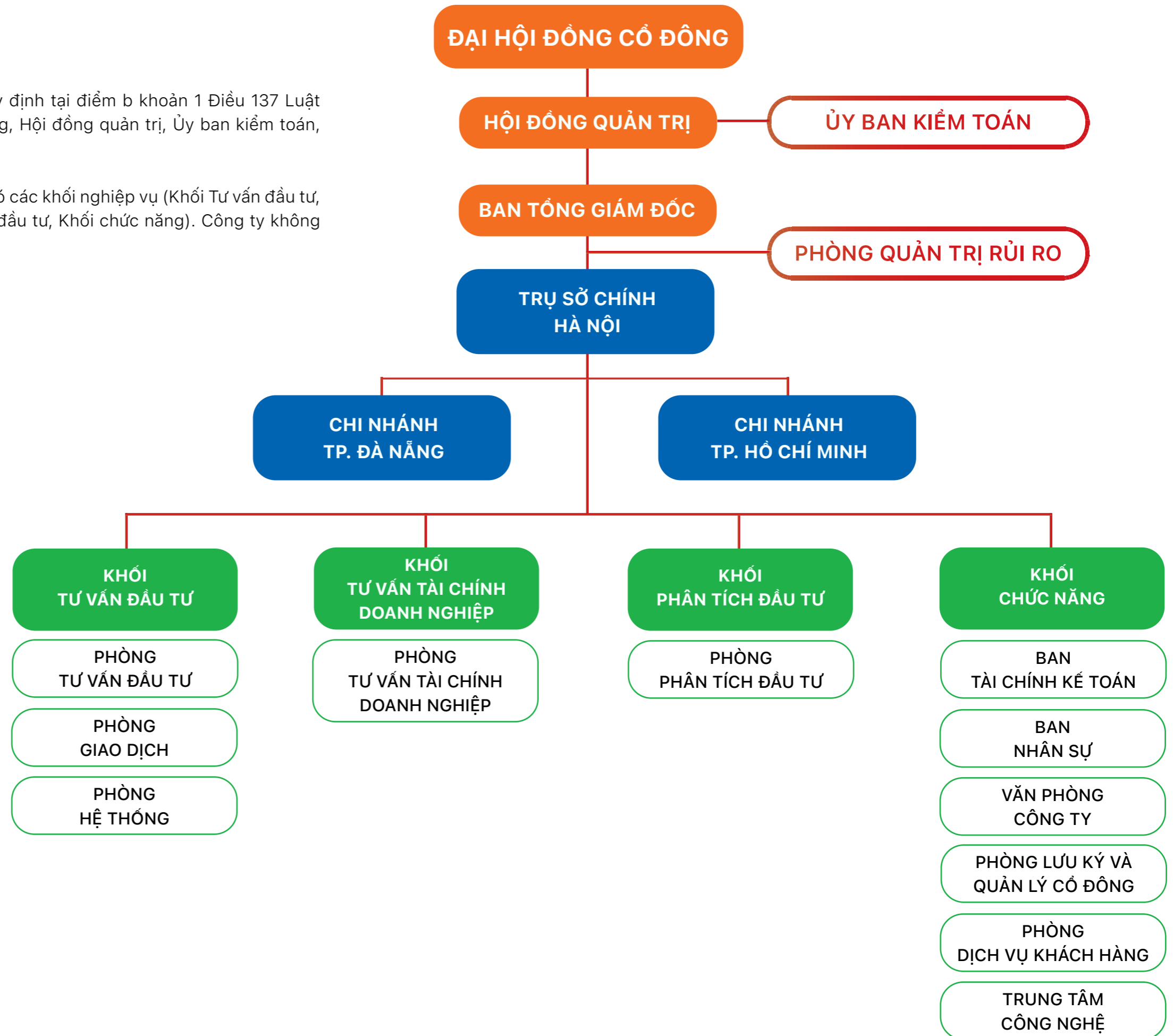
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà 10B Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 19006446.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

## Mô hình quản trị

Năm 2024, FPTS hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng giám đốc.

Đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, FPTS hiện có các khối nghiệp vụ (Khối Tư vấn đầu tư, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Khối Phân tích đầu tư, Khối chức năng). Công ty không có công ty con, không có công ty liên kết.



## Giới thiệu Ban lãnh đạo

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



#### ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

##### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Ngân hàng, Cử nhân Ngoại ngữ (Chuyên ngành Tiếng Anh)

##### Quá trình công tác:

- 1996 – 1998: Cán bộ tín dụng, Cán bộ quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
- 1998 – 2006: Cán bộ Tài trợ thương mại, Trợ lý giám đốc Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội
- 2006 – 2007: Phụ trách nghiệp vụ Tài trợ thương mại Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội
- 2007 – 3/2021: Giám đốc tư vấn đầu tư Công ty cổ phần chứng khoán FPT
- 4/2018 – 7/2020: Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán FPT
- 4/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán FPT
- 8/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán FPT



#### ÔNG NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

##### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

##### Quá trình công tác:

- 1991 – 1993: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần FPT
- 1993 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- 2004 – 2007: Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- 2007 – 2010: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 2010 – 7/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 8/2020 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



## ÔNG ĐỖ SƠN GIANG

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

#### Quá trình công tác:

- 1997 – 2000: Kế toán viên Công ty Cổ phần FPT
- 2001 – 2003: Phó ban kế hoạch tài chính Công ty Cổ phần FPT
- 2003 – 2010: Kế toán trưởng, Trưởng ban kế toán tài chính Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS)
- 2010 – 2017: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng ban kế toán tài chính Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 2017 – 5/2024: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 5/2024 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH FPT IS; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



## ÔNG TRẦN THANH TÙNG

### THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

#### Quá trình công tác:

- 12/2001 – 11/2004: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán Sài Gòn
- 11/2004 – 4/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội
- 4/2007 – 4/2008: Chuyên viên tư vấn tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 4/2008 – 9/2017: Kế toán trưởng kiêm trưởng ban kiểm soát và Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Thế Giới số Trần Anh
- 1/2018 – 8/2021: Trưởng phòng tài chính kiêm trưởng phòng Sales Operation Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc
- 1/2022 – nay: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
- 3/2022 – nay: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



## ÔNG KENJI NAKANISHI

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1966

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

#### Quá trình công tác:

- 4/1992 – 11/2021: Giám đốc điều hành của công ty chứng khoán thuộc Tập đoàn chứng khoán Daiwa
- 7/2022 - 4/2023: Quản lý tại Phòng quản trị kinh doanh nước ngoài - Tập đoàn SBI Holdings Inc
- 5/2023 – nay: Giám đốc điều hành - SBI Royal Securities Plc(Cambodia), SBI Holdings Inc
- 3/2024 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT





## ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị của Công ty có 02 thành viên.



### ÔNG TRẦN THANH TÙNG

**CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN KIÊM THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm sinh: 1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

*(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)*



### ÔNG ĐỖ SƠN GIANG

**THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN KIÊM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH**

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

*(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)*

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



### ÔNG NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

**TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)*



### ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)*



### BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

#### Quá trình công tác:

- 1994 – 2003: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT
- 2003 – 2004: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phân phối FPT
- 2004 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Giải pháp phần mềm FPT
- 01/2007 – 06/2007: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT
- 07/2007 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 04/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến 31/12/2024, Công ty không có các công ty con, không có công ty liên kết.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

FPTS tiếp tục thận trọng trong các hoạt động đầu tư, lựa chọn danh mục chứng khoán cho vay; lựa chọn áp dụng các giải pháp bảo mật trong các giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư; công bố thông tin minh bạch tạo niềm tin cho khách hàng và cổ đông FPTS; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi là con người và công nghệ.



VỀ CON NGƯỜI

FPTS tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh việc đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, FPTS đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.



VỀ CÔNG NGHỆ

FPTS tiếp tục kiên định với định hướng: Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch và trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.



# THÔNG TIN CỔ PHẦN

## Thông tin cổ phiếu Công ty

Đến hết ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã phát hành 305.919.366 cổ phiếu. Trong đó:

Tổng số cổ phần	305.919.366 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	305.919.366 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	5.529.950 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	300.389.416 cổ phần

**Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024:** Trong năm Công ty không phát sinh nghiệp vụ có liên quan.

- Giá trị cổ phiếu quỹ đầu kỳ: 0 đồng
- Số lượng mua: 0 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu quỹ tăng thêm: 0 đồng
- Số lượng bán: 0 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu quỹ giảm đi: 0 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu quỹ cuối kỳ: 0 đồng

## Các chứng khoán khác

Trong năm Công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác và không có các cam kết chưa thực hiện của Công ty với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

## Cơ cấu cổ đông

Đối tượng	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng	Cơ cấu cổ đông (người)	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-	-	-
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>61.711.604</b>	<b>20,17</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
- Trong nước*	61.711.604	20,17	3	1	2
- Nước ngoài	-	-	-	-	-
<b>Cổ đông lớn</b>	<b>127.183.683</b>	<b>41,57</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	-
- Trong nước*	53.778.344	17,58	1	1	-
- Nước ngoài	73.405.339	23,99	1	1	-
<b>Cổ đông khác</b>	<b>170.802.423</b>	<b>55,83</b>	<b>12.806</b>	<b>58</b>	<b>12.748</b>
- Trong nước	151.752.642	49,61	12.430	31	12.399
- Nước ngoài	19.049.781	6,23	376	27	349

Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>305.919.366</b>	<b>100</b>	<b>12.810</b>	<b>60</b>	<b>12.750</b>
- Trong nước	213.464.246	69,78	12.433	32	12.401
- Nước ngoài	92.455.120	30,22	377	28	349

\* Công ty Cổ phần FPT là cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông lớn

Nguồn: Tổng hợp đến thời điểm 31/12/2024

**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:** Ngày 17/2/2017, FPTSC có nhận được công văn số 852/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với mã chứng khoán FTS là 100%.

## Danh sách cổ đông lớn

Trong năm 2024, không có sự thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn tại Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Tên	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Trụ sở (cổ đông tổ chức)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL tại 31/12/2024 (%)
1	Công ty Cổ phần FPT	0101248141	Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	53.778.344	17,58
2	SBI Financial Services Co., Ltd	010401100313	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	73.405.339	23,99



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn điều lệ (đồng)	Nội dung	Đơn vị cấp
13/7/2007	200.000.000.000	Thành lập Công ty.	UBCKNN
12/2007	440.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu cho CBNV.	UBCKNN
4/2011	550.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành 11.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho SBI Securities.	UBCKNN
6/2012	733.323.900.000	Tăng vốn từ chia thưởng tỷ lệ 3:1 cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN
6/2015	806.648.700.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10:1, cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN
6/2016	903.437.270.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12%.	UBCKNN
6/2017	993.769.520.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.	UBCKNN
6/2018	1.093.136.880.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.	UBCKNN
6/2019	1.202.440.510.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.	UBCKNN
7/2020	1.322.673.490.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.	UBCKNN
8/2021	1.454.930.970.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.	UBCKNN
8/2021	1.475.672.970.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2021.	UBCKNN
9/2022	1.950.599.510.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2022 Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20%. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu, tỷ lệ 10%.	UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
6/2023	2.145.649.870.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.	UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
6/2024	3.003.894.160.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 40%	UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư
6/2024	3.059.193.660.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2024	UBCKNN và Sở Kế hoạch và Đầu tư



01

### NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là

một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty;

- Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán;
- Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;
- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường.

02

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của FPTS có tiềm ẩn rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh. Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng

bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới việc giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro này, FPTS đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận quản trị rủi ro từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

03

### RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi FPTS mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin) và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại FPTS. FPTS đã mở mới 11.821 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 2.977 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trong năm 2024. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2024 là 229.172 tài khoản chứng khoán cơ sở và 34.211 tài

khoản chứng khoán phái sinh. Với số lượng khách hàng ngày càng tăng qua các năm và hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, FPTS phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Công ty vẫn linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. Năm 2024 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của FPTS về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào.

04

### RỦI RO PHÁP LÝ

FPTS hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại FPTS là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của Công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ

có liên quan. Nhờ đó giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty giúp Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

05

### RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/ một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/ đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/ đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng/ thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của Công ty, FPTS thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro

hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của FPTS nhằm đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của FPTS phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định/đến thời điểm đáo

hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì FPTS phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của FPTS.

- Sử dụng phần mềm EzMargin để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

06

## RỦI RO NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ô ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân

sự trầm trọng. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa FPT. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Hiện nay, FPTS đang có hơn 450 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để FPTS thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của Công ty trên thị trường.



## CHƯƠNG III

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

- 42. Tổng quan ngành chứng khoán Việt Nam năm 2024 và triển vọng năm 2025
- 45. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
- 50. Tổ chức và nhân sự
- 50. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

# TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2024 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2025

Mặc dù có nhiều tác động từ tình hình kinh tế, thương mại, địa chính trị thế giới, nhưng năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam về cơ bản giữ được sự ổn định, an toàn, phát triển, tiếp tục khẳng định được vai trò là kênh dẫn vốn trung, dài hạn quan trọng của nền kinh tế. Thị trường duy trì sự ổn định, thanh khoản tốt, kỷ luật kỷ cương được củng cố, gia tăng tính minh bạch, bền vững.

Đến cuối năm 2024, VN-Index tăng khoảng 12,11% (từ 1.129,93 điểm đầu năm lên 1.266,78 điểm cuối năm), HNX-Index giảm nhẹ 1,56% (từ 231,04 điểm lên 227,43 điểm). Giá trị giao dịch bình quân đạt 21.098 tỷ đồng/phiên, tăng 20,02% so với bình quân năm trước. Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu trên sàn HOSE, HNX, và UPCoM đạt khoảng 7.200 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2023, tương đương khoảng 70% GDP. Năm 2024 cũng chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong số lượng tài khoản chứng khoán cơ sở, hơn 2 triệu tài khoản cá nhân trong nước được mở mới, nâng tổng số tài khoản lên 9,30 triệu, đạt hơn 9,17% dân số Việt Nam.

Thị trường phái sinh tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng với khối lượng giao dịch tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 300.000 hợp đồng/ngày, tăng 15% so với năm trước. Sự đa dạng hóa sản phẩm giúp nhà đầu tư có thêm công cụ quản lý rủi ro và tìm kiếm lợi nhuận. Thị trường trái phiếu cũng có sự phục hồi ấn tượng, đặc biệt sau các chính sách tháo gỡ khó khăn của Chính phủ. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 12.000 tỷ đồng, tăng 80% so với năm 2023. Quy mô thị trường trái phiếu đạt 2.350 nghìn tỷ đồng, chiếm 23% GDP.

Nhìn lại hoạt động cả năm 2024, có thể điểm lại một số sự kiện, vấn đề nổi bật của thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

## Thông tư 68/2024/TT-BTC được ban hành gỡ nút thắt quan trọng, giúp chứng khoán Việt Nam tiến gần đến mục tiêu nâng hạng

Ngày 18/9/2024, Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung 4 thông tư đã chính thức được Bộ Tài chính ban hành. Cùng với việc quy định lộ trình cụ thể áp dụng công bố thông tin bằng tiếng Anh, điểm mới khác biệt của Thông tư 68/2024/TT-BTC chính là việc cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài được đặt lệnh mua cổ phiếu mà không cần đủ 100% tiền (non-prefunding).

## Quốc hội thông qua Luật Chứng khoán sửa đổi

Ngày 29/11/2024, Quốc hội chính thức thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; nội dung được sửa đổi theo hướng nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán, tăng cường công tác giám sát, xử lý nghiêm các hành vi gian lận, lừa đảo trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, bảo đảm hiệu quả phòng ngừa, xử lý vi phạm trên thị trường chứng khoán và cơ sở pháp lý để thực hiện được hoạt động bù trừ, thanh toán các giao dịch chứng khoán trên thị trường theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

## Thị trường chứng khoán chịu tác động từ nhiều yếu tố ngoại biên

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 12,11% trên VN-Index nhưng phần lớn đà tăng diễn ra trong quý I. Cả 3 quý còn lại thị trường gần như chỉ dao động với nhiều lần không vượt qua được ngưỡng 1.300 điểm. Diễn biến thị trường kém tích cực tương phản với mức tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tăng rất ấn tượng với GDP năm 2024 tăng 7,09%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ đà tăng giá của đồng USD khiến tỷ giá trong

nước tăng mạnh và Ngân hàng nhà nước phải nhiều đợt phát hành tín phiếu và bán USD can thiệp. Kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ cũng đem lại nhiều bất định trong hoạt động thương mại toàn cầu.

## Tin tặc tấn công Công ty Chứng khoán VNDirect, PVOIL

Ngày 24/3/2024 hệ thống công nghệ thông tin của Công ty Chứng khoán VNDirect bị tin tặc tấn công và mã hóa dữ liệu, khiến hệ thống giao dịch bị ngắt kết nối với các Sở giao dịch, đến ngày 01/4/2024 mới được kết nối lại, nhưng quá trình khôi phục hoạt động của cả hệ thống đã phải diễn ra từng bước, theo một lộ trình. Ngay sau đó, ngày 02/4/2024, hệ thống của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) cũng bị tấn công mã hóa dữ liệu ảnh hưởng tới một số hoạt động nghiệp vụ, trong đó có hệ thống phát hành hóa đơn điện tử, website và các ứng dụng khác.

## Làn sóng tăng vốn của các công ty chứng khoán

Thống kê trong năm 2024 đã có khoảng 22 công ty chứng khoán phát hành tăng vốn với gần 25.000 tỷ đồng được huy động thêm. Việc các công ty chứng khoán đẩy mạnh tăng vốn cho thấy sự chủ động nguồn lực để đón cơ hội mới từ hệ thống công nghệ thông tin mới vận hành, nâng hạng... sẽ tạo ra bước ngoặt phát triển mới của thị trường chứng khoán 2025.

## Số doanh nghiệp lên sàn thấp kỷ lục

Với 2 doanh nghiệp chuyển cổ phiếu từ sàn UPCoM sang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (mã cổ phiếu PTX, CAR) và 8 doanh nghiệp lên niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (mã cổ phiếu RYG, DSE, MCM, HNA, QNP, TCI, NAB, VTP), năm 2024, toàn thị trường niêm yết Việt Nam có vòn vện 10 doanh nghiệp niêm yết mới và 1 đợt IPO thành công (mã cổ phiếu DSE).

## Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục

Năm 2024 chứng kiến làn sóng bán ròng kỷ lục của nhóm nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu Việt Nam. Thống kê năm 2024, tổng giá trị bán ròng đã lên tới hơn 93.000 tỷ đồng, gấp 4 lần năm 2023. Không chỉ riêng Việt Nam, dòng vốn đầu tư khắp châu Á và các thị trường mới nổi cũng bị rút về các thị trường phát triển, đặc biệt là Mỹ trong bối cảnh các đồng nội tệ sụt giảm giá trị mạnh mẽ.

## Thị trường trái phiếu doanh nghiệp phục hồi tích cực

Sau những biến động lớn trong năm 2022 - 2023, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận sự phục hồi tích cực cả về số lượng và chất lượng trong năm 2024. Theo đó, tính đến ngày 25/12/2024, tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt hơn 455 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2023. Trong đó, tổng giá trị quy mô phát hành trái phiếu ra công chúng là 46,4 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm 2023. Cùng với đó, thị trường ghi nhận sự cải thiện về chất khi có thêm nhiều tổ chức phát hành mới, đa dạng lĩnh vực hoạt động và đặc biệt xuất hiện sản phẩm trái phiếu xanh.

Bước vào kỳ nguyên mới - kỳ nguyên vươn mình mạnh mẽ, thị trường chứng khoán Việt Nam hứa hẹn có nhiều bước tiến đột phá trong năm 2025. Lý do quan trọng nhất chính là sự phục hồi của nền kinh tế nhờ tiếp tục có những giải pháp quyết liệt từ phía Chính phủ trong việc điều hành kinh tế vĩ mô. Về phía thị trường chứng khoán, nội lực thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng phát triển mạnh mẽ hơn cả về "lượng" và "chất" khi doanh nghiệp niêm yết đang nỗ lực tập trung nâng cao chất lượng về công bố thông tin và quản trị doanh nghiệp tốt. Theo đó, Thông tư Thông tư 68/2024/TT-BTC và Luật Chứng khoán sửa đổi đã tháo gỡ những nút thắt quan trọng về công bố thông tin bằng tiếng Anh, áp dụng chuẩn mực kế toán IFRS và gỡ vướng non-prefunding dành cho nhà đầu tư nước ngoài, giúp giải quyết bài toán nâng hạng thị trường và mở rộng cánh cửa đón dòng vốn



ngoại. Về cơ bản, thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được các tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo yêu cầu của FTSE Russell. Ngoài ra, khi triển khai vận hành hệ thống công nghệ thông tin KRX cho thị trường chứng khoán, nhà đầu tư, công ty chứng khoán, các thành viên trên thị trường sẽ có nhiều cơ hội để triển khai các sản phẩm mới và qua đó hỗ trợ tăng trưởng và thanh khoản của thị trường một cách mạnh mẽ hơn so với năm 2024. Trên cơ sở các yếu tố tích cực kể trên, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được kỳ vọng sẽ phát triển cả về quy mô và chất lượng, tiếp tục khẳng định là kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho nền kinh tế và là công cụ quản lý vĩ mô quan trọng của Chính phủ.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

### Kết quả kinh doanh năm 2024 so với kế hoạch

Trong năm 2024, FPTS ghi nhận lợi nhuận trước thuế đã thực hiện 512,67 tỷ đồng, hoàn thành 122,07% kế hoạch và tăng 0,52% so với năm 2023. Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản của FPTS đạt 9.759,56 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 4.117,97 tỷ đồng. Trong năm, Công ty cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 2.145,65 tỷ đồng lên đến 3.059,19 tỷ đồng. Kết quả trên đã phản ánh nỗ lực tăng doanh thu và tiết giảm chi phí của Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt để đạt được kết quả cả năm tăng trưởng so với năm 2023 và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024 (Tỷ đồng)	Kế hoạch Năm 2024 (Tỷ đồng)	Thực hiện Năm 2023 (Tỷ đồng)	% Thực hiện 2024 so với Kế hoạch	% Thực hiện 2024 so với Năm 2023
<b>Doanh thu đã thực hiện</b>	1.006,07	845,00	921,37	119,06%	109,19%
<b>Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện</b>	512,67	420,00	510,04	122,07%	100,52%

#### Các vấn đề khác:

- **Tổ chức, nhân sự:**
  - » Trong năm 2024 về cơ bản Công ty giữ nguyên cơ cấu, tổ chức, nhân sự. Nhân sự đầu năm 505 người, cuối năm 458 người.
- **Công nghệ, sản phẩm dịch vụ:**
  - » Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, gia tăng năng lực hệ thống và đảm bảo hệ thống được vận hành an toàn, ổn định để phục vụ khách hàng.
  - » Tiếp tục hoàn thiện các tiện ích dành cho nhà đầu tư và cho khách hàng doanh nghiệp.
  - » Phát triển, nâng cấp hệ thống Core và Mobile App.
  - » Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn đầu tư.
- **Quản trị rủi ro:**
  - » Chủ động nhận dạng, đánh giá rủi ro để giảm thiểu rủi ro. Đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.
- **Khác:**
  - » Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%. Hoàn thành phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 40% và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý theo nghị quyết ĐHCĐ 2024 đã thông qua.
  - » Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.
  - » Hoàn thiện hệ thống quy trình, vận hành theo quy trình và thực hiện đánh giá chất lượng.
  - » Trong hoạt động của mình, Công ty luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Công ty cũng đã phối hợp với Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức nhiều hội thảo để tăng sự hiểu biết của cộng đồng đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói chung. Đối với người lao động, Công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao, ...

## Kết quả kinh doanh qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>944,17</b>	<b>1.147,75</b>	<b>21,56%</b>
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	155,20	245,49	58,18%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	443,22	589,27	32,95%
Doanh thu môi giới chứng khoán	297,41	250,44	(15,79%)
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	4,07	13,22	224,65%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	11,10	12,56	13,15%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	32,77	36,50	11,37%
Thu nhập hoạt động khác	0,39	0,28	(29,00%)
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>328,96</b>	<b>405,56</b>	<b>23,29%</b>
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	2,88	0,91	(68,45%)
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	116,14	179,00	54,13%
Chi phí hoạt động tự doanh	0,11	0,42	286,88%
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	174,88	180,56	3,25%
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3,77	12,09	220,29%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16,62	18,01	8,36%
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	14,57	14,58	0,11%
Chi phí các dịch vụ khác	-	-	-
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>9,11</b>	<b>8,83</b>	<b>(3,07%)</b>
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	9,11	8,83	(3,07%)
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>83,58</b>	<b>89,84</b>	<b>7,49%</b>

<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>540,73</b>	<b>661,17</b>	<b>22,27%</b>
<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>1,21</b>	<b>2,00</b>	<b>65,03%</b>
Thu nhập khác	48,68	58,10	19,36%
Chi phí khác	47,46	56,10	18,20%
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>541,94</b>	<b>663,17</b>	<b>22,37%</b>
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>444,92</b>	<b>567,32</b>	<b>27,51%</b>

Năm 2024, FPTS ghi nhận doanh thu đến từ hoạt động môi giới chứng khoán giảm 15,79% so với năm 2023, doanh thu đến từ các hoạt động còn lại đều tăng trưởng đáng kể. Trong đó, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), lãi từ các khoản cho vay và phải thu và doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán giữ các mức tăng trưởng ấn tượng lần lượt là 58,18%, 32,95% và 224,65% so với năm 2023, đóng góp quan trọng vào tổng doanh thu hoạt động cả năm.

## Tình hình tài chính và các chỉ số tài chính

### CƠ CẤU TÀI SẢN

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>8.045,92</b>	<b>9.580,16</b>	<b>19,07%</b>
Tài sản tài chính	8.041,27	9.574,61	19,07%
Tài sản ngắn hạn khác	4,64	5,55	19,60%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>188,77</b>	<b>179,40</b>	<b>(4,96%)</b>
Tài sản cố định	155,49	142,60	(8,29%)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	33,28	36,80	10,60%
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>8.234,68</b>	<b>9.759,56</b>	<b>18,52%</b>

Tổng tài sản của Công ty tăng từ 8.234,68 tỷ đồng lên 9.759,56 tỷ đồng, tăng mạnh 18,52% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng đáng kể. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản cho vay và các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) có tác động mạnh nhất đến cơ cấu tổng tài sản. Tài sản dài hạn giảm nhẹ 4,96% nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận khấu hao tài sản cố định (từ nhà cửa, vật kiến trúc và thiết bị, dụng cụ quản lý), nhìn chung không ảnh hưởng nhiều đến tổng tài sản.

## Tình hình tài chính và các chỉ số tài chính

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>4.590,75</b>	<b>5.641,59</b>	<b>22,89%</b>
Nợ phải trả ngắn hạn	4.590,75	5.641,59	22,89%
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>3.643,94</b>	<b>4.117,97</b>	<b>13,01%</b>
Vốn chủ sở hữu	3.643,94	4.117,97	13,01%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>8.234,68</b>	<b>9.759,56</b>	<b>18,52%</b>

Tương ứng với tài sản, nguồn vốn trong năm 2024 cũng tăng mạnh 18,52% so với năm 2023, trong đó nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tăng lần lượt 22,89% và 13,01%. Công ty đã tăng vốn chủ sở hữu 2 lần trong năm 2024 bằng cách phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất là 97% và có tăng trưởng nhiều nhất tương đương mức tăng 74% so với năm 2023.

Năm 2024, Công ty cũng không có các khoản nợ quá hạn và không chịu sự ảnh hưởng của tác động tỷ giá hối đoái lên các tài sản của Công ty.

### CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,62	1,75	1,70
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,14	0,27	0,10
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/ tổng tài sản bình quân	%	26,32	67,90	62,70
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu bình quân	%	61,29	131,31	145,37
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0,27	0,27	0,30
Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân	Lần	0,12	0,14	0,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	%	37,43	47,12	49,43

Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,32	6,58	6,31
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10,05	12,73	14,62

**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:** Do tiền và các khoản tương đương tiền giảm, nợ phải trả tăng dẫn đến hệ số thanh toán tức thời giảm đáng kể so với năm 2023. Đồng thời, tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn trong năm 2024 nên hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ so với năm 2023 nhưng vẫn được duy trì ở mức an toàn.

**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Nợ và vốn chủ sở hữu năm 2024 đều tăng so với năm 2023 với tỷ lệ lần lượt là 22,89% và 13,01%, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu bình quân tăng nhẹ so với năm trước nhưng hệ số nợ trên tổng tài sản bình quân giảm nhẹ so với năm 2023. Hiện tại cơ cấu vốn của Công ty bao gồm 57,8% là nguồn nợ phải trả, và toàn bộ đều là nợ phải trả ngắn hạn, không có nợ phải trả dài hạn; và 42,2% là nguồn vốn chủ sở hữu. Việc gia tăng tỷ lệ vốn chủ trong cơ cấu nguồn vốn giúp giảm bớt rủi ro cho doanh nghiệp.

**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Trong năm 2024, doanh thu hoạt động tăng nhanh hơn so với tăng trưởng vốn chủ sở hữu dẫn tới hệ số doanh thu hoạt động trên vốn chủ sở hữu bình quân tăng nhẹ so với năm 2023. Ngược lại, hệ số doanh thu hoạt động trên tổng tài sản bình quân giảm nhẹ, cho thấy Công ty cần khai thác tài sản để tạo ra doanh thu hiệu quả hơn.

**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Trong năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 27,51% đạt 567,32 tỷ đồng. Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động tăng cho thấy khả năng kiểm soát chi phí tốt. ROE vẫn giữ đà tăng mặc dù doanh nghiệp tăng vốn chủ sở hữu 2 lần trong năm chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn chủ ngày càng được nâng cao. Tuy ROA giảm nhẹ, nhưng việc khai thác tài sản để tạo lợi nhuận của Công ty vẫn ở mức hiệu quả.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Đơn vị: Người

STT	Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024
<b>I Theo trình độ lao động</b>			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	479	431
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	17	12
3	Lao động phổ thông	9	15
<b>II Theo giới tính</b>			
1	Nam	268	233
2	Nữ	237	225
<b>Tổng cộng</b>		<b>505</b>	<b>458</b>

**Chính sách tuyển dụng:** Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chính sách đào tạo Cán bộ:** Cán bộ, nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

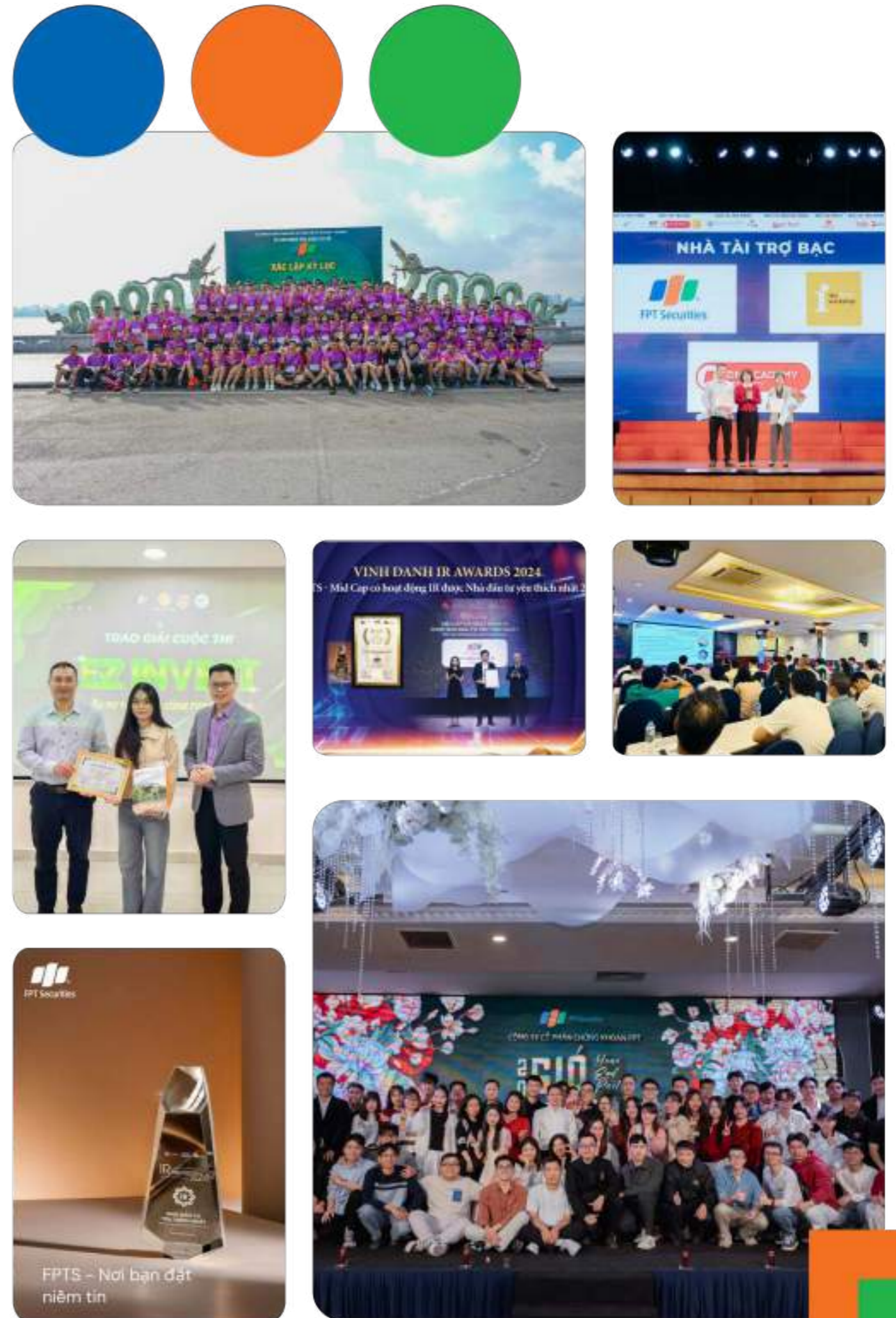
### Chính sách lương thưởng:

- Chính sách trả lương: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.
- Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể.
- Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ, nhân viên của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

**Chính sách phúc lợi xã hội:** Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, v.v...). Đặc biệt, Công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể cán bộ, nhân viên. Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, tổ chức cho cán bộ, nhân viên của Công ty tham gia các hoạt động tập thể, teambuilding... Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật cán bộ, nhân viên, ...).

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

KHÔNG CÓ.



An aerial night view of a city skyline, featuring a prominent skyscraper under construction in the center. The city lights are visible, and a river flows through the scene. The sky is a mix of blue and orange, suggesting dusk or dawn.

## CHƯƠNG IV

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 54. Đánh giá tình hình hoạt động của FPTS năm 2024
- 55. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- 56. Triển vọng kinh doanh năm 2025
- 57. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA FPT'S NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty đã không ngừng nỗ lực tăng doanh thu và tiết giảm chi phí để đạt được kết quả tăng trưởng so với năm 2023 và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của FPT'S vẫn đảm bảo an toàn, chắc chắn; lợi nhuận trước thuế là 663,17 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận đã thực hiện là 512,67 tỷ đồng, lợi nhuận chưa thực hiện là 150,50 tỷ đồng) đạt 122,07%, doanh thu đã thực hiện đạt 119,06% so với mức kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã đưa ra.

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024 (Tỷ đồng)	Kế hoạch Năm 2024 (Tỷ đồng)	Thực hiện Năm 2023 (Tỷ đồng)	% Thực hiện 2024 so với Kế hoạch	% Thực hiện 2024 so với Năm 2023
<b>Doanh thu đã thực hiện</b>	1.006,07	845,00	921,37	119,06%	109,19%
<b>Lãi trước thuế đã thực hiện</b>	512,67	420,00	510,04	122,07%	100,52%



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Trách nhiệm về môi trường

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPT'S luôn ý thức được tầm quan trọng của hai nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Công ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPT'S áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ, nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng;
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa;
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước;

Từ năm 2019, FPT'S đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này, trong các năm sau đó, FPT'S đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Năm 2022, Công ty đã thực hiện dán film chống nhiệt mặt kính tòa nhà để tiết kiệm năng lượng tối đa.

## Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. FPT'S luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Điều đó giúp FPT'S khẳng định năng lực quản lý của mình, hạn chế các nghĩa vụ khắc phục, tạo thế mạnh cho hồ sơ doanh nghiệp.

Bộ phận văn phòng, nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Công ty lập một danh mục các văn bản luật và các yêu cầu cụ thể để áp dụng với toàn thể cán bộ, nhân viên.

### Bảo mật thông tin khách hàng

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề về bảo mật thông tin trở thành vấn đề mà mọi doanh nghiệp đều quan tâm. FPT'S luôn cố gắng duy trì sự riêng tư của khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích của khách hàng và bản thân doanh nghiệp. Cam kết bảo mật này được quy định trong các thỏa thuận ràng buộc trong hợp đồng mà doanh nghiệp ký kết với từng đối tác cụ thể.

FPT'S quản trị vấn đề bảo mật thông tin khách hàng thông qua một hệ thống được phân quyền theo các lớp module, phân quyền đến từng user. Các thông tin về bảo mật thông tin khách hàng được cập nhật đến Ban lãnh đạo thường xuyên hoặc theo thời điểm phát sinh vấn đề.

### Hoạt động trách nhiệm xã hội

Trải qua gần 18 năm xây dựng và phát triển, FPT'S đã liên tục gặt hái được rất nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định vị trí là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Trong nỗ lực không ngừng với mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, liên tục các năm qua FPT'S đã đóng góp không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước và địa phương; đảm bảo việc làm với thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động; cung cấp ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất; cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch an toàn, thuận tiện, chính xác, nhanh chóng và công bằng, từ đó dần thay đổi bộ mặt thị trường chứng khoán, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả nước và kinh tế địa phương.

## Trách nhiệm với người lao động

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, FPTS còn muốn trao quyền cho nhân viên để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Vì vậy, Công ty chú trọng việc đào tạo cho các cấp độ nhân viên và lãnh đạo khác nhau của mình bằng nhiều hình thức. Bên cạnh đó, việc giáo dục và đào tạo nhân viên cũng góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo được yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng lao động và dịch vụ khách hàng.

FPTS quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ. Báo cáo kết quả đào tạo được phòng Nhân sự báo cáo Ban Tổng giám đốc một năm một lần hoặc theo từng sự kiện diễn ra trong năm.

Ngoài ra định kỳ hàng tháng, Công ty cũng trao thưởng cho chuyên viên tư vấn đầu tư có thành tích tốt nhất và vinh danh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất hàng năm nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

## TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2025

Bước vào năm 2025, các tổ chức quốc tế (IMF, World Bank, OECD) dự báo kinh tế toàn cầu duy trì tăng trưởng ổn định ở mức 2,8% - 3,3%, tương đương năm 2024. Tuy nhiên, bối cảnh địa chính trị căng thẳng, đặc biệt với chính sách bảo hộ của Tổng thống Donald Trump như áp thuế cao lên hàng hóa Trung Quốc và các nước xuất khẩu lớn sang Mỹ, có thể làm gia tăng bất ổn thương mại toàn cầu. Dự báo tăng trưởng GDP cho các khu vực chính bao gồm: Mỹ khoảng 2,5% nhờ sức tiêu dùng mạnh và chính sách nới lỏng tiền tệ, châu Âu khoảng 1,3% -1,5%, và Trung Quốc khoảng 4,5% khi đối mặt với suy giảm nhu cầu nội địa và áp lực từ thuế quan Mỹ. Lạm phát toàn cầu dự kiến giảm dần xuống mức 3,5% - 4,5%, nhưng rủi ro từ giá hàng hóa và chi phí dịch vụ tăng cao vẫn tiềm ẩn, khiến các ngân hàng trung ương như FED duy trì chính sách tiền tệ thận trọng.

Tại Việt Nam, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt trên 8%, một trong những mức cao nhất khu vực, nhờ động lực từ sản xuất công nghiệp và đầu tư nước ngoài, dù chịu ảnh hưởng từ biến động kinh tế toàn cầu. Chỉ số CPI được dự báo dưới 4,5%, phản ánh nỗ lực kiểm soát lạm phát trong bối cảnh tỷ giá USD/VND có thể biến động khó lường do sức mạnh đồng USD và chính sách Trump. Chiến lược "Kỳ nguyên vươn mình" của Việt Nam tập trung vào chuyển đổi số, phát triển bền vững và tận dụng các hiệp định thương mại tự do để thúc đẩy xuất khẩu, nhưng chính sách thuế quan của Trump có thể gây khó khăn cho hàng hóa Việt Nam tại thị trường Mỹ.

Về thị trường chứng khoán Việt Nam, thanh khoản dự kiến được cải thiện nhờ lãi suất thấp, hệ thống KRX dự kiến chính thức vận hành trong năm 2025 và kỳ vọng vào nâng hạng thị trường, giúp nâng cao hiệu quả giao dịch và niềm tin nhà đầu tư. Tuy nhiên, thị trường có thể đối mặt với biến động tỷ giá do áp lực từ đồng USD mạnh lên, cùng với việc thiếu hụt sản phẩm mới và số lượng cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch hạn chế. Các công ty chứng khoán sẽ tiếp tục đẩy mạnh giảm phí giao dịch và lãi suất vay margin để thu hút khách hàng, gia tăng cạnh tranh với các nền tảng giao dịch miễn phí. Trong bối cảnh này, Công ty đặt mục tiêu tận dụng hệ thống KRX để tối ưu hóa dịch vụ, đồng thời phát triển các giải pháp đầu tư sáng tạo nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và hỗ trợ nhà đầu tư tận dụng cơ hội từ thị trường đầy tiềm năng nhưng cũng không ít thách thức của năm 2025.

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2024 và dự báo tình hình thị trường năm 2025, Ban Tổng giám đốc FPTS dự kiến kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2025 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
<b>Doanh thu đã thực hiện</b>	1.006,07	1.000,00	-0,60%
<b>Lãi trước thuế đã thực hiện</b>	512,67	500,00	-2,47%

### Các vấn đề khác:

- Nhân sự:
  - » Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên.
- Công nghệ, sản phẩm dịch vụ:
  - » Thay đổi hệ thống để đảm bảo kết nối với hệ thống công nghệ mới của các Sở Giao dịch chứng khoán.
  - » Tiếp tục chuyển đổi công nghệ để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với số lượng giao dịch lớn
  - » Phát triển và cho ra đời sản phẩm/ tiện ích mới dành cho khách hàng.



## CHƯƠNG V

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 60. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 61. Hoạt động chung của Hội đồng quản trị
- 62. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành
- 62. Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2024
- 62. Phương hướng hoạt động
- 63. Tổng kết



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi với tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 3,2%, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ xung đột địa chính trị và biến động thị trường. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, cho phép các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu hạ lãi suất trong nửa cuối năm 2024, tạo điều kiện nới lỏng các điều kiện tài chính. Tuy nhiên, nợ công toàn cầu tiếp tục gia tăng, ước tính đạt 100 nghìn tỷ USD, tương đương 93% GDP toàn cầu.

Tại Việt Nam, năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng 7,09%, vượt chỉ tiêu 6,50-7,00% do Quốc hội đề ra. Quy mô GDP đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD, với GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2024 tăng 2,71%, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung là 3,63%, cho thấy sự ổn định trong kiểm soát giá cả.

Nhìn chung, kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, với các chỉ số kinh tế - xã hội đạt kết quả tích cực, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Năm 2024, FPTS ghi nhận lợi nhuận trước thuế đã thực hiện 512,67 tỷ đồng, hoàn thành 122,07% kế hoạch và tăng 0,52% so với năm 2023. Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản của FPTS đạt 9.759,56 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 4.117,97 tỷ đồng. Trong năm 2024, Công ty cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 2.145,65 tỷ đồng lên đến 3.059,19 tỷ đồng. Kết quả trên đã phản ánh nỗ lực của Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

- Về hoạt động dịch vụ giao dịch chứng khoán: FPTS đã mở mới 11.821 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 2.977 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trong năm 2024. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2024 là 229.172 tài khoản chứng khoán cơ sở và 34.211 tài khoản chứng khoán phái sinh. Năm 2024, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền tại HOSE là 2,75% (ngoài Top 10), tại HNX là 3,00% (đứng thứ 9), tại sàn đăng ký giao dịch Upcom là 3,67% (đứng thứ 7) và FPTS đứng thứ 10 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với 2,06%.
- Về mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp: Công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp. Cả năm 2024, doanh thu mảng này đã đạt 36,50 tỷ đồng.
- Về công nghệ: Công ty tiếp tục ưu tiên vấn đề nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm công nghệ và đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài việc tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng, Công ty cũng đã dành sự quan tâm đáng kể đến đội ngũ người lao động và các trách nhiệm xã hội khác. Một vài hoạt động có thể kể đến là:

- Chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao, ...
- Tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu về cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam và trang bị kiến thức đầu tư tới đông đảo cộng đồng nhà đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường.

# HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT luôn xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đồng thời, HĐQT tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị Công ty, phù hợp với những thông lệ và chuẩn mực trên thế giới.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp dưới hình thức trực tiếp / trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT tham dự và cho ý kiến ở tất cả các cuộc họp. HĐQT đã thông qua 7 Nghị quyết để triển khai quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

## Chi tiết các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2024

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2024/NQ/HĐQT/FPTS	31/1/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Thông qua Chương trình hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
2	02-2024/NQ/HĐQT/FPTS	28/3/2024	Thống nhất triển khai thực hiện phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP), đồng thời giao cho Chủ tịch HĐQT triển khai thực hiện.
3	03-2024/NQ/HĐQT/FPTS	28/3/2024	Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa FPTS với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp.
4	04-2024/NQ/HĐQT/FPTS	23/4/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý I năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2024; Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2024; Thông qua phương án trả cổ tức năm 2023 bằng tiền.
5	05-2024/NQ/HĐQT/FPTS	31/5/2024	Thông qua việc thay đổi tên và địa điểm Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
6	06-2024/NQ/HĐQT/FPTS	25/7/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý II năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2024.
7	07-2024/NQ/HĐQT/FPTS	24/10/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý III năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2024; Miễn nhiệm bà Trần Thu Hà, Bổ nhiệm bà Ngô Thị Minh Huệ - Thành viên Bộ phận Kiểm toán Nội bộ.

# HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Việc giám sát của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đồng thời việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở.

HĐQT đánh giá rằng Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện các quyết định cần thiết để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn, hướng tới sự phát triển bền vững cho Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông Công ty.

Trong năm Tổng Giám đốc đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2024, các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của FPT5 vẫn đảm bảo sự an toàn, chắc chắn; doanh thu đã thực hiện đạt 119,06% và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt 122,07% so với mức kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã đưa ra.

## THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Năm 2024, ông Trần Thanh Tùng – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận mức thù lao là 96.000.000 đồng/năm (Chín mươi sáu triệu đồng). Các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị không nhận thù lao.

## PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

### Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong dài hạn

HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của Công ty và các cổ đông của Công ty.

HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

HĐQT, kiểm toán nội bộ và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

## Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 và dự báo tình hình thị trường năm 2025, HĐQT dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2025 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
<b>Doanh thu đã thực hiện</b>	1.006,07	1.000,00	-0,60%
<b>Lãi trước thuế đã thực hiện</b>	512,67	500,00	-2,47%

## TỔNG KẾT

Trong năm 2024, Công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế là 663,17 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận đã thực hiện là 512,67 tỷ đồng, lợi nhuận chưa thực hiện là 150,50 tỷ đồng).

HĐQT Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. HĐQT đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại.

Năm 2025 và các năm tới, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.



## CHƯƠNG VI

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66. Hội đồng quản trị
- 66. Các cuộc họp Hội đồng quản trị
- 66. Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024
- 68. Ủy ban kiểm toán
- 68. Các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty, hoặc giữa Công ty với Cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
- 69. Các giao dịch, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán
- 69. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	10/4/2018		0,05%
2	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	19/7/2007		1,79%
3	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên HĐQT không điều hành	19/3/2010		0,24%
4	Ông Taro Ueno	Thành viên HĐQT không điều hành	07/4/2020	28/3/2024	0%
5	Ông Kenji Nakanishi	Thành viên HĐQT không điều hành	28/3/2024		0%
6	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên độc lập HĐQT	29/3/2022		0%

## CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	6/6	100%	
2	Ông Nguyễn Điệp Tùng	6/6	100%	
3	Ông Đỗ Sơn Giang	6/6	100%	
4	Ông Taro Ueno	1/6	100%	Không còn là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 28/3/2024
5	Ông Kenji Nakanishi	5/6	100%	Là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 28/3/2024
6	Ông Trần Thanh Tùng	6/6	100%	

## TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	01-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	29/1/2024	Ban hành Chính sách quản trị rủi ro FPTS năm 2024.	100%
2	01-2024/NQ/HĐQT/FPTS	31/1/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Thông qua Chương trình hợp ĐHCĐ thường niên năm 2024.	100%

3	02-2024/NQ/HĐQT/FPTS	28/3/2024	Thông nhất triển khai thực hiện phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP), đồng thời giao cho Chủ tịch HĐQT triển khai thực hiện.	100%
4	03-2024/NQ/HĐQT/FPTS	28/3/2024	Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa FPTS với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp.	100%
5	04-2024/NQ/HĐQT/FPTS	23/4/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý I năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2024; Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2024; Thông qua phương án trả cổ tức năm 2023 bằng tiền.	100%
6	02-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	26/4/2024	Ngày ĐKCC để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền và cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
7	03-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	03/5/2024	Về việc vay vốn VCB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VCB.	100%
8	05-2024/NQ/HĐQT/FPTS	31/5/2024	Thông qua việc thay đổi tên và địa điểm Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
9	04-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	04/6/2024	Tăng vốn điều lệ công ty do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
10	05-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	07/6/2024	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ Công ty cập nhật vốn điều lệ.	100%
11	06-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	18/6/2024	Tăng vốn điều lệ công ty do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	100%
12	07-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	25/6/2024	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ Công ty cập nhật vốn điều lệ.	100%
13	08-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	01/7/2024	Ban hành lại hệ thống thang lương, bảng lương FPTS.	100%
14	06-2024/NQ/HĐQT/FPTS	25/7/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý II năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2024.	100%
15	08-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	19/9/2024	Về việc vay vốn VIB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VIB.	100%
16	09-2024/QĐ/HĐQT/FPTS	22/10/2024	Về việc vay vốn ACB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại ACB.	100%
17	07-2024/NQ/HĐQT/FPTS	24/10/2024	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý III năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2024; Miễn nhiệm bà Trần Thu Hà, Bổ nhiệm bà Ngô Thị Minh Huệ - Thành viên Bộ phận Kiểm toán Nội bộ.	100%

# ỦY BAN KIỂM TOÁN

## Danh sách thành viên Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch	27/4/2022	Cử nhân	0%
2	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên	22/4/2021	Cử nhân	0,24%

## Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thanh Tùng	2/2	100%	100%	
2	Đỗ Sơn Giang	2/2	100%	100%	

Ủy ban kiểm toán cho rằng, Ủy ban kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Ủy ban kiểm toán cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện nhằm mang lại kết quả kinh doanh hiệu quả. Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT trong năm qua đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán có thể vẫn diễn biến khó lường, vì vậy Hội đồng Quản trị tiếp tục cần có cái nhìn thận trọng, không chủ quan, cần đánh giá kỹ các tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, lường trước các rủi ro để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và có các hành động phòng ngừa phù hợp, kịp thời, tránh các tổn thất có thể xảy ra trong tương lai.

## CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY, HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH FPT IS	Người có liên quan của người nội bộ Đỗ Sơn Giang	03-2024/NQ/HĐQT/FPTS	Dịch vụ chữ ký số, phần mềm, dịch vụ tin học. Giá trị giao dịch 2.771.854.540 đồng.

2	Công ty TNHH Dịch vụ tài chính SBI	Cổ đông lớn	03-2024/NQ/HĐQT/FPTS	Phí lưu ký, phí chuyển tiền. Giá trị giao dịch 41.593.671 đồng.
3	Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông lớn	03-2024/NQ/HĐQT/FPTS	Dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp công Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR; Quản lý, trả hộ cổ tức. Giá trị giao dịch 99.550.000 đồng.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Năm 2024, ông Trần Thanh Tùng – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận mức thù lao là 96.000.000 đồng/năm (Chín mươi sáu triệu đồng). Các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị không nhận thù lao.

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2024, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. Công ty đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại.

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Thư ký Công ty và các bộ phận liên quan đã được đào tạo và thường xuyên cập nhật các quy định mới về quản trị công ty. HĐQT, Ban điều hành đã cử đại diện tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về công tác quản trị công ty, các thông lệ tốt về quản trị công ty trong khu vực và thế giới, cập nhật các quy định mới về Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các nghị định, thông tư hướng dẫn,... do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Deloitte, VIOD,... phối hợp tổ chức.





## CHƯƠNG VII

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

72. Mô hình phát triển bền vững

74. Chiến lược về phát triển bền vững

74. Hoạt động phát triển bền vững trong năm 2024 của FTSP

## MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Định hướng chiến lược phát triển bền vững chung cho toàn bộ Công ty
- Các chương trình hành động chung



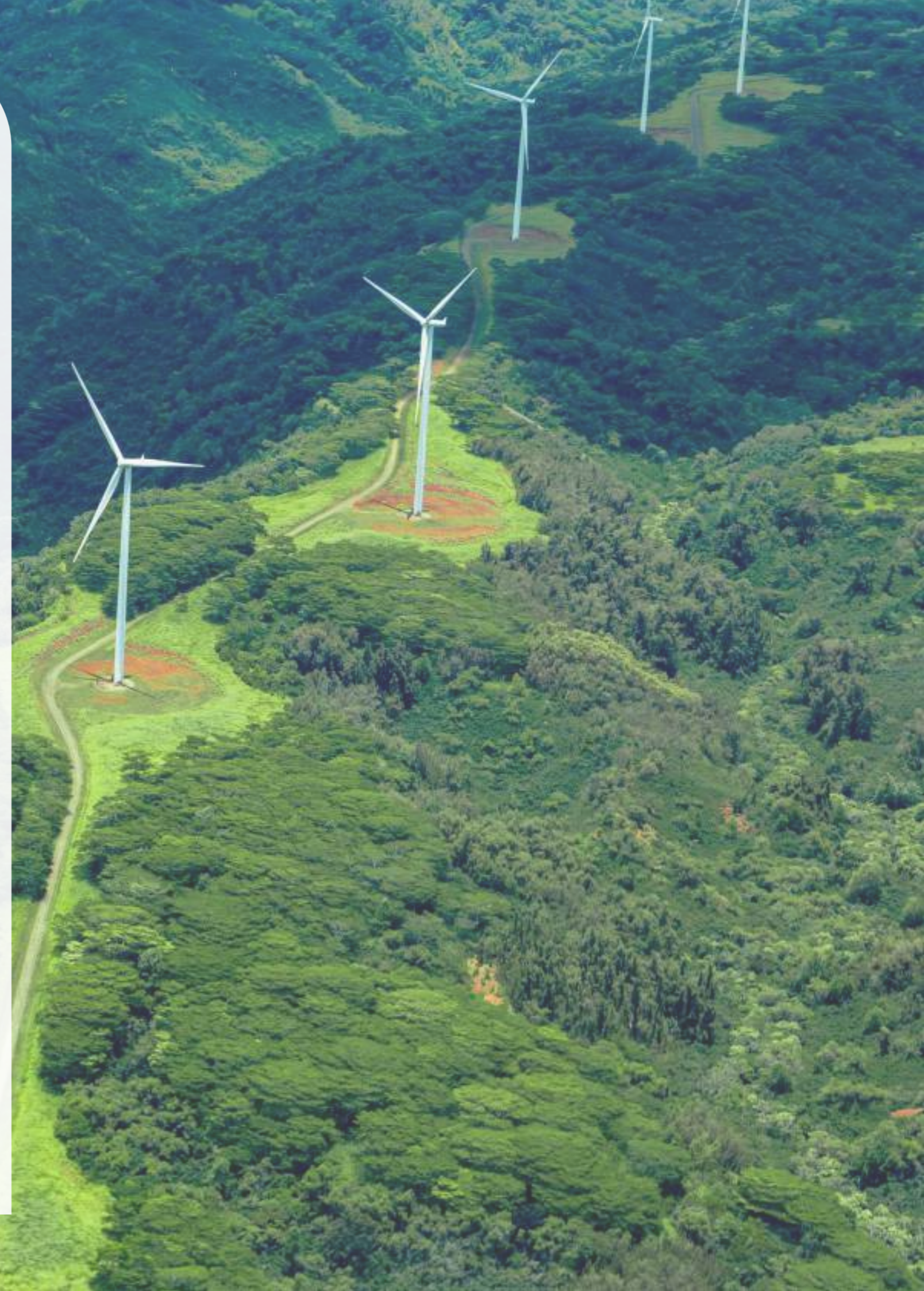
### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty
- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động



### CÁC BỘ PHẬN, PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.
- Triển khai, hướng dẫn các cấp dưới thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt.



# CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững gắn với 3 mũi nhọn: Tăng trưởng kinh tế - Trách nhiệm xã hội – Bảo vệ môi trường:

## Tác động tới kinh tế

- Hướng đến tăng trưởng ổn định và bền vững hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.
- Đóng góp cho sự phát triển của kinh tế các địa phương mà Công ty hoạt động.
- Chất lượng lợi nhuận để đóng góp các nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước.
- Tạo ra giá trị cho cổ đông thông qua tăng trưởng giá trị doanh nghiệp và chính sách cổ tức hiệu quả.

## Tác động với sự phát triển của xã hội

- Tạo công ăn việc làm và môi trường phát triển toàn diện cho người lao động.
- Hướng các hoạt động kinh doanh đến sự phát triển bền vững và lành mạnh của thị trường tài chính và chứng khoán Việt Nam.
- Cung cấp các giải pháp tài chính cho thị trường: hệ thống giao dịch chứng khoán hiệu quả, dịch vụ chứng khoán kèm theo, tư vấn cho doanh nghiệp.
- Trở thành doanh nghiệp niêm yết với hiệu quả hoạt động tích cực, đóng góp cho sự phát triển chung của sàn chứng khoán niêm yết.
- Đảm bảo quyền lợi cho khách hàng, đặc biệt là cộng đồng nhà đầu tư non trẻ trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bằng quy trình quản trị chặt chẽ.
- Đóng góp tích cực cho cộng đồng bằng các hoạt động quyên góp, thiện nguyện và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về tài chính và chứng khoán cho cộng đồng.

## Tác động với môi trường

- Định hướng phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh.
- Kiến tạo môi trường làm việc thân thiện với người lao động.
- Giảm thiểu tác động của xả thải khí carbon cũng như các chất thải khác. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và văn phòng phẩm. Thực hành tiết kiệm các nguồn tài nguyên hữu hạn như điện, nước, xăng.
- Hướng đến sử dụng các phương tiện thiết bị, máy móc, đồ dùng văn phòng thân thiện với môi trường và con người hơn.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường đối với người lao động trong Công ty cũng như cộng đồng.
- Tạo điều kiện cho các ý tưởng, sáng kiến về bảo vệ môi trường được thực hiện.

# HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2024 CỦA FPT

## Tiêu thụ nước và năng lượng khác

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPT luôn ý thức được tầm quan trọng của hai nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Công

ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPTS áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ, nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước

Từ năm 2019, FPT đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này, trong các năm sau đó, FPT đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ, nhân viên trong Công ty. Năm 2022, Công ty đã thực hiện dán film chống nhiệt mặt kính tòa nhà để tiết kiệm năng lượng tối đa.

Đối với các chỉ tiêu sử dụng điện nước văn phòng phẩm, có thể thấy đáng kể nhất là việc sử dụng giảm lượng giấy in do thực hành tiết kiệm giấy cũng như thay mới, bổ sung các máy in nhằm hạn chế in sai, in lỗi.

	Số điện (kWh)	Tiền điện (Đồng)	Chi phí xăng xe và di chuyển (Đồng)	Chi phí giấy in (Đồng)	Chi phí rác thải (Đồng)
Trụ sở	805.440	2.752.750.138	213.662.539	35.024.402	19.604.948
Đà Nẵng	22.423	82.408.856	5.104.037	6.500.000	2.415.276
TP.HCM	336.088	1.331.860.282	236.234.424	57.737.880	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.163.951</b>	<b>4.167.019.276</b>	<b>455.001.000</b>	<b>99.262.282</b>	<b>22.020.224</b>

	Nhà cung cấp nước	Lượng nước sử dụng (m3)	Tiền nước (VNĐ)	Lượng nước tái chế và tái sử dụng	Tỷ lệ phần trăm tái chế và tái sử dụng nước
Trụ sở	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	2.662	52.972.450	-	-
Đà Nẵng	CTCP Cấp nước Đà Nẵng	292	4.745.422	-	-
TP.HCM	CTCP Cấp nước Chợ Lớn/CTCP Cấp nước Gia Định	1420	39.033.195	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.374</b>	<b>96.751.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Trong năm 2024, FPT sử dụng nước từ các nhà cung cấp nước sạch uy tín trên thị trường, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Tuy nhiên, hoạt động tái chế và tái sử dụng nước chưa được triển khai tại doanh nghiệp.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

**Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Trong năm 2024, FPT không vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

**Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Trong năm 2024, FPT không phải nộp tiền phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



## Chính sách liên quan đến người lao động

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

FPTS hiện có 458 nhân viên, mức lương trung bình đối với người lao động tại FPTS là 17.800.000đ/người/tháng.

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Ban lãnh đạo FPTS hiểu rõ tầm quan trọng của nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Môi trường làm việc ở cả 3 miền đều đạt tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ, hiện đại, hỗ trợ tối đa cho công việc. Ngoài ra, trụ sở chính còn tổ chức bữa ăn trưa cho cán bộ nhân viên, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng. Công ty cũng bố trí khu vực giải trí riêng với không gian cafe, thư viện, phòng tập cũng nhiều tiện ích khác dành cho người lao động.

Hàng tháng, Công ty bình bầu ra các broker xuất sắc trên các địa bàn của Công ty và trao giải thưởng nhằm động viên, khuyến khích và lan rộng phong trào thi đua, sáng tạo trong toàn thể Công ty. Cuối mỗi năm, Công ty cũng trao giải cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất.

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, v.v...). Đặc biệt, Công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể cán bộ, tổ chức các hoạt động tập thể, teambuilding... Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật cán bộ, nhân viên, ...).

### Hoạt động đào tạo người lao động:

Đối với công tác bồi dưỡng, Công ty thường xuyên có những buổi đào tạo, trao đổi nội bộ nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban cũng như là cơ hội chia sẻ góc nhìn, kinh nghiệm đối với tình hình kinh doanh, lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ từng phòng ban.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

### Tài trợ cho giáo dục:

Trong năm 2024, FPTS tài trợ cho 2 chương trình, cuộc thi của sinh viên ngành tài chính trong khuôn khổ chương trình của các trường Đại học. Việc tài trợ cho các cuộc thi và chương trình tại trường đại học thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty đối với trách nhiệm xã hội, góp phần thúc đẩy giáo dục và phát triển thế hệ trẻ. Thông qua những hoạt động này, Công ty không chỉ tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận thực tiễn ngành tài chính, mà còn lan tỏa giá trị tri thức và tinh thần sáng tạo, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Đây là minh chứng cho nỗ lực của Công ty trong việc kết nối doanh nghiệp với xã hội, xây dựng một tương lai thịnh vượng hơn cho các tài năng trẻ và đất nước.

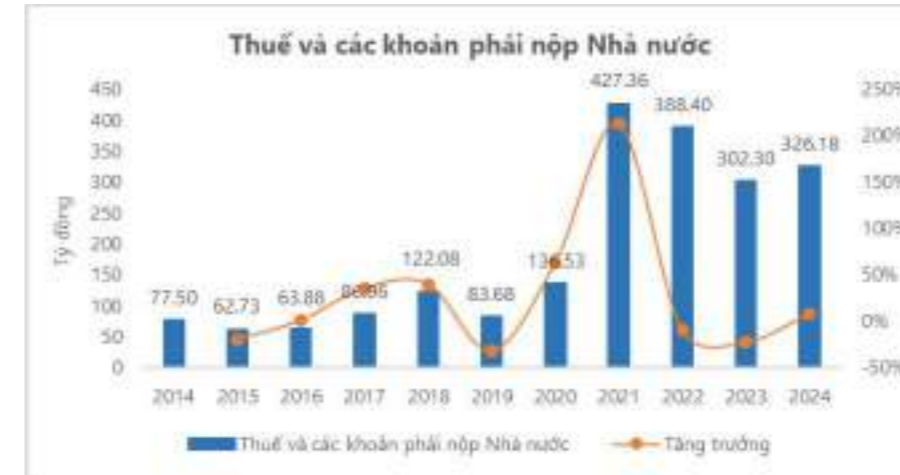
### Chương trình chào tân sinh viên của Khoa Tài chính – Học viện Ngân hàng 2024:

FPTS là nhà tài trợ Bạc cho chương trình chào tân sinh viên Khoa Tài chính – Học viện Ngân hàng diễn ra vào tháng 9-10/2024. Ông Nguyễn Trung Hòa - Trưởng ban Nhân sự Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã có mặt tại Học viện Ngân hàng vào đêm 28/10/2024 để cùng với Đảng Ủy - Ban Giám đốc, Hội đồng trường Học viện Ngân hàng Khoa Tài Chính chào đón những tân sinh viên bắt đầu hành trình học tập tại học viện.



### Cuộc thi Ez invest - Đầu tư tài chính cùng FPTS Ver. 1:

"EZ Invest - Đầu tư tài chính cùng FPTS" là cuộc thi trải nghiệm kiến thức cơ bản về lý thuyết, thực tế trong lĩnh vực đầu tư tài chính, do Bộ môn Kinh doanh chứng khoán, khoa Tài chính Học viện Ngân hàng phối hợp với FPTS triển khai, nhằm giúp nâng cao năng lực hiểu biết của các nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư tài chính trên thị trường, với trọng tâm là các bạn sinh viên đang theo học tại các trường đại học tại Việt Nam.



### Đóng góp vào ngân sách nhà nước của Công ty:

Trong giai đoạn 2014 – 2024, đóng góp vào ngân sách nhà nước của FPTS nhìn chung có xu hướng tăng, đặc biệt trong năm 2021 khi thị trường chứng khoán bùng nổ. Năm 2024, tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của FPTS tăng trưởng dương và đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

### Phát triển kinh tế địa phương:

Hoạt động tại 3 khu vực kinh tế lớn của cả nước là Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh với 1 trụ sở chính, 2 chi nhánh và 5 phòng giao dịch cùng hơn 450 cán bộ, nhân viên, FPTS đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế địa phương cũng như là một đối tác uy tín đối với các nhà cung cấp địa phương, tạo ra công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

### Đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán:

Trong năm 2024, FPTS đã mở mới 11.821 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 2.977 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trong năm 2024, góp phần không nhỏ vào tăng trưởng nhà đầu tư tham gia vào thị trường. Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ chứng khoán cá nhân như EzTrade, EzMargin, phục vụ từ nhu cầu giao dịch đến cho vay ký quỹ, ... Ngoài ra, FPTS cũng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp, từ các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đến quản trị doanh nghiệp, đặc biệt có thể kể đến EzGSM là giải pháp tiên phong về Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hỗ trợ rất lớn cho doanh nghiệp đại chúng trong thời kỳ công nghệ 4.0. Công ty cũng có đội ngũ phân tích với kinh nghiệm và sự am hiểu với nhiều ngành nghề cũng như kinh tế vĩ mô, tạo ra nhiều báo cáo phân tích có chất lượng được thị trường đánh giá cao. Công ty cũng thường xuyên có các buổi livestream, hội thảo chia sẻ về kiến thức, kinh nghiệm và góc nhìn cho cộng đồng nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân. FPTS được vinh danh Mid Cap có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất 2024, thường xuyên xuất hiện trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất. Cổ phiếu FTS của Chứng khoán FPT được thêm vào danh mục chỉ số MarketVector Vietnam Local Index vào ngày 09/3/2024.



## CHƯƠNG VIII

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
*Báo cáo tài chính  
Năm 2024*



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2024	11 – 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2024	14 – 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2024	17 – 18
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2024	19 – 46



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: (028).38 205.942

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 6 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 6 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 1 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020; Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 6 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 9 năm 2022; Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 6 năm 2023; Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 06 năm 2024; Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 08 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh:

- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Số 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, TP. Đà Nẵng.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Kenji Nakanishi	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình thu nhập toàn diện riêng, tình hình tài chính riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1

Số: 83/BCKT/TC/2025/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

(Về Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT)

Kính gửi:

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 17 tháng 01 năm 2025 từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024; Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2024; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2024; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2024.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT cho năm 2024 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>9.580.161.791.615</b>	<b>8.045.915.032.712</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>9.574.610.342.486</b>	<b>8.041.273.538.191</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.7.1	565.564.523.996	1.253.357.329.782
1.1. Tiền	111.1		155.685.498.972	415.357.329.782
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		409.879.025.024	838.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	A.7.3.1	1.914.035.124.647	1.349.313.180.030
4. Các khoản cho vay	114	A.7.3.2	7.068.146.259.945	5.394.079.820.504
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.7.4	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
7. Các khoản phải thu	117		32.363.945.074	48.274.630.955
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.7.5.1	32.363.945.074	48.274.630.955
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		72.835.969	228.058.733
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		32.291.109.105	48.046.572.886
8. Trả trước cho người bán	118		2.241.349.233	2.730.598.820
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.7.5.2	2.257.938.624	2.855.246.992
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5.4	1.060.292.143	1.706.672.284
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.7.6	(173.475.000)	(158.325.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>5.551.449.129</b>	<b>4.641.494.521</b>
1. Tạm ứng	131			
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	A.7.7	1.334.990.049	1.375.215.648
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.7.8a	3.143.226.089	2.171.336.167
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		80.800.000	49.800.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		519.111	715.665
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		991.913.880	1.044.427.041
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>179.399.308.818</b>	<b>188.768.086.129</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>142.596.719.735</b>	<b>155.492.017.006</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	A.7.10	<b>122.365.384.893</b>	<b>137.156.301.693</b>
- Nguyên giá	222		262.174.298.013	258.195.310.629
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(139.808.913.120)	(121.039.008.936)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	A.7.11	<b>20.231.334.842</b>	<b>18.335.715.313</b>
- Nguyên giá	228		44.912.945.438	42.878.650.238
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(24.681.610.596)	(24.542.934.925)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>36.802.589.083</b>	<b>33.276.069.123</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.221.270.570	1.181.270.570
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.8b	5.525.991.266	2.059.648.764
4. Tiền nộp quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.9	30.055.327.247	30.035.149.789
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.759.561.100.433</b>	<b>8.234.683.118.841</b>

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>5.641.592.000.542</b>	<b>4.590.747.359.986</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.641.592.000.542</b>	<b>4.590.747.359.986</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.7.27	5.475.933.586.028	3.148.101.835.693
1.1. Vay ngắn hạn	312		5.475.933.586.028	3.148.101.835.693
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		7.371.171.602	
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.25	971.133.640	442.083.967
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		4.079.400.000	4.107.218.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.23	30.681.520.777	32.533.739.831
11. Phải trả người lao động	323		21.214.075.313	20.687.018.572
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.031.858.427	1.747.928.245
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.24	9.246.767.305	11.635.008.140
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.26	6.242.575.206	1.306.139.631.095
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330			
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		83.819.912.244	65.352.896.449
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>4.117.969.099.891</b>	<b>3.643.935.758.855</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>4.117.969.099.891</b>	<b>3.643.935.758.855</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.059.276.408.150	2.145.732.618.150
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.059.193.660.000	2.145.649.870.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.059.193.660.000	2.145.649.870.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b			
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		82.748.150	82.748.150
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu-Cấu phần vốn	411.3			
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4			
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5			
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412			
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413			
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414			
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415			
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.7.31	1.058.692.691.741	1.498.203.140.705
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		573.193.957.927	1.163.209.696.838
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		485.498.733.814	334.993.443.867
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>9.759.561.100.433</b>	<b>8.234.683.118.841</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận thế chấp	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		305.919.366	214.564.987
7. Cổ phiếu quỹ (số lượng)	007			
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.7.13	463.004.470.000	462.842.000.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.7.14	206.674.730.000	206.674.730.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013	A.7.15		
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.7.16	32.467.423.084.975	29.037.374.040.459
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		30.915.187.615.975	27.268.783.294.159
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		111.405.300.000	110.099.600.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.133.522.100.000	1.034.294.920.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		10.715.400.000	26.129.190.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		296.592.669.000	598.067.036.300
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.7.17	348.008.990.000	270.330.740.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		2.662.400.000	4.293.430.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		345.346.590.000	266.037.310.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.7.18	332.380.238.600	544.582.770.000
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b			
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	A.7.19	56.090.720.000	140.201.130.000

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
7. Tiền gửi của khách hàng	026		2.775.500.118.801	3.448.263.948.398
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.7.20	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028			
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029			
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2			
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.7.21	1.896.647.800	375.518.950
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.7.28	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		2.727.014.848.853	3.400.773.902.339
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		46.588.622.148	47.114.527.109
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032			
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033			
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		1.896.647.800	375.518.950

Người lập biểu



Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Văn Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**  
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		245.487.971.843	155.200.027.146
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	B7.32.1	2.517.884.655	2.195.179.792
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ *	01.2	B7.32.2	150.503.304.470	31.907.355.060
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	B7.32.3.1	92.466.782.718	121.097.492.294
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4			
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02			
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B7.32.3.3	589.269.375.765	443.223.851.448
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04			
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05			
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		250.438.462.655	297.411.518.437
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07			
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		13.221.047.441	4.072.394.303
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		12.561.057.592	11.101.682.372
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		36.495.235.764	32.769.403.782
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B7.32.4	275.380.000	387.833.150
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 1-&gt;11)</b>	<b>20</b>		<b>1.147.748.531.060</b>	<b>944.166.710.638</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		910.110.023	2.884.211.665
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	B7.32.1	912.095.500	2.882.849.538
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL*	21.2	B7.32.2	(1.985.477)	1.362.127
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	B7.34	178.997.567.556	116.135.328.039
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		416.058.645	107.540.724
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B7.34	180.559.800.828	174.877.326.740
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	B7.34	12.090.861.932	3.774.996.554
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B7.34	18.007.016.134	16.617.027.466
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	B7.34	14.583.323.095	14.567.429.345
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32			
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>		<b>405.564.738.213</b>	<b>328.963.860.533</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**  
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	B7.33	8.827.691.678	9.107.268.126
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-&gt;44)</b>	<b>50</b>		<b>8.827.691.678</b>	<b>9.107.268.126</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51			
4.2. Chi phí lãi vay	52			
4.4. Chi phí tài chính khác	55			
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51-&gt;55)</b>	<b>60</b>			
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>			
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>B7.35</b>	<b>89.837.818.690</b>	<b>83.577.142.127</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 - 60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>661.173.665.835</b>	<b>540.732.976.104</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	B7.36	58.101.747.592	48.676.023.620
8.2. Chi phí khác	72	B7.37	56.102.146.282	47.464.358.971
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>1.999.601.310</b>	<b>1.211.664.649</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>663.173.267.145</b>	<b>541.944.640.753</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		512.667.977.198	510.038.647.820
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		150.505.289.947	31.905.992.933
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>95.855.772.808</b>	<b>97.027.049.804</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B7.38	95.855.772.808	97.027.049.804
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>567.317.494.337</b>	<b>444.917.590.949</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301			
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302			
12.3. Lãi (lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý công ty	303			
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304			
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>			



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B7.39	1.869	2.074
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		1.869	2.074

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Thu Hương



Nguyễn Văn Dũng



01-  
ÔNG  
Ồ PI  
NG I  
FP

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		<b>663.173.267.145</b>	<b>541.944.640.753</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		<b>34.859.019.826</b>	<b>(9.964.711.684)</b>
- Khấu hao TSCĐ	03		19.145.813.755	19.920.006.367
- Các khoản dự phòng	04		15.150.000	40.185.000
- Chi phí lãi vay	06			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(57.407.407)	(33.109.092)
- Dự thu tiền lãi	08		15.755.463.478	(29.891.793.959)
- Các khoản điều chỉnh khác	09			
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>		<b>(1.985.477)</b>	<b>1.362.427</b>
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(1.985.477)	1.362.427
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>(150.503.304.470)</b>	<b>(31.907.355.068)</b>
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(150.503.304.470)	(31.907.355.068)
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>(3.505.326.135.568)</b>	<b>(1.243.551.140.320)</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(414.216.654.670)	(245.819.526.243)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1.674.066.439.441)	(1.658.505.867.333)
- Tăng giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		155.222.403	(109.650.483)
- Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		597.308.368	(1.404.607.661)
- Tăng giảm các khoản phải thu khác	39		1.188.339.443	(2.033.770.721)
- Tăng giảm các tài sản khác	40		40.225.599	1.460.028.741
- Tăng giảm chi phí phải trả (không bao gồm lãi vay)	41		4.982.930.767	485.582.590
- Tăng giảm chi phí trả trước	42		(4.438.232.424)	907.451.764
- Thuế TNDN đã nộp	43		(99.881.896.967)	(97.625.047.281)
- Lãi vay đã trả	44			
- Tăng giảm các khoản phải trả cho người bán	45		529.049.673	(696.904.295)
- Tăng giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		283.930.182	176.349.588
- Tăng giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm Thuế TNDN đã nộp)	47		2.173.905.105	(9.910.886.819)
- Tăng giảm phải trả người lao động	48		527.056.741	2.365.131.183
- Tăng giảm phải trả phải nộp khác	50		(1.300.275.558.889)	796.925.042.822
- Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	51		251.000.000	15.000.000
- Tiền chi từ các hoạt động kinh doanh	52		(23.176.321.458)	(29.779.466.172)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(2.957.799.138.544)</b>	<b>(743.477.204.184)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(6.250.516.484)	(8.713.037.827)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		57.407.407	33.109.092
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(6.193.109.077)</b>	<b>(8.679.928.735)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		55.299.500.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72			
3. Tiền vay gốc	73		14.160.228.112.821	8.347.279.862.118
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1			
3.2. Tiền vay khác	73.2		14.160.228.112.821	8.347.279.862.118
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(11.832.396.362.486)	(6.507.178.026.391)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1			
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2			
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(11.832.396.362.486)	(6.507.178.026.391)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(106.931.808.500)	(97.382.272.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>2.276.199.441.835</b>	<b>1.742.719.563.193</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>(687.792.805.786)</b>	<b>990.562.430.274</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>		<b>1.253.357.329.782</b>	<b>262.794.899.508</b>
- Tiền	101.1		415.357.329.782	112.794.899.508
- Các khoản tương đương tiền	101.2		838.000.000.000	150.000.000.000
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>		<b>565.564.523.996</b>	<b>1.253.357.329.782</b>
- Tiền	103.1		155.685.498.972	415.357.329.782
- Các khoản tương đương tiền	103.2		409.879.025.024	838.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		146.823.476.127.761	123.060.030.047.960
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(147.264.955.221.619)	(117.099.281.049.740)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7		(218.022.068.369)	(5.027.995.630.398)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(14.783.796.220)	(13.488.906.058)
12. Thu lãi giao dịch chứng khoán	12			
13. Chi lỗ giao dịch chứng khoán	13			
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1.671.520.938.337	1.735.081.188.003
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(1.669.999.809.487)	(1.734.882.219.038)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>(672.763.829.597)</b>	<b>919.463.430.739</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>3.448.263.948.398</b>	<b>2.528.800.517.659</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		375.518.950	176.549.975
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37			
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>2.775.500.118.801</b>	<b>3.448.263.948.398</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	C7.40	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	C7.40	1.896.647.800	375.518.950
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47			

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	TM	Số dư đầu năm			Số tăng/ giảm trong năm			Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm nay		Năm trước	Năm nay
						Tăng	Giảm		
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.950.682.258.150	2.145.732.618.150	195.050.360.000		913.543.790.000		2.145.732.618.150	3.059.276.408.150
1.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		1.950.599.510.000	2.145.649.870.000	195.050.360.000		913.543.790.000		2.145.649.870.000	3.059.193.660.000
1.2. Có phiếu ưu đãi									
1.3. Thông dư vốn có phần		82.748.150	82.748.150					82.748.150	82.748.150
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn									
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu									
1.6. Có phiếu quỹ									
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ									
3. Quỹ dự phòng tái chính và rủi ro nghiệp vụ									
4. Chếnh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý									
5. Chếnh lệch tỷ giá hối đoái									
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.397.347.485.073	1.498.203.140.705	513.185.990.079	412.330.334.447	576.884.281.028	1.016.394.729.992	1.498.203.140.705	1.058.692.691.741
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (**)		1.094.260.034.139	1.163.209.696.838	413.011.598.016	344.061.935.317	416.812.204.390	1.006.827.943.301	1.163.209.696.838	573.193.957.927
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		303.087.450.934	334.993.443.867	100.174.392.063	68.268.399.130	160.072.076.638	9.566.786.691	334.993.443.867	485.498.733.814
<b>Cộng</b>		<b>3.348.029.743.223</b>	<b>3.643.935.758.855</b>	<b>708.236.350.079</b>	<b>412.330.334.447</b>	<b>1.490.428.071.028</b>	<b>1.016.394.729.992</b>	<b>3.643.935.758.855</b>	<b>4.117.969.099.891</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
<b>Cộng</b>									

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**Ghi chú:**

- (\*) **Khoản tăng của có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết bao gồm:**
  - Phát hành có phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
  - Phát hành có phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

**(\*\*) Khoản giảm của lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối trong kỳ bao gồm:**

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết và Biên bản họp DHCD thường niên năm 2024
- Cổ tức 2023 chia cho cổ đông bằng tiền mặt
- Phát hành có phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

(Số lượng CP: 85.824.429)  
(Số lượng CP: 5.529.950)

858.244.290.000 đồng  
55.299.500.000 đồng  
**913.543.790.000**

41.301.159.801 đồng  
107.282.493.500 đồng  
858.244.290.000 đồng  
**1.006.827.943.301 đồng**

Người lập biểu

*(Chữ ký)*

Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng

*(Chữ ký)*

Nguyễn Thị Thu Hương



**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.**

**3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**4. Các chính sách kế toán áp dụng**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

**4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:**

**4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):**

**4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)**

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:**

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

**4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua**

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.**

**3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**4. Các chính sách kế toán áp dụng**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

**4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:**

**4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):**

**4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)**

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:**

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

**4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua**

(phí môi giới, phí giao dịch...) được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, các tài sản tài chính FVTPL được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Số chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng ở khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ" và khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ".

4.2.2.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM: được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát sinh các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.3 Các khoản cho vay: được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng suy giảm các khoản cho vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS: được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua tài sản tài chính này. Cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính AFS được xác định lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá thị trường hoặc giá hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (Kết quả hoạt động riêng khác) tại chi tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính.

4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

TSTC được dừng ghi nhận khi quyền nhận được luồng tiền từ TSTC hết hạn hoặc khi chuyển giao TSTC cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho đơn vị khác. Nợ tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi nghĩa vụ của đơn vị đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

4.2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, đơn vị thực hiện đánh giá các dấu hiệu liên quan đến suy giảm giá trị một tài sản hoặc một nhóm các khoản đầu tư để thực hiện lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

Đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản vay giao dịch ký quỹ có giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn nợ gốc.

Dự phòng cụ thể được xác định = (Số dư các khoản cho vay – Giá trị tài sản đảm bảo) x 100%.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định = Số lượng chứng khoán đảm bảo khoản vay x giá thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trong đó giá thị trường của chứng khoán được trình bày tại điểm 4.2.6.

4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoản thời gian trên, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

- Giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng (nếu có) được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp: Không phát sinh

4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi

Đơn vị thực hiện đánh giá khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro để lập dự phòng theo quy định. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ thực hiện theo hướng dẫn của nhóm phải thu trình bày tại điểm 4.10.3.

4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính): Không phát sinh.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

4.5. Khấu hao và hao mòn:

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6-25 năm

- Máy móc thiết bị: 3 năm

- Phương tiện vận chuyển: 6 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-7 năm

- Phần mềm: 3-5 năm

- Quyền sử dụng đất:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài: không có khấu hao

+ Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.

- Tài sản cố định vô hình: 2-3 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về sự suy giảm giá trị của tài sản phi tiền tệ: Không phát sinh.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết): Không phát sinh.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn



Theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận kỳ quỹ, kỳ cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận kỳ cược, kỳ quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:**

**4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:**

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần thanh toán.

**4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:**

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

**4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

-Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đối tượng nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:**

**4.12.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn góp theo Điều lệ công ty mà các thành viên góp vốn, cổ đông của công ty đã thực góp theo tiến độ, kế hoạch góp vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và số vốn huy động của các lần tiếp theo phù hợp với Điều lệ của Công ty.

**4.12.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:**



01  
ĐĂNG  
KÝ  
PHÁP  
LÝ

**a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:**

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện:**

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các TSTC FVTPL hoặc TSTC khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục TSTC lũy kế phát sinh trong kỳ.

**4.12.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.**

**a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ:**

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

**b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ:**

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

**4.12.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ) của CTCK).**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

**4.13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK:**

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền

Thực hiện ghi nhận doanh thu, thu nhập từ hoạt động tự doanh các TSTC, doanh thu cung cấp dịch vụ theo quy định của các Chuẩn mực doanh thu và Chuẩn mực các công cụ tài chính có liên quan và các hướng dẫn tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC.

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL: được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính:

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thương, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Lãi từ các khoản cho vay: Là khoản lãi phải thu từ khách hàng sử dụng dịch vụ cho vay giao dịch kỳ quỹ, cho vay giao dịch ứng trước của công ty cung cấp trong kỳ.

- Doanh thu môi giới chứng khoán: Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Doanh thu hoạt động tư vấn: Bao gồm tư vấn đầu tư chứng khoán và doanh thu tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính và hoàn thiện doanh nghiệp (tư vấn niêm yết, phát hành, hoàn thiện doanh nghiệp ...) Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.



01  
ĐĂNG  
KÝ  
PHÁP  
LÝ

- Doanh thu lưu ký: Là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán như đăng ký, lưu ký, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu chứng khoán ... đã hoàn thành.

**4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán theo Thông Tư 210/2014TT-BTC, Thông tư 334/2016/TT-BTC và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK:**

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**4.16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:**

a. Ghi nhận thu nhập khác:

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

b. Ghi nhận chi phí khác:

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các TSTC.

**4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác:**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.20. Báo cáo bộ phận:**

Công ty theo dõi doanh thu hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoạt động môi giới chứng khoán; Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Hoạt động lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn;...), hoạt động tài chính.

Công ty quản lý chi phí theo từng hoạt động kinh doanh và khoản mục chi phí.

Đối với tài sản, Công ty không phân bổ theo từng lĩnh vực kinh doanh mà quản lý tập trung ở Trụ sở chính - Hà Nội. Đối với nợ phải trả, Công ty chịu trách nhiệm thanh toán và quản lý rủi ro chung.

**5. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK**

**5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**5.2. Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ

trợ vốn tối đa cho một khách hàng đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định về giao dịch ký quỹ của các sở giao dịch chứng khoán.

**5.3. Rủi ro thanh khoản:**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**5.4. Rủi ro thị trường:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong kỳ để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

Quản lý rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư,... Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lẻ lẻ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

**6. Các chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**7. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính**

**A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính**

**A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	120.717.139	125.693.709
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	155.564.781.833	415.231.636.073
- Các khoản tương đương tiền (*)	409.879.025.024	838.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>565.564.523.996</b>	<b>1.253.357.329.782</b>

Ghi chú (\*): Toàn bộ khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2024 hiện đang dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện năm 2024	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2024
<b>a) Của CTCK</b>		
- Cổ phiếu	18.738	349.808.950
- Trái phiếu	77.320.000	9.242.394.610.000
- Chứng khoán ngân quỹ		
- Chứng khoán khác	16.600	199.543.000
<b>Cộng</b>	<b>77.355.338</b>	<b>9.242.943.961.950</b>
<b>b) Của Nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	12.681.240.892	293.893.759.914
- Trái phiếu	377.671	41.702.206.420
- Chứng khoán khác	859.600.290	836.050.882.940
<b>Cộng</b>	<b>13.541.218.853</b>	<b>294.771.513.003.680</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính**

**7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.571.814.929	500.070.548.743	14.376.456.824	349.369.900.691
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904
Trái phiếu niêm yết	559.940.500.000	559.940.500.000	474.157.500.000	474.157.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn cố định, chứng chỉ tiền gửi (**)	732.000.000.000	732.000.000.000	403.761.703.435	403.761.703.435
<b>Cộng</b>	<b>1.428.536.390.833</b>	<b>1.914.035.124.647</b>	<b>1.014.319.736.163</b>	<b>1.349.313.180.030</b>

Ghi chú:

(\*): Trái phiếu chưa niêm yết có giá trị 120 tỷ tại ngày 31/12/2024 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

(\*\*): Trong đó khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định có giá trị 722 tỷ tại ngày 31/12/2024 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**7.3.2 Các khoản cho vay và phải thu**

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Tổng các khoản cho vay</b>	<b>7.068.146.259.945</b>	<b>7.057.260.643.769</b>	<b>5.394.079.820.504</b>	<b>5.383.194.204.328</b>
Trong đó:				
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	6.650.578.286.459	6.639.692.670.283	4.480.989.985.789	4.470.104.369.613
Cho vay nghiệp vụ ứng trước	417.567.973.486	417.567.973.486	912.872.796.723	912.872.796.723

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay





A.7.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị gốc số (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm				Giá trị đánh giá lại	
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	CL đánh giá kỳ này Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
A	B	1	2	3=2-1	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	Giá trị đánh giá lại
I	EV/TPH	16.595.690.833	502.094.624.647	485.503.022.069	4.288.255	502.094.624.647	16.400.512.228	351.193.976.195	334.999.717.599	6.273.732	351.193.976.195
I.1	Cổ phiếu niêm yết, Cổ phiếu niêm yết, Cổ phiếu niêm yết, Cổ phiếu niêm yết, Cổ phiếu niêm yết	14.571.814.979	500.070.549.743	485.503.022.069	4.288.255	500.070.549.743	14.376.456.824	349.369.900.691	334.999.717.599	6.273.732	349.369.900.691
	MESH - Công ty cổ phần Máy Sóng Hồng	13.454.983.050	498.787.640.000	485.332.656.950	4.288.255	498.787.640.000	13.454.983.050	348.192.141.000	334.737.157.950	6.273.732	348.192.141.000
	Cổ phiếu niêm yết khác	1.116.831.879	1.282.908.743	170.365.119	4.288.255	1.282.908.743	921.473.774	1.177.759.691	262.559.649	6.273.732	1.177.759.691
I.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904		2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904			2.024.075.904
	CTCK - CTCP đầu tư xây dựng số 8	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	24.075.904	24.075.904	24.075.904		24.075.904	24.075.904	24.075.904			24.075.904
2	Trái phiếu niêm yết	559.940.500.000	559.940.500.000	559.940.500.000		559.940.500.000	474.157.500.000	474.157.500.000			474.157.500.000
	Trái phiếu chính phủ	559.940.500.000	559.940.500.000	559.940.500.000		559.940.500.000	474.157.500.000	474.157.500.000			474.157.500.000
3	Trái phiếu khác	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000		120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000
	Trái phiếu của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000		120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000
4	Trên gửi có kỳ hạn có định, chứng chỉ tiền gửi	732.000.000.000	732.000.000.000	732.000.000.000		732.000.000.000	403.761.783.435	403.761.783.435			403.761.783.435
B	AFS	1.428.536.390.833	1.914.035.124.647	485.503.022.069	4.288.255	1.914.035.124.647	1.014.319.736.163	1.349.313.180.000	334.999.717.599	6.273.732	1.349.313.180.000
	Cộng										

Giá trị thị trường của chứng khoán nêu trên được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trên sàn giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các tài sản tài chính này, nên giá trị thị trường được xác định là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A. 7.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Dự phòng giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động kỳ quỹ

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
<b>(10.885.616.176)</b>	<b>(10.885.616.176)</b>

**A. 7.5. Các khoản phải thu**

**A. 7.5.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

- Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư

- Dự thu phí giao dịch kỳ quỹ và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
72.835.969	228.058.372
32.291.109.105	48.046.572.583
<b>32.363.945.074</b>	<b>48.274.630.955</b>

**A. 7.5.2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

7.5.2.1 Phải thu phí môi giới chứng khoán qua các Sở GD

7.5.2.2 Phải thu phí môi giới chứng khoán không qua các Sở GD

7.5.2.3 Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư CK

7.5.2.4 Phải thu hoạt động tư vấn khác

7.5.2.5 Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán

7.5.2.6 Phải thu dịch vụ khác

2.257.938.624	2.855.246.992
424.805.721	1.260.663.500
	40.791.025
	50.000.000
1.544.050.000	1.501.450.000
10.185.672	
278.897.231	2.342.000.000

**A. 7.5.3. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán**

**A. 7.5.4. Phải thu khác**

1.060.292.143	1.706.672.284
---------------	---------------

**A. 7.6. Dự phòng phải thu khó đòi**

CTCK phải thuyết minh chi tiết về loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng (chi tiết theo loại, nhóm, đối tượng phải thu khó đòi)

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số cuối năm					Số đầu năm
			Tham chiếu	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	
1	Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính							
2	Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến							
3	Dự phòng nợ phải thu các khoản đầu tư đáo hạn							
4	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	218.750.000		158.325.000	21.750.000	6.600.000	173.475.000	158.325.000
	Công ty CP Lisemco	71.500.000		71.500.000			71.500.000	71.500.000
	Công ty CP Máy Phú Thành	13.200.000		13.200.000			13.200.000	13.200.000
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư EDX	16.500.000		16.500.000			16.500.000	16.500.000
	Công ty CP Thông Quảng Ninh	7.700.000		7.700.000			7.700.000	7.700.000
	Công ty CP Thương mại Hà Tây	13.200.000		13.200.000			13.200.000	13.200.000
	Công ty CP Anh ngữ APAX	32.850.000		16.425.000	6.570.000		22.995.000	16.425.000
	Công ty CP Tập đoàn Khách sạn Đình Á	13.200.000		6.600.000	2.640.000		9.240.000	6.600.000
	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công Nghiệp	13.200.000		6.600.000	7.040.000		13.640.000	6.600.000
	Tổng công ty LICOGI-CTCP	26.400.000		6.600.000		6.600.000		6.600.000
	Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thư	11.000.000			5.500.000		5.500.000	
<b>Cộng</b>		<b>218.750.000</b>		<b>158.325.000</b>	<b>21.750.000</b>	<b>6.600.000</b>	<b>173.475.000</b>	<b>158.325.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.7. Hàng tồn kho**

- Vật tư văn phòng

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.334.990.049	1.375.215.648
<b>1.334.990.049</b>	<b>1.375.215.648</b>

**A.7.8. Chi phí trả trước**

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)

b. Chi phí trả trước dài hạn

(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kĩ số, sửa chữa nhà cửa...)

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
3.143.226.089	2.171.336.167
5.525.991.266	2.059.648.764
<b>8.669.217.355</b>	<b>4.230.984.931</b>

**A.7.9. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

- Tiền nộp ban đầu

- Tiền nộp bổ sung

- Tiền lãi phân bổ trong kỳ

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
10.120.000.000	10.120.000.000
14.482.731.824	14.482.731.824
5.452.595.423	5.432.417.965
<b>30.055.327.247</b>	<b>30.035.149.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>168.659.560.363</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>85.553.484.066</b>	<b>258.195.310.629</b>
- Mua trong năm				4.216.221.284	4.216.221.284
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				237.233.900	237.233.900
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>168.659.560.363</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>89.532.471.450</b>	<b>262.174.298.013</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>49.171.830.063</b>	<b>1.624.612.156</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>67.919.566.717</b>	<b>121.039.008.936</b>
- Khấu hao trong năm	6.749.440.545	34.654.044		12.223.043.495	19.007.138.084
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				237.233.900	237.233.900
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>55.921.270.608</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>79.905.376.312</b>	<b>139.808.913.120</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	119.487.730.300	34.654.044		17.633.917.349	137.156.301.693
- Tại ngày cuối năm	112.738.289.755			9.627.095.138	122.365.384.893
<b>Đánh giá theo giá trị hợp lý</b>					

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 59.783.205.206 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu năm	19.257.558.796	7.217.666.013	16.035.848.529	367.576.900	42.878.650.238
- Mua trong năm			2.034.295.200		2.034.295.200
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tạo ra từ nội bộ Công ty					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	19.257.558.796	7.217.666.013	18.070.143.729	367.576.900	44.912.945.438
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	921.843.483	7.217.666.013	16.035.848.529	367.576.900	24.542.934.925
- Khấu hao trong năm	131.991.240		6.684.431		138.675.671
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	1.053.834.723	7.217.666.013	16.042.532.960	367.576.900	24.681.610.596
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	18.335.715.313				18.335.715.313
- Tại ngày cuối năm	18.203.724.073		2.027.610.769		20.231.334.842
<b>Đánh giá theo giá trị hợp lý</b>					

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.621.091.442 đồng.

**Ghi chú (\*):** Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Đà Nẵng - 100 Quang Trung, Tp. Đà Nẵng (diện tích 144m<sup>2</sup> theo hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2013. Giá trị quyền sử dụng đất này được ghi nhận căn cứ theo thông báo nộp thuế TNCN số 1745/TB-TNCN của Cục thuế TP.Đà Nẵng đối với bên bán ngày 09/08/2013).

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Hồ Chí Minh - Tầng 3, tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (bao gồm diện tích đất sử dụng chung là 944 m<sup>2</sup> và diện tích tầng 3 sử dụng riêng là 620,7 m<sup>2</sup>, theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 66/HD-BTL ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành và Công ty CP Chứng Khoán FPT).

- Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở FPTS Hà Nội - Số 52, đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội (tổng diện tích 941,73 m<sup>2</sup>, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/07/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 00587 cấp ngày 06/08/2014).

8.800.000.000

4.691.451.796

5.766.107.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.12. Nợ khó đòi đã xử lý**

**Nợ phải thu khó đòi đã xử lý**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Shinnee

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

172.000.000

172.000.000

**172.000.000**

**172.000.000**

**A.7.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK**

**Tài sản tài chính**

1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

463.004.470.000

462.842.000.000

**463.004.470.000**

**462.842.000.000**

**A.7.14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng của CTCK - OTC

Tài sản tài chính giao dịch cầm cố của CTCK - OTC

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Tự do chuyển nhượng

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Hạn chế chuyển nhượng

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

2.674.730.000

2.674.730.000

120.000.000.000

120.000.000.000

84.000.000.000

84.000.000.000

**206.674.730.000**

**206.674.730.000**

**A.7.15. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK**

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

10.000

**10.000**

**A.7.16. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư**

**Tài sản tài chính**

1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng

3.Tài sản tài chính giao dịch cầm cố

4.Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ

5.Tài sản tài chính chờ thanh toán

6.Tài sản tài chính chờ cho vay

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

30.915.187.615.975

27.268.783.294.159

111.405.300.000

110.099.600.000

1.133.522.100.000

1.034.294.920.000

10.715.400.000

26.129.190.000

296.592.669.000

598.067.036.300

**32.467.423.084.975**

**29.037.374.040.459**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.17. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.662.400.000	4.293.430.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	345.346.590.000	266.037.310.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		
<b>Cộng</b>	<b>348.008.990.000</b>	<b>270.330.740.000</b>

**A.7.18. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	332.380.238.600	544.582.770.000
<b>Cộng</b>	<b>332.380.238.600</b>	<b>544.582.770.000</b>

**A.7.19. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	56.090.720.000	140.201.130.000
<b>Cộng</b>	<b>56.090.720.000</b>	<b>140.201.130.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.20. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.727.014.848.853	3.400.773.902.339
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.588.622.148	47.114.527.109
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
<b>Cộng</b>	<b>2.773.603.471.001</b>	<b>3.447.888.429.448</b>

**A.7.21. Tiền gửi của Tổ chức phát hành**

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi bán chứng khoán bao lãnh, đại lý phát hành		
2. Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.896.647.800	375.518.950
<b>Cộng</b>	<b>1.896.647.800</b>	<b>375.518.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.22. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cộng</b>	<b>4.369.700.500</b>	<b>4.019.015.500</b>

**A.7.23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Thuế Thu nhập cá nhân

- Các loại thuế khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	15.052.758.544	19.078.882.703
	14.257.605.893	12.383.724.473
	1.371.156.340	1.071.132.655
<b>Cộng</b>	<b>30.681.520.777</b>	<b>32.533.739.831</b>

**A.7.24. Chi phí phải trả**

Phí GDCK, phí lưu ký và chuyển khoản, phí đại lý mở tài khoản, lãi vay cho giao dịch ký quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	9.246.767.305	11.635.008.140
<b>Cộng</b>	<b>9.246.767.305</b>	<b>11.635.008.140</b>

**A.7.25. Phải trả người bán**

Công ty TNHH Dịch Vụ Tin học FPT

Công ty TNHH Phần mềm FPT

Công ty TNHH FPT Smart Cloud

Công ty CP Truyền Thông Tổng hợp 24

Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

CN Công ty TNHH Lavie - Tại Hà Nội

Công ty TNHH TM&amp;DV Green Star Hà Nội

Công ty Cổ Phần DV Công Nghệ TSC VN

Công ty Cổ phần Thực phẩm An toàn Tâm Thành

Công ty Cổ Phần Hai Bốn Bảy

Công ty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội

Công ty TNHH Vận tải Công nghệ Mai Linh Hà Nội

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT

Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Công ty TNHH Phần mềm Kỹ Nguyễn Số

Công ty TNHH Mai Linh Đà Nẵng

Công ty TNHH Dịch Vụ Kho Vận Als

Công ty Cổ Phần Xây dựng P.E N.T.H.O.U.S.E

Chi nhánh Công ty CP Hai Bốn Bảy tại Hà Nội

	Số cuối năm	Số đầu năm
	515.680.000	
	250.000.800	94.400.000
	63.125.260	
	46.980.000	
	35.346.500	
	21.875.400	10.540.800
	17.250.000	25.500.000
	8.212.400	85.322.500
	4.223.775	
	3.640.017	
	2.264.400	
	1.850.000	
	685.088	
		896.500
		75.950.000
		561.000
		9.771.858
		135.000.000
		4.141.309
<b>Cộng</b>	<b>971.133.640</b>	<b>442.083.967</b>

**A.7.26. Phải trả, phải nộp khác**

- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn

- Phải trả các Ngân hàng (đặt cọc thực hiện hợp đồng môi giới trái phiếu

Chính phủ và các chứng chỉ tiền gửi)

- Phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.369.700.500	4.019.015.500
		1.300.000.000.000
	1.872.874.706	2.120.615.595
<b>Cộng</b>	<b>6.242.575.206</b>	<b>1.306.139.631.095</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.27. Vay ngắn hạn (chi tiết theo các loại vay phát sinh trong năm hoạt động của CTCK)**

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư vay đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
<b>Vay ngân hàng trong nước</b>		<b>3.092.000.000.000</b>	<b>10.873.000.000.000</b>	<b>9.425.000.000.000</b>	<b>4.540.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - VIB	5,2%-6%	400.000.000.000	1.050.000.000.000	800.000.000.000	650.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5,1%-6,1%		755.000.000.000	355.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	3,6%-6%	800.000.000.000	1.760.000.000.000	1.830.000.000.000	730.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	4,5%-6,2%	500.000.000.000	2.300.000.000.000	2.000.000.000.000	800.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-VPBANK	5,5%-7,3%	300.000.000.000	2.300.000.000.000	2.000.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	6,2%		110.000.000.000		110.000.000.000
Ngân hàng TMCP A Châu	4%-6%		1.200.000.000.000	700.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	3,65%-4,15%	178.000.000.000	98.000.000.000	276.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Thanh Xuân	3,4%-6%	450.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	450.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	4%-5%	464.000.000.000	300.000.000.000	464.000.000.000	300.000.000.000
<b>Vay các tổ chức, cá nhân khác trong nước</b>	<b>2% - 5,8%</b>	<b>56.101.835.693</b>	<b>3.287.228.112.821</b>	<b>2.407.396.362.486</b>	<b>935.933.586.028</b>
<b>Cộng</b>		<b>3.148.101.835.693</b>	<b>14.160.228.112.821</b>	<b>11.832.396.362.486</b>	<b>5.475.933.586.028</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.28. Phải trả Nhà đầu tư**

**Loại phải trả**

1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

1.1. Của Nhà đầu tư trong nước

1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
2.727.014.848.853	3.400.773.902.339
46.588.622.148	47.114.527.109
<b>2.773.603.471.001</b>	<b>3.447.888.429.448</b>

**A.7.29. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK**

1. Phải trả phí môi giới chứng khoán

2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán

3. Phải trả phí tư vấn đầu tư

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
424.805.721	1.260.663.500
10.185.672	50.000.000
<b>434.991.393</b>	<b>1.310.663.500</b>

**A.7.30. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư**

Các khoản phải trả

**1. Phải trả nghiệp vụ margin**

**2. Phải trả gốc margin**

2.1. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước

2.2. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài

**3. Phải trả lãi margin**

3.1. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước

3.2. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài

**4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán**

4.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước

b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài

4.2. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

a. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước

b. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
6.650.578.286.459	4.480.989.985.789
6.650.578.286.459	4.480.989.985.789
14.843.382.524	9.170.457.945
14.843.382.524	9.170.457.945
417.640.809.455	913.100.855.095
417.567.973.486	912.872.796.723
417.567.973.486	912.872.796.723
72.835.969	228.058.372
72.835.969	228.058.372
<b>7.083.062.478.438</b>	<b>5.403.261.298.829</b>

**A.7.31. Lợi nhuận chưa phân phối**

1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối

2. Lợi nhuận chưa thực hiện

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
573.193.957.927	1.163.209.696.838
485.498.733.814	334.993.443.867
<b>1.058.692.691.741</b>	<b>1.498.203.140.705</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.32. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông**

hoặc các thành viên góp vốn

1. Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước

2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm

3. Lãi đã thực hiện năm nay

4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)

5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận

5.1 Quỹ dự trữ điều lệ

5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ

5.3 Quỹ khen thưởng phúc lợi

6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

	Năm 2024	Năm 2023
1. Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	1.163.209.696.838	1.094.260.034.139
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm		
3. Lãi đã thực hiện năm nay	416.812.204.390	413.011.598.016
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)	1.580.021.901.228	1.507.271.632.155
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	41.301.159.801	51.481.599.817
5.1 Quỹ dự trữ điều lệ		
5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		
5.3 Quỹ khen thưởng phúc lợi	41.301.159.801	51.481.599.817
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	965.526.783.500	292.580.335.500

11729-C  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
FPT  
VỤ TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
HÀ NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

C  
CÔNG TY  
HÀ  
KH  
T  
TP

11729-C  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
FPT  
VỤ TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
HÀ NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

C  
CÔNG TY  
HÀ  
KH  
T  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**

**B 7.32. Thu nhập**

**B 7.32.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Trái phiếu chính phủ	38.660.000		4.579.116.650.000	4.577.494.960.000	1.621.690.000	1.621.690.000	(216.500.000)
2	Cổ phiếu lẻ	18.546		341.671.500	357.572.345	(15.900.845)	(15.900.845)	(471.169.746)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>38.678.546</b>		<b>4.579.458.321.500</b>	<b>4.577.852.332.345</b>	<b>1.605.789.155</b>	<b>1.605.789.155</b>	<b>(687.669.746)</b>

**B7.32.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá thị trường(*)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
1	<b>Loại FVTPL</b>	<b>1.428.536.390.833</b>	<b>1.914.035.124.647</b>	<b>485.498.733.814</b>	<b>334.993.443.867</b>	<b>150.505.289.947</b>
1	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.571.814.929	500.070.548.743	485.498.733.814	334.993.443.867	150.505.289.947
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.024.075.904	2.024.075.904			
3	Trái phiếu niêm yết	559.940.500.000	559.940.500.000			
4	Trái phiếu chưa niêm yết	120.000.000.000	120.000.000.000			
5	Công cụ thị trường tiền tệ	732.000.000.000	732.000.000.000			
6	Chứng quyền					
7	Các khoản đầu tư phải sinh lãi					
8	Các khoản đầu tư phải sinh lãi chưa niêm yết					
9	Các khoản đầu tư cho vay					
10	Các khoản đầu tư đem thế chấp					
11	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	<b>Loại HTM</b>					
III	<b>Loại các khoản cho vay và phải thu</b>					
IV	<b>Loại AFS</b>					
	<b>Cộng</b>	<b>1.428.536.390.833</b>	<b>1.914.035.124.647</b>	<b>485.498.733.814</b>	<b>334.993.443.867</b>	<b>150.505.289.947</b>

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 trên sàn giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính chưa niêm yết tại thời điểm 31/12/2024 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các tài sản tài chính này, nên giá trị trường được xác định là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**B7.32.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

**Các loại doanh thu hoạt động khác**

**1. Từ tài sản tài chính FVTPL**

1.1 Cổ tức và lãi trái phiếu

1.2 Lãi tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi

**2. Từ tài sản tài chính HTM**

3. Từ các khoản cho vay

**4. Từ AFS**

	Năm nay	Năm trước
	<b>92.466.782.718</b>	<b>121.097.492.394</b>
	41.591.673.934	32.127.783.778
	50.875.108.784	88.969.708.516
	<b>589.269.375.765</b>	<b>443.223.851.448</b>
	<b>681.736.158.493</b>	<b>564.321.343.742</b>

**Tổng cộng**



**B7.32.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

STT	Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu đại lý đầu giá		20.613.150
2	Doanh thu từ trả hệ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của TCPH	91.500.000	65.000.000
3	Phí quản lý tài sản cầm cố	40.800.000	71.200.000
4	Doanh thu khác	143.080.000	231.020.000
	<b>Cộng</b>	<b>275.380.000</b>	<b>387.833.150</b>

**B7.33. Doanh thu hoạt động tài chính**

STT	Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.827.691.678	9.107.268.126
	<b>Cộng</b>	<b>8.827.691.678</b>	<b>9.107.268.126</b>

**B 7.34. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

STT	Loại chi phí	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	180.559.800.828	174.877.326.730
2	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	12.090.861.932	3.774.996.554
3	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	18.007.016.134	16.617.027.466
4	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	14.583.323.095	14.567.429.345
5	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tồn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	178.997.567.556	116.135.328.039
	<b>Cộng</b>	<b>404.238.569.545</b>	<b>325.972.108.144</b>

01  
CỘNG ĐỒNG  
ỨNG DỤNG  
FINTECH  
HỒ

**B 7.35. Chi phí quản lý CTCK**

STT	Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí lương và khác khoản khác theo lương	46.669.376.696	42.731.445.175
2	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.230.317.000	3.025.564.500
3	Chi phí đào tạo tuyển dụng	288.663.640	259.419.432
4	Chi phí vật tư văn phòng	2.910.192.385	3.073.517.517
5	Chi phí khấu hao TSCĐ	14.791.959.358	14.696.932.391
6	Chi phí thuế, phí và lệ phí	20.936.084	21.255.484
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.262.129.160	18.162.538.885
8	Chi phí khác	1.664.244.367	1.606.468.743
	<b>Cộng</b>	<b>89.837.818.690</b>	<b>83.577.142.127</b>

**B 7.36. Thu nhập khác**

STT	Chi tiết thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	57.407.407	33.109.092
2	Doanh thu bán Token card	94.436.460	408.739.100
3	Thu nhập từ phí c.tiền của NDT	1.368.314.737	1.577.817.677
4	Thu nhập khác	56.581.588.988	46.656.357.751
	<b>Cộng</b>	<b>58.101.747.592</b>	<b>48.676.023.620</b>

**B 7.37. Chi phí khác**

STT	Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
1	Phạt do vi phạm hành chính	177.505.400	7.200
2	Chi phí Token card	113.017.200	455.814.260
3	Phí chuyển tiền của NDT	1.367.170.262	1.138.556.021
4	Chi phí khác	54.444.453.420	45.869.981.490
	<b>Cộng</b>	<b>56.102.146.282</b>	<b>47.464.358.971</b>

**B 7.38. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

STT	Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
1	<b>Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành</b>		
1.1	- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	95.854.572.808	97.027.049.804
1.2	- Điều chỉnh chi phí Thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.200.000	
1.3	- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	95.855.772.808	97.027.049.804
2	<b>Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại</b>		

**B 7.39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	567.317.494.337	444.917.590.949
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	567.317.494.337	444.917.590.949
Quỹ khen thưởng phúc lợi		41.301.159.801
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	303.532.120	214.564.987
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.869	1.881

**Ghi chú:** Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 được trích vào năm 2024, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



**C. Thuyết minh về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

C.7.40. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
	Tiền gửi ngân hàng		
	-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
	-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	1.896.647.800	375.518.950
	<b>Tổng</b>	<b>2.775.500.118.801</b>	<b>3.448.263.948.398</b>

D. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: Không có

E. Những thông tin khác:

E.7.41.1. Thông tin so sánh: Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2024 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AAS)

E.7.41.2. Thông tin về các bên liên quan:

a. Các bên liên quan:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần FPT	Cổ đông lớn
Công ty TNHH FPT IS (trước đây là Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT)	Bên có liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

b. Trong năm 2024, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

STT	Các bên liên quan	Giao dịch	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>b.1 Phải thu (Doanh thu)</b>			<b>13.200.000</b>	<b>127.943.671</b>	<b>141.143.671</b>	
1	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Phí lưu ký, phí chuyển tiền		41.593.671	41.593.671	
2	Công ty CP FPT	Dịch vụ trả hộ cổ tức, dịch vụ tư vấn công bố thông tin, tư vấn quản lý cổ đông	13.200.000	86.350.000	99.550.000	
<b>b.2 Phải trả (Chi phí)</b>				<b>2.771.854.540</b>	<b>2.771.854.540</b>	
1	Công ty TNHH FPT IS	DV chữ ký số, phần mềm, DV tin học		2.771.854.540	2.771.854.540	

c. Ngoài các giao dịch giữa các bên liên quan được trình bày ở mục E.7.41.2.b ở trên, trong năm Công ty phát sinh thêm thông tin với các bên liên quan khác như sau:

	Giá trị (VND)	
	Năm nay	Năm trước
* <b>Thù lao của HĐQT</b>		
Ông Trần Thanh Tùng - Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của Hội đồng quản trị không nhận thù lao		
* <b>Lương của Ban Tổng Giám đốc</b>		
<b>Thành viên của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Diệp Tùng - Tổng Giám đốc	886.380.000	756.690.000
Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc	680.580.000	546.440.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Phó Tổng Giám đốc	649.080.000	511.790.000
	<b>2.216.040.000</b>	<b>1.814.920.000</b>

\* **Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty**

Tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Diệp Tùng	Tổng Giám đốc	160.150	1.601.500.000	0	0
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	154.100	1.541.000.000	0	0
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	324.300	3.243.000.000	0	0
Trịnh Thanh Hằng	Người được ủy quyền CBTT	110.700	1.107.000.000	0	0

E. 7.41.3. Những thông tin khác:

Công ty không thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ vốn ngoài nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (Không có Hợp đồng hợp tác đầu tư, giao dịch mua có cam kết bán lại Reverse repo).

Người lập biểu

Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Email: [ftpsecurities@fpts.com.vn](mailto:ftpsecurities@fpts.com.vn)

Website: [fpts.com.vn](http://fpts.com.vn)



# ANNUAL REPORT 2024

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

# Table of Contents

## CHAPTER 01 PREAMBLE

- 06. Message from the Chairman of the Board of Directors
- 08. Key indicators 2024
- 09. Vision, mission and core values
- 10. Highlights of 2024

## CHAPTER 02 GENERAL INFORMATION

- 14. General Information
- 16. Development history
- 17. Business lines
- 18. Business locations
- 20. Governance model
- 30. Affiliates and subsidiaries
- 30. Development orientation
- 32. Share information
- 36. Risk and risk management

## CHAPTER 03 BUSINESS PERFORMANCE IN 2024

- 42. Vietnam stock market in 2024 and prospects in 2025
- 45. Business performance in 2024
- 50. Organization and personnel
- 50. Investment performance and project investment

## CHAPTER 04 REPORT BY THE BOARD OF MANAGEMENT

- 54. FPTS's business performance in 2024
- 55. Assessment report on environmental and social responsibility
- 56. Business prospects for 2025
- 57. Business plan for 2025

## CHAPTER 05 REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

- 60. Remarks on the Company's activities
- 61. General activities of the Board of Directors
- 62. Activities of the Board of Directors on the Executive Board
- 62. Remuneration of the Board of Directors in 2024
- 62. Operating plan
- 63. Conclusion

## CHAPTER 06 CORPORATE GOVERNANCE

- 66. Board of Directors (BOD)
- 66. Meetings of the Board of Directors
- 66. Activities of the Board of Directors in 2024
- 68. Audit Committee
- 68. Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons
- 69. Transactions, remuneration, and other benefits of the Board of Directors, the Board of Management and the Audit Committee
- 69. Evaluation of Compliance with Corporate Governance Regulations

## CHAPTER 07 SUSTAINABILITY REPORT

- 72. Sustainable development diagram
- 74. Sustainable development strategy and solutions
- 74. Sustainable development activities in 2024

## CHAPTER 08 AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2024

08

## CHAPTER I

# PREAMBLE

- 06. Message from the Chairman of the Board of Directors
- 08. Key indicators 2024
- 09. Vision, mission and core values
- 10. Highlights of 2024

# Message from

## CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



*"In a view with both opportunities and challenges, FPTs will stay committed to sustainable development, robust risk management and profit optimization based on its core values and strengths while continuously enhancing its position as one of the leading securities companies in Vietnam."*

### **MR. NGUYEN VAN DUNG**

*Chairman of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company*

### ***Dear valued shareholders, customers, partners and all the staff,***

In 2024, the global economy was highly volatile amid continued economic recession in many regions and escalated geopolitical tensions. The comeback of President Donald Trump with protectionist policies could trigger a new trade war, especially with tariffs imposed on China and other major trade partners, thus further weakening global trade. Some major economies in the EU and Japan witnessed lower-than-expected GDP growth while inflation remained a concern despite more signs of easing from high levels in previous years. In this context, the global financial market saw an uneven recovery that posed both opportunities and challenges to Vietnamese businesses.

In Vietnam, although the economy still faced enormous challenges in 2024, more robust signals were recorded on the flexible management of Government and the resilience of key export-driven industries. Its GDP grew by 7.09% in the year while the CPI climbed 3.63%, as low as expected by the National Assembly. Merchandise import and export extended positive growth momentum and brought a trade surplus of 24.77 billion USD. The Vietnamese stock market performed quite well, with the VN-Index rising by 12.11% (from 1,129.93 points at the beginning of the year to 1,266.78 points at the end of the year) and the HNX-Index slipping 1.56% (from 231.04 points to 227.43 points). Daily trading value averaged 21,098 billion VND, 20.02% higher than that in 2023, largely boosted by the low interest rate policy and renewed investor confidence.

In 2024, FPT Securities Joint Stock Company continued to activate a large number of new accounts for investors, including 11,821 underlying securities trading accounts and 2,977 derivative securities trading accounts, totaling 229,172 underlying securities trading accounts and 34,211 derivative securities trading accounts as of December 31, 2024. In 2024, the company's market shares of stocks, fund certificates and covered warrants 2.75% on HOSE (outside Top 10), 3% on HNX (ranked 9th) and 3.67% on UPCOM (ranked 7th) and FPTs ranked 10th in derivative securities brokerage market share with 2.06%. Last year witnessed fiercer competition for customers and market share among securities companies in the market.

In 2024, FPTs made a pre-tax profit of 512.67 billion VND, 22.07% higher than the plan and 0.52% higher than that in 2023. As of December 31, 2024, the company's assets totaled 9,759.56 billion VND, with equity capital at 4,117.97 billion VND. Also in the year, FPTs increased its registered capital from 2,145.65 billion VND to 3,059.19 billion VND. These achievements illustrated the determination of the Board of Directors and all employees in maintaining business performance despite fiercer competition in the market.

Looking to 2025, Vietnam's economic picture is expected to be brighter than in 2024 despite lingering uncertainties caused by exchange rates fluctuations and global economic policies, especially the moves by the Trump administration. The government will continue to keep low interest rates and growth stimulus policies and sustain upward momentum for the stock and improved liquidity. The much-awaited official operation of the KRX system in 2025 is preconditioned for creating new products in subsequent years. Nonetheless, securities companies will continue to face radical challenges from fierce competition in the market. This is both a headwind and a tailwind for FPTs to affirm its position, innovate its services and accompany investors in a potential but challenging year.

In a view with both opportunities and challenges, FPTs will stay committed to sustainable development, robust risk management and profit optimization based on its core values and strengths while continuously enhancing its position as one of the leading securities companies in Vietnam.

On behalf of the Board of Directors, I would like to express my sincerest gratitude to all of our valued shareholders, customers and partners who have always trusted and supported FPT Securities Joint Stock Company. I also want to thank all the employees for their outstanding contributions to the Company's development over the past years.

Wish you all good health, happiness and success!

**On behalf of the Board of Directors,**

**Chairman**

*Nguyen Van Dung*

## KEY INDICATORS 2024

Items	Unit	2022	2023	2024
<b>Business result</b>				
Operating revenue	Billion VND	850.24	944.17	1,147.75
Operating expense	Billion VND	335.30	328.96	405.56
Financial revenue	Billion VND	1.37	9.10	8.83
Financial expense	Billion VND	-	-	-
Administrative expense	Billion VND	76.66	83.58	89.84
Operating profit	Billion VND	439.64	540.73	661.17
Net profit from other activities	Billion VND	1.89	1.21	2.00
Profit before tax	Billion VND	441.53	541.94	663.17
Profit after tax	Billion VND	318.22	444.92	567.32
<b>Balance sheet</b>				
Total assets	Billion VND	5,288.00	8,234.68	9,759.56
Registered capital	Billion VND	1,950.60	2,145.65	3,059.19
Owner's equity	Billion VND	3,348.03	3,643.94	4,117.97
<b>Key financial indicators</b>				
Return on assets (ROA)	%	4.32	6.58	6.31
Return on equity (ROE)	%	10.05	12.73	14.62
Earnings per share	Dong	1,456	2,074*	1,869**

(\* Earnings per share in 2023 were adjusted due to deductions for reward and welfare funds in 2023, deducted in 2024.

(\*\*) Earnings per share in 2024 has not been deducted for reward and welfare funds in 2024 by the issue date of this annual report because the Resolution of the General Meeting of Shareholders has not made a provision on this.

## VISION, MISSION AND CORE VALUES

### Vision



FPTS wishes to become a powerful financial institution, the first choice of domestic and foreign businesses and investors, contributing to the sustainable development of Vietnam's stock market.

### Mission



FPTS understands the significance of improving employees' working capabilities and endowing them with a clear Code of Conduct to win the satisfaction and trust of all customers.

FPTS conducts ongoing research and employs all available technological advantages to offer customers best products and services, giving them access to a convenient, safe, fast, accurate, fair and transparent transaction system.

The goal of FPTS is to become the first choice of both domestic and foreign investors and enterprises.

### Core values

#### Personnel

Understanding that people are the core strength, FPTS always focuses on building a professional and capable workforce. Thanks to the use of talents, efforts to build a human resources team and special attention to staff training and promotion of professional ethics, FPTS now has a team of highly qualified officers and experts with rich experience in both domestic and international environments.

#### Technology

FPTS has invested significant resources in maximizing its technology strengths, constructed an information technology system that meets international standards, the increasing customer demands as well as the growing scale of development of both current and future markets.

- Cutting-edge technological solutions with optimized features are consistently updated, upgraded and expandable.
- Trading software products can efficiently handle a large volume of transactions while ensuring safety and security, operating at high speeds via various channels such as online services, mobile phone and trading counters.
- Online transactions are secured by multiple methods, including a highly reliable user authentication token, to ensure the safety and confidentiality of access and data in the network.
- The operating, management and administration systems of the Company are maximally upgraded, furnished with state-of-the-art technologies to reduce cumbersome manual processes and bring in best performance at all-level administration.



# HIGHLIGHTS OF 2024



FPTS launched Intraday Buying Power Service.



FPTS stock of FPT Securities Joint Stock Company was added to the MarketVector Vietnam Local Index.



FPTS launched an opening online account feature.



FPTS maintained its position in Top 10 market shares on HNX, UPCOM and Derivative Market in 2024 and stayed in the Top 10 on HOSE in the first, third and fourth quarters of 2024.



FPTS launched a login feature using two-factor authentication.



FPTS honored as Mid Cap Individual Investors' Best Choice 2024.



FPTS launches the Smart OTP transaction authentication method

## UNDERLYING SECURITIES ACCOUNTS

229,172

## DERIVATIVE SECURITIES ACCOUNTS

34,211

## NUMBER OF EMPLOYEES

458

## OPERATING REVENUE

1,147.74 Billion VND

21.56%



## REGISTERED CAPITAL

3,059.19 Billion VND

42.58%



## TOTAL ASSETS

9,759.56 Billion VND

18.52%



## PROFIT AFTER TAX

567.32 Billion VND

27.51%





## CHAPTER II

# GENERAL INFORMATION

- 14. General Information
- 16. Development history
- 17. Business lines
- 18. Business locations
- 20. Governance model
- 30. Affiliates and subsidiaries
- 30. Development orientation
- 32. Share information
- 36. Risk and risk management

# GENERAL INFORMATION

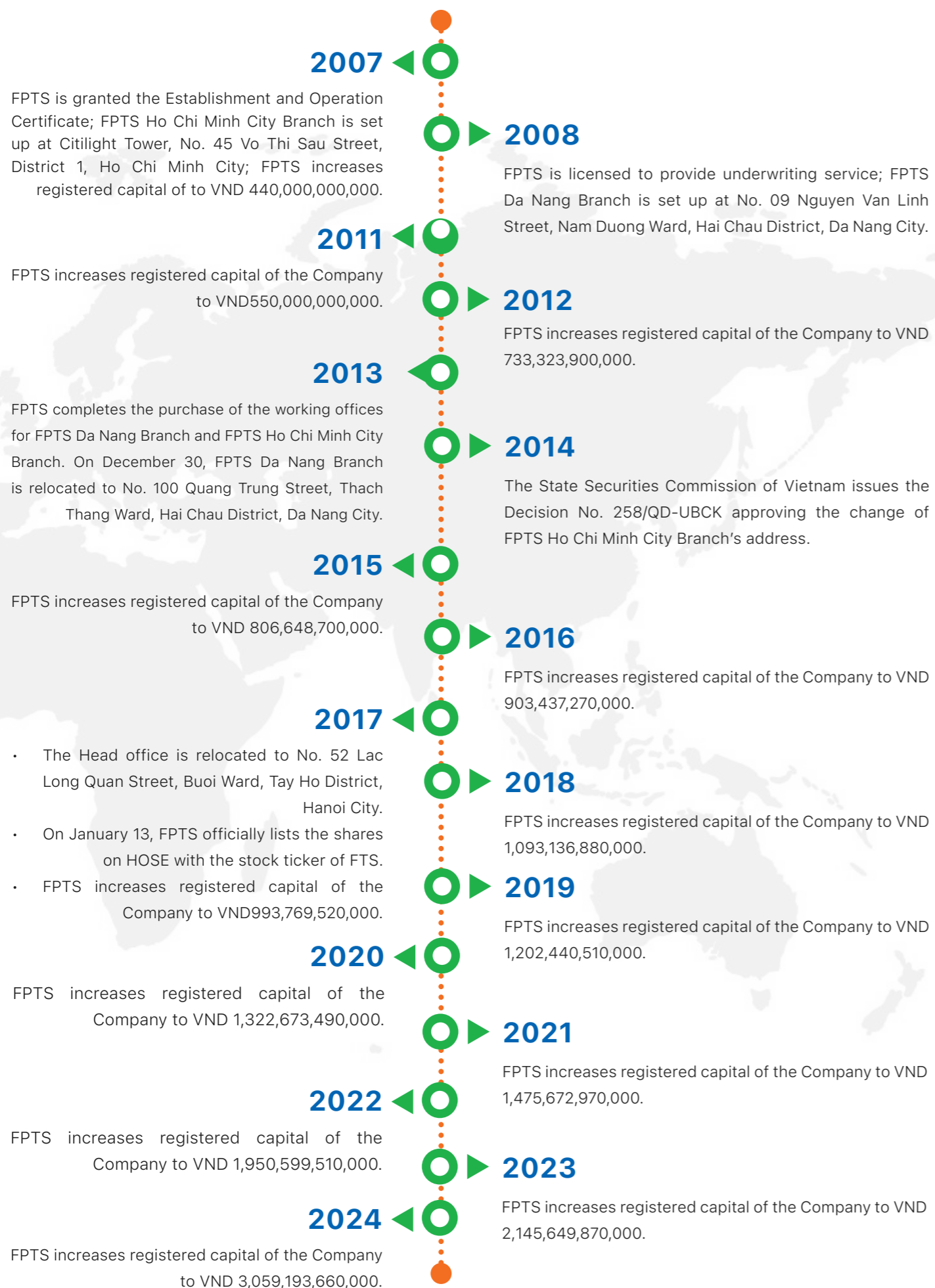
## General information

FPT Securities Joint Stock Company was licensed to establish and operate under the License issued by the State Securities Commission of Vietnam on July 13, 2007. Over nearly 18 years of establishment and development, FPT Securities has continuously achieved many successes, gained the trust of customers and affirmed itself as one of the leading securities companies in Vietnam.

<b>Name of the organization</b>	FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
<b>Trading name of the organization</b>	FPT Securities Joint Stock Company
<b>Abbreviation</b>	FPTS
<b>Head Office</b>	No. 52 Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City
<b>Business registration certificate No.</b>	0102324187
<b>Website</b>	<a href="https://www.fpts.com.vn">https://www.fpts.com.vn</a>
<b>Fax</b>	(84.24) 3773 9058
<b>Telephone</b>	1900 6446
<b>Registered capital</b>	3,059,193,660,000 VND
<b>Owner's equity</b>	3,059,276,408,150 VND
<b>Securities symbol</b>	FTS
<b>Email</b>	fptsecurities@fpts.com.vn



## Development history



## Business lines

### Securities trading

#### Securities trading:

- Stock trading
- Bond trading
- Derivatives trading
- ETF trading
- Warrant trading
- Securities custody

#### Financial services:

- Cash deposit into customer accounts
- Margin trading
- Cash advance

#### Investment advisory service

### Corporate advisory

#### Investor relations advisory:

- Information Disclosure Advisory and EzIR Solution
- Shareholder Meeting Advisory and EzGSM Solution
- Annual Report Advisory
- Sustainability Report Advisory
- Dividend Policy Advisory.
- Shareholder Management Advisory and EzLink Solution

#### Corporate governance advisory:

- Advisory on Company Charter, Corporate Governance Regulations.
- Corporate Governance Reporting Advisory

#### Corporate performance improvement advisory:

- Business Planning Advisory
- Financial Forecast Advisory
- Due Diligence Advisory
- HR Management Advisory and EzHRM Solution

#### Investment banking services:

- Corporate Restructuring Advisory
- Securities Offering/Issuance Advisory
- Business Valuation Advisory
- Auction Advisory
- Divestment Advisory

#### Other advisories:

- Public Company Registration/De-registration Advisory
- Securities Registration Advisory
- Securities Trading Registration Advisory, Securities Listing Registration Advisory
- Treasury Share Trading Advisory
- Public Tendering Advisory
- Foreign Ownership Room Advisory
- Equitization Advisory



## Business locations



### • Da Nang Branch

Address: No. 100 Quang Trung Street, Thach Thang Ward, Hai Chau District, Da Nang City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-236) 3553 888

### • Head Office

Address: No. 52 Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Hanoi City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-24) 3773 9058

### • Han Thuyen Transaction Office

Address: 2nd Floor, No. 21 Han Thuyen, Hai Ba Trung District, Hanoi City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-24) 3933 6168

### • Ho Chi Minh City Branch

Address: 3rd Floor, 136-138 Le Thi Hong Gam Tower, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-28) 6291 0607

### • Phan Xich Long Transaction Office

Address: 6th Floor, 462 Phan Xich Long Tower, Ward 2, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-28) 3995 6997

### • Ky Dong Transaction Office

Address: 2nd Floor, No. 14B Ky Dong Street, Ward 9, District 3, Ho Chi Minh City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-28) 6269 8587

### • Tran Binh Trong Transaction Office

Address: No. 299 Tran Binh Trong, Ward 4, District 5, Ho Chi Minh City.

Telephone: 19006446

Fax: (84-28) 3830 8028

### • Suong Nguyet Anh Transaction Office

Address: 100 Quang Trung Street, Thach Thang Ward, Hai Chau District, Da Nang City.

Telephone: 19006446

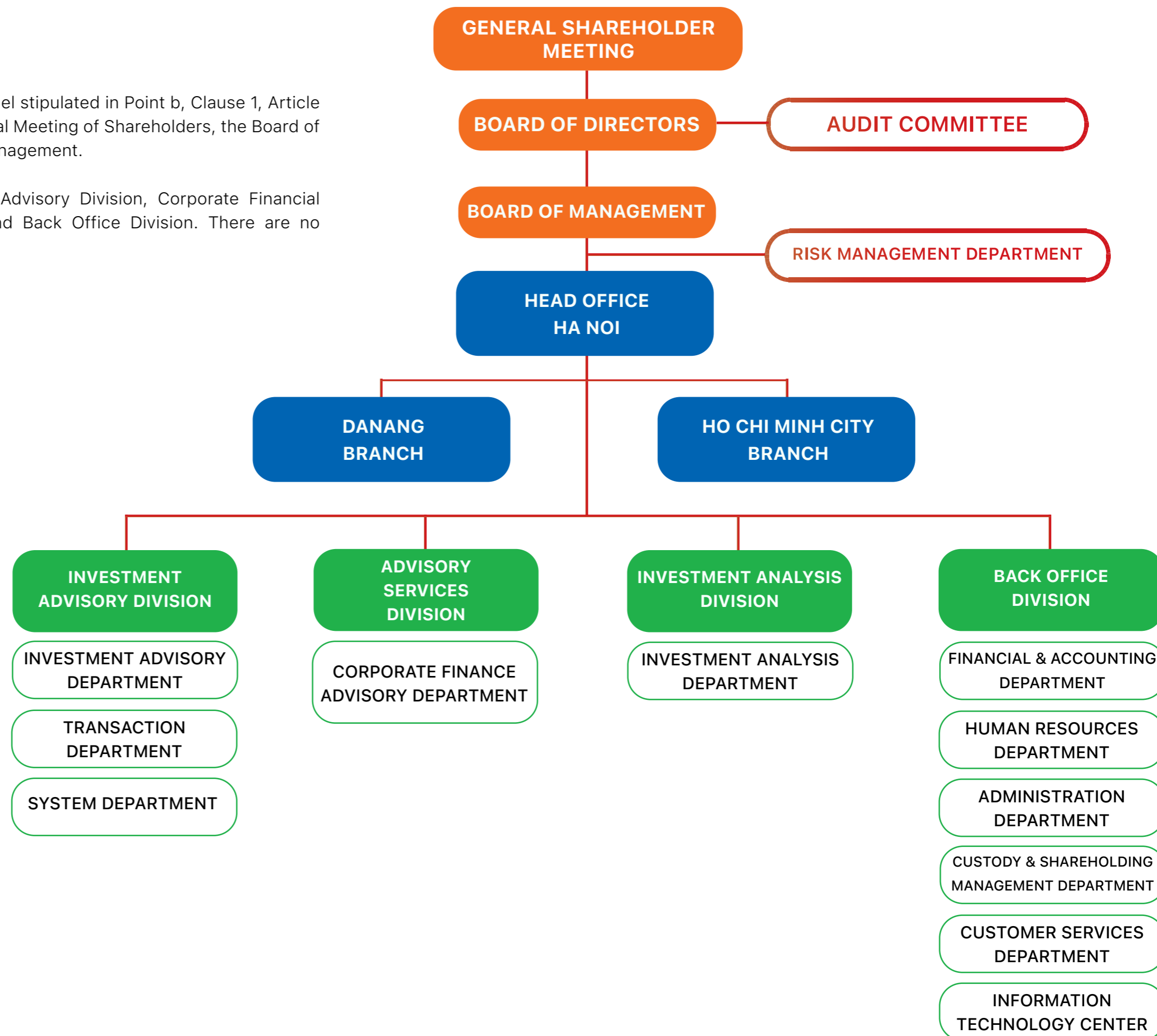
Fax: (84-236) 3553 888

# GOVERNANCE MODEL

## Organization chart

In 2024, FPT operated under the organizational model stipulated in Point b, Clause 1, Article 137 of the 2020 Enterprise Law, including the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Audit Committee and the Board of Management.

The professional divisions consist of Investment Advisory Division, Corporate Financial Advisory Division, Investment Analysis Division and Back Office Division. There are no subsidiaries or affiliates of the Company.



## BOARD OF DIRECTORS



**MR. NGUYEN VAN DUNG**

**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS CUM DEPUTY GENERAL DIRECTOR**

Year of birth: 1976

Nationality: Viet Nam

Qualification level: Bachelor of Accounting, Bachelor of English (Major in English)

**Work experience:**

- 1996 – 1998: Credit officer, risk management officer - Asia Pacific Commercial Joint Stock Bank
- 1998 – 2006: Trade finance officer, assistant to General Director - Mizuho Corporate Bank, Hanoi Branch
- 2006 – 2007: Trade finance officer - HSBC Bank, Hanoi Branch
- 2007 - March 2021: Director of Investment Advisory Department - FPT Securities Joint Stock Company
- April 2018 - July 2020: Member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company
- April 2019 - present: Deputy General Director - FPT Securities Joint Stock Company
- August 2020 - present: Chairman of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company



**MR. NGUYEN DIEP TUNG**

**MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS CUM GENERAL DIRECTOR**

Year of birth: 1968

Nationality: Viet Nam

Qualification level: Bachelor of Finance and Accounting

**Work experience:**

- 1991 – 1993: Officer at Finance and Accounting Department - FPT Corporation
- 1993 – 2004: Chief Accountant - FPT Corporation
- 2004 – 2007: Member of the Board of Directors, Head of Finance - Accounting Department, Chief Accountant - FPT Corporation
- 2007 – 2010: Member of the Board of Directors cum General Director - FPT Securities Joint Stock Company
- 2010 - July 2020: Chairman of the Board of Director cum General Director - FPT Securities Joint Stock Company
- August 2020 - present: Member of the Board of Directors cum General Director - FPT Securities Joint Stock Company



## MR. DO SON GIANG

### NONEXECUTIVE MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS

Year of birth: 1973

Nationality: Viet Nam

Qualification level: Bachelor of Accounting

#### Work experience:

- 1997 – 2000: Accountant - FPT Securities Joint Stock Company
- 2001 – 2003: Deputy Head of Financial Planning Department - FPT Corporation
- 2003 – 2010: Chief Accountant, Head of Financial Accounting Department - FPT Information System Company (FIS)
- 2010 – 2017: Deputy General Director, Head of Financial Accounting Department - FPT Information System Company (FIS); Member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company
- 2017 - May 2024: Deputy General Director - FPT Information System Company (FIS); Member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company
- May 2024 - present: Deputy General Director - FPT IS Company Limited; Member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company



## MR. TRAN THANH TUNG

### INDEPENDENT MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS

Year of birth: 1978

Nationality: Viet Nam

Qualification level: Bachelor of Accounting

#### Work experience:

- December 2001 - November 2004: Auditor - Saigon Auditing and Financial Accounting Consulting Company
- November 2004 - April 2007: Chief Accountant - Hanoi Entertainment Culture Sport Center Company Limited
- April 2007 - April 2008: Financial Advisor - FPT Securities Joint Stock Company
- April 2008 - September 2017: Chief Accountant cum Head of Supervisory Board and Chief Financial Officer - Tran Anh Digital World Joint Stock Company
- January 2018 - August 2021: Finance Manager cum Sales Operation Manager - Viet Nam Australia Refrigeration Electrical Engineering Group Joint Stock Company
- January 2022 - present: Auditor - AFC Vietnam Auditing Company Limited
- March 2022 - present: Member of the Board of Directors cum Chairman of Auditing Committee and Head of Internal Audit Committee - FPT Securities Joint Stock Company



## MR. KENJI NAKANISHI

### MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS

Year of birth: 1966

Nationality: Japan

Qualification level: Bachelor of Laws

#### Work experience:

- April 1992 - November 2021: Chief Executive Officer of a securities company under Daiwa Securities Group
- July 2022 - April 2023: Manager at Overseas Business Management Department - SBI Holdings Inc.
- May 2023 - present: Chief Executive Officer - SBI Royal Securities Plc (Cambodia), SBI Holdings Inc
- March 2024 - present: Member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company





## AUDIT COMMITTEE

The Audit Committee under the Board of Directors of the Company consists of two members.



**MR. TRAN THANH TUNG**

**CHAIRMAN OF THE AUDIT COMMITTEE CUM  
INDEPENDENT MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS**

Year of birth: 1978

Nationality: Viet Nam

Qualification level: Bachelor of Accounting

*(Introduced in Member of the Board of Directors section)*



**MR. DO SON GIANG**

**MEMBER OF THE AUDIT COMMITTEE CUM MEMBER  
OF THE BOARD OF DIRECTORS**

Year of birth: 1973

Nationality: Việt Nam

Qualification level: Bachelor of Accounting

*(Introduced in Member of the Board of Directors section)*

## BOARD OF MANAGEMENT



**MR. NGUYEN DIEP TUNG**

**GENERAL DIRECTOR CUM MEMBER OF  
THE BOARD OF DIRECTORS**

*(Introduced in Member of the Board of Directors section)*



**MR. NGUYEN VAN DUNG**

**DEPUTY GENERAL DIRECTOR CUM  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

*(Introduced in Member of the Board of Directors section)*



**MS. NGUYEN THI THU HUONG**

**DEPUTY GENERAL DIRECTOR CUM CHIEF ACCOUNTANT**

Year of birth: 1974

Nationality: Viet Nam

Qualification level: Bachelor of Financial - Accounting

### Work experience:

- 1994 – 2003: Accountant - Corporation for Financing and Promoting Technology (FPT)
- 2003 – 2004: Accountant - FPT Distribution Co., Ltd
- 2004 – 2006: Chief Accountant - FPT Software Solutions Co., Ltd.
- January 2007 - June 2007: Accountant - the Corporation for Financing and Promoting Technology (FPT)
- April 2019 - present: Deputy General Director - FPT Securities Joint Stock Company

## AFFILIATES AND SUBSIDIARIES

As of December 31, 2024, there are no subsidiaries or affiliates of the Company.

## DEVELOPMENT ORIENTATION

FPTS continues to keep prudent approach to investment and selection of securities portfolios; adopt and apply security solutions to securities transactions for investors; disclose transparent information to build up the confidence of the Company's customers and shareholders; and focus on improving product and service quality based on the two core values - personnel and technology.



**PERSONNEL**



**TECHNOLOGY**

FPTS will continue to expand its workforce, with a priority placed on higher quality and expertise. In addition to raising the qualifications for employees, FPTS upholds the code of conduct to gain the trust and satisfaction of customers.

FPTS will persist with the way it has chosen: Continuously investing in research and development and utilizing technological prowess to create best products and services and construct a convenient and secure, swift and accurate, fair and transparent system for customers, thus becoming the first choice of domestic and foreign companies and investors.



# SHARE INFORMATION

## Stock information of the Company

By December 31, 2024, FPT Securities Joint Stock Company has issued 305,919,366 shares. Of which:

Total shares	305,919,366 shares
Type of shares outstanding	Ordinary
Par value	10,000 VND/share
Treasury shares	0 shares
Outstanding shares	305,919,366 shares
Restricted shares	5,529,950 shares
Transferable shares	300,389,416 shares

**Treasury share transaction in 2024:** No increase/decrease recorded.

- Opening treasury shares: 0 VND
- Number of shares purchased: 0 shares
- Value of treasury shares: 0 VND
- Number of shares sold: 0 shares
- Value of treasury shares: 0 shares
- Closing treasury shares: 0 VND

## Other securities

During the year, the Company did not conduct any other securities issuances and had no outstanding commitments with any individuals or organizations regarding securities issuance.

## Shareholder structure

Shareholder	Number of shares	Ownership ratio (%)	Number of shareholders	Shareholder structure	
				Organization	Individual
<b>State shareholders</b>	-	-	-	-	-
<b>Founding shareholders</b>	<b>61,711,604</b>	<b>20.17</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
- Vietnamese (*)	61,711,604	20.17	3	1	2
- Foreigners	-	-	-	-	-
<b>Major shareholders</b>	<b>127,183,683</b>	<b>41.57</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>-</b>
- Vietnamese (*)	53,778,344	17.58	1	1	-
- Foreigners	73,405,339	23.99	1	1	-
<b>Other shareholders</b>	<b>170,802,423</b>	<b>55.83</b>	<b>12,806</b>	<b>58</b>	<b>12,748</b>
- Vietnamese	151,752,642	49.61	12,430	31	12,399
- Foreigners	19,049,781	6.23	376	27	349

FPTS Trade Union	-	-	-	-	-
Treasury share	-	-	-	-	-
<b>TOTAL</b>	<b>305,919,366</b>	<b>100.00</b>	<b>12,810</b>	<b>60</b>	<b>12,750</b>
- Vietnamese	213,464,246	69.78	12,433	32	12,401
- Foreigners	92,455,120	30.22	377	28	349

\* FPT Corporation is both a founding shareholder and a major shareholder of the Company.

Source: Compiled as of December 31, 2024

Maximum foreign ownership ratio: On February 17, 2017, FPTS received Official Letter No. 852/UBCK-QLKD from the State Securities Commission of Vietnam (SSC) regarding the maximum foreign ownership ratio at FPT Securities Joint Stock Company. Accordingly, the maximum foreign ownership ratio for FTS stock is 100%.

## Majority shareholder list

In 2024, there was no change in the ownership ratio of major shareholders at the Company. Specifically as follows:

No.	Name	Certificate of Business registration/ Transaction code of investor	Address (organization shareholders)	Number of shares	Holding ratio to Registered capital at December 31, 2024 (%)
1	FPT Corporation	0101248141	No. 10 Pham Van Bach Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Ha Noi	53,778,344	17.58
2	SBI Financial Services Co., Ltd	010401100313	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	73,405,339	23.99



## Changes in owner's equity

Year	Registered capital (Dong)	Content	Place of issue
July 13, 2007	200,000,000,000	Incorporation	State Securities Commission of Vietnam
November 2007	440,000,000,000	Issue shares to outstanding shareholders and employees, ratio 1:1	State Securities Commission of Vietnam
April 2011	550,000,000,000	Issue shares 11,000,000 shares in private placement to SBI Securities	State Securities Commission of Vietnam
June 2012	733,323,900,000	Issue bonus shares to outstanding shareholders at a 3-1 ratio	State Securities Commission of Vietnam
June 2015	806,648,700,000	Issue shares to increase share capital at a 10-1 ratio, sourced from equity capital	State Securities Commission of Vietnam
June 2016	903,437,270,000	Issue dividend shares, rate 12%	State Securities Commission of Vietnam
June 2017	993,769,520,000	Issue dividend shares, rate 10%	State Securities Commission of Vietnam
June 2018	1,093,136,880,000	Issue dividend shares, rate 10%	State Securities Commission of Vietnam
June 2019	1,202,440,510,000	Issue dividend shares, rate 10%	State Securities Commission of Vietnam
July 2020	1,322,673,490,000	Issue shares to increase capital from existing shareholders' equity, rate 10%	State Securities Commission of Vietnam
July 2021	1,454,930,970,000	Issue shares to increase capital from existing shareholders' equity, rate 10%	State Securities Commission of Vietnam
August 2021	1,475,672,970,000	Issue shares for employees	State Securities Commission of Vietnam
September, 2022	1,950,599,510,000	Issue shares according to the Employee Stock Ownership Program (ESOP) in 2022	State Securities Commission of Vietnam and Hanoi Authority for Planning and Investment
		Issue shares to increase capital from existing shareholders' equity, rate 20%	
June 2023	2,145,649,870,000	Issue shares to existing shareholders at 10,000 VND/share, rate 10%	State Securities Commission of Vietnam and Hanoi Authority for Planning and Investment
		Issue shares to increase capital from existing shareholders' equity, rate 10%	
June 2024	3,003,894,160,000	Issue shares to increase capital from existing shareholders' equity, rate 40%	State Securities Commission of Vietnam and Hanoi Authority for Planning and Investment
June 2024	3,059,193,660,000	Issue shares according to the Employee Stock Ownership Program (ESOP) in 2024	State Securities Commission of Vietnam and Hanoi Authority for Planning and Investment



**01**

**RISK MANAGEMENT PRINCIPLES**

Risk management is performed seamlessly from top to bottom. The Board of Directors is responsible for developing business strategies and setting risk tolerance limits for each type of risk to each professional division:

- Risk management must be aligned with the Company’s goal and strategies and an important part of any decision-making in respect of the Company’s operations;
- Risk management must be based on existing reliable information. The inputs to risk management must be based on various reliable resources of information about quantity and quality, including stored data, experience and feedback of stakeholders, observations, forecasts and judgments;
- Risk management system is comprised of departments and personnel for risk management, integrated in the Company’s organizational and management structure, operated in line with the size and scope of the Company’s operations;
- Risk management policies and procedures are continuously implemented, regularly updated and revised in line with the scope and scale of operations and conditions of the Company and the market context.

**02**

**MARKET RISK**

FPTS’s main business is prone to market risks arising from bond and stock investment, deposit investment, margin lending, covered warrants and derivative products. Revenue from these activities is affected by fluctuations in interest rates, stock

prices, possibly due to market positions, changes in monetary policies and macro policies of the Government of Vietnam or related countries as well as other legal regulations. Unexpected volatility of interest rates and stock prices may lead to a decrease in the Company’s revenue and profit. To mitigate these risks, FPTS ensures to maintain an in-depth, separate risk management by each type of risk and engages close coordination among related units and the Risk Management Department from monitoring, identifying, assessing and forecasting the market, investment strategy and risk distribution strategy to applying norms, risk warnings and settlement procedures.

**03**

**LIQUIDITY RISK**

The liquidity risk arises when FPTS loses the ability to fulfil partially or in full its payment obligations, fails to meet the payment needs for securities purchases of investors using margin loans and delays or fails to meet settlement requests of investors on their accounts at FPTS. FPTS opened 11,821 new underlying securities trading accounts and 2,977 derivative securities trading accounts for investors in 2024. As of December 31, 2024, the Company had 229,172 underlying securities trading accounts and 34,211 derivative securities trading accounts. With an increasing number of customers over the years and hundreds of payment requests

daily, FPTS must ensure the payment activities for investors swiftly, securely and cost-effectively. The Company remains highly flexible in balancing daily cash flows between quick funding (margin lending) and effective use of cash inflows when investors repay their margin loans. In 2024, FPTS continued to have an exceptionally safe year in terms of liquidity management, with no liquidity risk incidents.

**04**

**LEGAL RISK**

FPTS is governed by the Law on Enterprise, the Law on Securities, and other relevant laws. Legal changes directly affect the Company’s operations. Legal risk at FPTS is associated with its compliance with laws, regulations and procedures in the course of doing business. The Company regularly updates State regimes and polices on stock market and related fields. FPTS disseminates State regimes and polices as well as its regulations and processes to all units and employees involved, thus helping it mitigate legal risks. The Company also issues risk management procedures, internal controls, operational regulations and procedures for each unit concerned, and disseminates them to every employee in an effort to minimize legal risks in the course of doing business.

**05**

**SETTLEMENT RISK**

Payment risk arises from a failure of one or a group of customers or partners in full/timely settlement or in transfer of assets in full/in time as pre-agreed. In order to minimize impacts/damage of payment risk for the Company’s performance, FPTS has been taking the following measures:

- The Company decentralizes the power of proposing and approving of financing limits for a customer according to the financing risk management process to ensure its soundness by continuously updating such his/her financial capability and collaterals.
- FPTS’s margin trading agreements must contain provisions specifying the liquidation of the collateral. When the value of the collateral for a margin loan falls to a given threshold or when a margin trading agreement matures, FPTS will sell the collateral to ensure the recovery of the principal, interest and fees (if any) receivable.

- The EzMargin software is used to monitor the status of margin transactions and execute automatic sale orders in margin transactions to enable FPTs to manage and sell any collateralized securities when the price of such securities goes down to a specified threshold to ensure its soundness.

06

## HUMAN RESOURCE RISK

Owing to industry characteristics, human resources on the stock market always require high professional qualifications and business ethics. Having sufficient high-quality human resources is vital to securities companies. As the stock market grows, competition in human resources among financial institutions and securities companies is very severe. In contrast, when the stock market goes down, massive brain drain from the securities sector to other sectors will send securities companies to

serious personnel shortages. However, defining people as a core strength, FPTs always attaches great importance to building a professional, dynamic working environment imbued with the FPT culture. With its efforts to build human resources, use talent, attach importance to investing in training and improving employee qualifications and promote professional ethics, FPTs has built up a stable workforce, especially senior personnel. At present, the Company is staffed by more than 450 top-notch professionals and experts who have working experience in both Vietnam and the world. Personnel stability is the power for FPTs to achieve its objectives and establish its position in the market



## CHAPTER III

# BUSINESS PERFORMANCE IN 2024

- 42. Vietnam stock market in 2024 and prospects in 2025
- 45. Business performance in 2024
- 50. Organization and personnel
- 50. Investment performance and project investment

# VIETNAM STOCK MARKET IN 2024 AND PROSPECTS IN 2025

Despite being hit by world economic, trade and geopolitical developments in 2024, the Vietnamese stock market basically continued stable performance, safety and development and reaffirmed its role as an important medium and long-term capital channel for the economy. The market saw renewed strength, good liquidity, strengthened discipline and order, and enhanced transparency and sustainability.

In 2024, the VN-Index jumped 12.11% (from 1,129.93 points at the beginning of the year to 1,266.78 points at the end of the year) but the HNX-Index skidded 1.56% (from 231.04 points to 227.43 points). Daily trading value averaged 21,098 billion VND, 20.02% higher than a year earlier. The market capitalization of HOSE, HNX and UPCOM reached about 7,200 trillion VND, up 20% from the end of 2023 and equivalent to about 70% of GDP. 2024 also witnessed a boom in new underlying securities accounts, with more than 2 million new domestic individual accounts opened, bringing the total number of accounts to 9.30 million, equal to more than 9.17% of Vietnam's population.

The derivatives market continued to prove its important role with strong growth in trading volume, reaching 300,000 contracts a day, up 15% over the previous year. Product diversification helped investors with more tools to manage risks and seek profits. The bond market also had an impressive recovery, especially after the Government's troubleshooting policies. The average daily trading value was 12,000 billion VND, 80% higher than that in 2023. The bond market capitalization topped VND2,350 trillion, equivalent to 23% of GDP.

Remarkable events on the Vietnamese stock market in 2024 included:

## Circular 68/2024/TT-BTC removing important bottlenecks and helping the Vietnamese stock market get closer to upgrading

On September 18, 2024, Circular 68/2024/TT-BTC that amends and supplements four circulars was officially issued by the Ministry of Finance, featured by a specific roadmap for information disclosure in English and non-prefunding service applied to foreign institutional investors.

## The amended Securities Law passed by the National Assembly

On November 29, 2024, the National Assembly officially passed the Law amending and supplementing some articles of the Securities Law. The revised content aimed to enhance the transparency and efficiency of securities issuance and securities offering, strengthen supervision, strictly handle fraudulent and deceptive acts in securities issuance and offering, clearly define responsibilities of relevant organizations and individuals, ensure effective prevention and settlement of violations in the securities market and the legal basis for clearing and settlement of securities transactions in the market under the central clearing counterparty (CCP) mechanism.

## The securities market affected by many external factors

The VN-Index climbed 12.11% in 2024 but largely gained in the first quarter while keeping volatile in the rest below the 1,300-point threshold. The market underperformance contrasted with macroeconomic performance, with the GDP impressively growing by 7.09%, largely because USD appreciated and the State Bank of Vietnam had to issue many rounds of treasury bills and sell USD to intervene the market. The result of the US presidential election also fueled uncertainties in global trade.

## Cyberattacks on VNDirect Securities and PVOIL

On March 24, 2024, a cyberattack on the information technology system of VNDirect Securities Corporation, with its data being encrypted resulted in its disconnection with the Stock Exchanges until April 1, 2024. It took more time and effort to restore the entire system with a predefined roadmap. Shortly after that, on April 2, 2024, the system of PetroVietnam Oil Corporation - Joint Stock Company (PVOIL) was also attacked and its data was encrypted, thus disrupting its business activities, including the e-invoice system, website and other applications.

## Massive capital increases by securities companies

In 2024, about 22 securities companies increased share capital by nearly 25,000 billion VND. The capital-raising wave of securities companies showed their active response to new opportunities from new information technology systems and market upgrading, which were expected to create a new turning point in market development in 2025.

## New listings hit a record low

With two companies transferring their listed shares from UPCOM to HNX (tickers: PTX and CAR) and eight new listings on HOSE (tickers: RYG, DSE, MCM, HNA, QNP, TCI, NAB and VTP), in 2024, the Vietnamese listed market had only 10 newly listed companies and only one successful IPO (ticker: DSE).

## Record foreign net selling

2024 witnessed a record wave of net selling by foreign investors in the Vietnamese stock market. Total net selling value exceeded 93,000 billion VND in the year, quadrupling it in 2023. Not only Vietnam, investment outflows across Asia and emerging markets were also redirected to developed markets, especially the US, amid strong depreciation of domestic currencies.

## Positive recovery of corporate bond market

After major fluctuations in 2022-2023, the corporate bond market optimistically revived in both quantity and quality in 2024. Accordingly, as of December 25, 2024, the total amount of corporate bonds issued reached more than 455 trillion VND, an increase of 32% from 2023. Of the sum, VND46.4 trillion of bonds was offered to the public, up over 30% year on year. Besides, the market recorded a qualitative improvement as there were many new issuers from various industries. Especially, green bonds appeared on the market.

Entering a new era - the ascending era of the nation, the Vietnamese stock market promises to have many breakthroughs in 2025. Most importantly, economic recovery will be extended by the Government's continued drastic solutions to macroeconomic management. On the stock market side, the internal strength of the Vietnamese stock market is expected to grow more strongly in both "quantity" and "quality" when listed companies are making efforts to improve the quality of information disclosure and good corporate governance. Accordingly, Circular 68/2024/TT-BTC and the amended Securities Law remove imperative bottlenecks in information disclosure in English, adopt IFRS accounting standards and clear non-prefunding obstacles for foreign investors, thus easing concerns over market upgrading and opening the door to foreign capital flows. Basically, the Vietnamese stock market has met FTSE Russell's criteria for upgrading from a frontier market to an emerging market. In addition, the deployment of the KRX information technology system for the stock market



and investors will enable securities companies and market members to launch new products while supporting stronger market growth and higher liquidity than in 2024. As a result, the Vietnamese stock market is expected to grow in both size and quality in 2025 and reaffirm itself as an effective medium- and long-term fundraising channel for the economy and an important macro-management tool of the Government.

## BUSINESS PERFORMANCE IN 2024

### Business performance versus plan in 2024

In 2024, FPT Securities made a pre-tax profit of 512.67 billion VND, equal to 122.07% of the plan and up 0.52% from 2023. As of December 31, 2024, FPT Securities's total assets valued 9,759.56 billion VND, of which share equity was 4,117.97 billion VND. In the year, the Company completed increasing its registered capital from 2,145.65 billion VND to 3,059.19 billion VND. The above outcomes reflected the relentless efforts of the leadership and the staff to increase revenue and reduce costs amid stronger market competition to achieve high full-year growth and beat the set plan.

Item	Result in 2024 (Billion VND)	Plan in 2024 (Billion VND)	Result in 2023 (Billion VND)	Result to plan in 2024 (%)	Result in 2024 vs 2023 (%)
<b>Realized revenue</b>	1,006.07	845.00	921.37	119.06%	109.19%
<b>Realized profit before tax</b>	512.67	420.00	510.04	122.07%	100.52%

#### Other issues:

- **Organization and personnel:**
  - » In 2024, the Company remained structure, organization and personnel. The number of employees started the year with 505 employees and ended the year with 458 employees.
- **Technology, products and services:**
  - » Prioritized investment in developing technology infrastructure, increasing system capacity and ensuring the safe and stable operation of the system to serve customers.
  - » Continued to improve utilities for investors and corporate customers.
  - » Developed and upgraded the core system and mobile application.
  - » Improved the quality of investment advisory services.
- **Risk management:**
  - » Proactively identified and assessed risks for remedial measures; ensured no bad debts in margin lending.
- **Others:**
  - » Completed the 5% cash dividend payment to shareholders in 2024; completed the 100-to-40 share issue to increase capital from owner's equity and ESOP share issue program as per the resolution of the General Meeting of Shareholders 2024.
  - » Conducted complete, timely and transparent information disclosure.
  - » Completed the process system in which operations are based, conducted performance assessments.
  - » In its operations, the Company always aligned its profit goals with environmental protection and social responsibility. The Company coordinated with the State Securities Commission to organize many seminars to enhance the knowledge of investors and companies towards sustainable development of the stock market. For employees, it always cared about their physical and mental health through periodic medical examinations, health insurance programs and gym classes.



## Business performance by year

Unit: Billion VND

Item	Year 2023	Year 2024	Growth
<b>OPERATING REVENUE</b>	<b>944.17</b>	<b>1,147.75</b>	<b>21.56%</b>
Profit/Loss from financial assets and liabilities at fair value through profit or loss (FVTPL)	155.20	245.49	58.18%
Interests from loans and receivables	443.22	589.27	32.95%
Revenue from securities brokerage	297.41	250.44	(15.79%)
Revenue from underwriting service, agent brokerage service	-	-	-
Revenue from securities investment advisory service	4.07	13.22	224.65%
Revenue from securities depository service	11.10	12.56	13.15%
Revenue from financial advisory service	32.77	36.50	11.37%
Other incomes	0.39	0.28	(29.00%)
<b>OPERATING EXPENSES</b>	<b>328.96</b>	<b>405.56</b>	<b>23.29%</b>
Loss of fair value through profit and loss (FVTPL)	2.88	0.91	(68.45%)
Provisional expense for financial assets, bad debts and impairment losses on financial assets and borrowing costs of loans	116.14	179.00	54.13%
Expense for securities trading	0.11	0.42	286.88%
Expense for securities brokerage	174.88	180.56	3.25%
Expense for underwriting service, agent brokerage service	-	-	-
Expense for securities investment advisory service	3.77	12.09	220.29%
Expense for securities depository service	16.62	18.01	8.36%
Expense for financial advisory service	14.57	14.58	0.11%
Expense for other services	-	-	-
<b>FINANCIAL REVENUE</b>	<b>9.11</b>	<b>8.83</b>	<b>(3.07%)</b>
Revenue, estimated dividend, deposit interests	9.11	8.83	(3.07%)

<b>ADMINISTRATIVE EXPENSE</b>	<b>83.58</b>	<b>89.84</b>	<b>7.49%</b>
<b>OPERATING OUTCOME</b>	<b>540.73</b>	<b>661.17</b>	<b>22.27%</b>
<b>OTHER INCOMES AND EXPENSES</b>	<b>1.21</b>	<b>2.00</b>	<b>65.03%</b>
Other incomes	48.68	58.10	19.36%
Other expenses	47.46	56.10	18.20%
<b>PROFIT BEFORE TAX</b>	<b>541.94</b>	<b>663.17</b>	<b>22.37%</b>
<b>PROFIT AFTER CORPORATE INCOME TAX</b>	<b>444.92</b>	<b>567.32</b>	<b>27.51%</b>

In 2024, brokerage revenue declined by 15.79% from 2023 while revenue from other activities all grew significantly. In particular, interest from profit from financial assets and liabilities at fair value through profit or loss (FVTPL), interests from loans and receivables and revenue from securities investment advisory service impressively grew 58.18%, 32.95% and 224.65% respectively from to 2023, contributing significantly to the total operating revenue for the year.

## Financial performance and financial indicators

### Asset structure

(Unit: Billion VND)

Item	Year 2023	Year 2024	Growth
<b>CURRENT ASSETS</b>	<b>8,045.92</b>	<b>9,580.16</b>	<b>19.07%</b>
Financial assets	8,041.27	9,574.61	19.07%
Other current assets	4.64	5.55	19.60%
<b>NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>188.77</b>	<b>179.40</b>	<b>(4.96%)</b>
Fixed assets	155.49	142.60	(8.29%)
Construction in progress	-	-	-
Other non-current assets	33.28	36.80	10.60%
Provisions for non-current asset depreciation	-	-	-
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>8,234.68</b>	<b>9,759.56</b>	<b>18.52%</b>

The Company's total assets strongly expanded 18.52% year on year from 8,234.68 billion VND to 9,759.56 billion VND, mainly due to a significant increase in current assets. In the structure of current assets, loans and financial assets recorded at fair value through profit and loss (FVTPL) exerted the strongest impact on the assets structure. Long-term assets decreased slightly by 4.96% largely due to the depreciation of fixed assets (houses, architectural items, equipment, administrative items) and produced a marginal effect on total assets.

# Financial performance and financial indicators

## Capital structure

(Unit: Billion VND)

Item	Year 2023	Year 2024	Growth
<b>LIABILITIES</b>	<b>4,590.75</b>	<b>5,641.59</b>	<b>22.89%</b>
Short-term liabilities	4,590.75	5,641.59	22.89%
Long-term liabilities	-	-	-
<b>OWNER'S EQUITY</b>	<b>3,643.94</b>	<b>4,117.97</b>	<b>13.01%</b>
Owner's equity	3,643.94	4,117.97	13.01%
Other funds	-	-	-
<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY</b>	<b>8,234.68</b>	<b>9,759.56</b>	<b>18.52%</b>

Likewise, capital sources also grew sharply by 18.52% in 2024, with liabilities and net worth rising by 22.89% and 13.01%, respectively. The Company's net worth doubled in 2024 after it issued shares to existing shareholders and offered shares under the ESOP Program. On short-term liabilities, short-term loans accounted for the largest share of 97% and grew most, 74%, from 2023.

In 2024, the Company also had no overdue debts. Its assets were also not impacted by foreign exchange rates.

## FINANCIAL INDICATORS

Item	Unit	Year 2022	Year 2023	Year 2024
<b>1. Liquidity ratios</b>				
Current ratio	Times	2.62	1.75	1.70
Quick ratio	Times	0.14	0.27	0.10
<b>2. Financial leverage ratios</b>				
Debt to total assets ratio	%	26.32	67.90	62.70
Debt to equity ratio	%	61.29	131.31	145.37
<b>3. Performance indicators</b>				
Operating revenue to equity turnover	Times	0.27	0.27	0.30
Operating revenue to total asset turnover	Times	0.12	0.14	0.13
<b>4. Profitability ratios</b>				
Return on sales (ROS)	%	37.43	47.12	49.43

Return on assets (ROA)	%	4.32	6.58	6.31
Return on equity (ROE)	%	10.05	12.73	14.62

**Liquidity ratios:** The decrease in cash and cash equivalents and the increase in liabilities led to a substantial decline in the quick ratio as compared to 2023. At the same time, the weaker growth of current liabilities than that of current assets in 2024 resulted in a slight fall in the current ratio but it still stayed in a safe territory.

**Financial leverage ratios:** Debt and equity respectively rose by 22.89% and 13.01% in 2024. The average debt to equity ratio grew slightly from the previous year but the average debt to total assets ratio marginally rose over 2023. The current capital structure of the Company was comprised of 57.8% of short-term liabilities, no long-term liabilities and 42.2% equity capital. Higher equity ratio in the capital structure helps reduce risks for the Company.

**Performance indicators:** In 2024, operating revenue grew faster than equity growth, resulting in slightly higher operating revenue to equity turnover as compared to that in 2023. In contrast, the minor decline in the operating revenue to total asset turnover indicated that the Company needed to harness assets to generate revenue more effectively.

**Profitability ratios:** In 2024, the Company's net profit jumped 27.51% to 567.32 billion VND. The increase in the return on sales (ROS) ratio showed effective cost control. ROE continued to look up although the company conducted two equity capital increases in a year, demonstrating better equity use. Although ROA dipped, the Company still effectively used its assets to generate profits.



# ORGANIZATION AND PERSONNEL

Unit: Person

No.	Item	Year 2023	Year 2024
<b>I By degree</b>			
1	University and above	479	431
2	College	17	12
3	Others	9	15
<b>II By gender</b>			
1	Men	268	233
2	Women	237	225
<b>Total</b>		<b>505</b>	<b>458</b>

## Employment policy

The Company always highly values the work capacity of every employee and welcomes dynamic, professional candidates with knowledge, competence and qualifications seeking long-term career opportunities. To attract talent, the Company has a clear and reasonable salary and bonus policy, especially for outstanding employees with great contributions to the Company. Besides, the Company always strictly adheres to employment laws, stringently follows standards on working time, and employs workers according to business requirements and to the law.

## Staff training policy

Employees will be provided with in-house training to improve their professional skills to better serve the Company's operations.

## Salary, bonus and allowance policy

- Salary policy: To ensure fairness and rationality in the payroll, the Company establishes a salary and bonus policy for every level of employee.
- Overtime wage: The Company supports and pays overtime wages as per the current Labor Code and the Collective Bargaining Agreement. Bonus policy: The Company annually assesses and classifies employees and applies the 13th month salary, an extra month of income. In addition, based on its overall performance, the Company has compensations and remunerations for employees in relation to their performance and contributions to the Company.

## Social welfare policy

All FPTS employees are entitled to all regulatory benefits such as social insurance and medical insurance. Particularly, they are also covered by FPT Care Health Insurance. Annually, the Company rewards employees on the occasion of public holidays, offers vacations for all employees, grants rewards to excellent employees, and organizes collective events for all employees like teambuilding and excursions. In addition, the Company abides by all other welfare regimes in accordance with the Labor Code and Collective Bargain Agreement of the Company (funeral, marriage, sickness visit and staff birthday).

# INVESTMENT PERFORMANCE AND PROJECT INVESTMENT

NONE



An aerial night view of a city skyline. The central focus is a tall skyscraper under construction, with its core illuminated in yellow and red. The surrounding city is lit up with various lights, and a river is visible on the left side. The sky is a mix of blue and orange, suggesting dusk or dawn.

## CHAPTER IV

# REPORT BY THE BOARD OF MANAGEMENT

- 54. FPT's business performance in 2024
- 55. Assessment report on environmental and social responsibility
- 56. Business prospects for 2025
- 57. Business plan for 2025

## FPTS'S BUSINESS PERFORMANCE IN 2024

In 2024, the Company made ongoing efforts to increase revenue and reduce costs to achieve higher growth results than 2023 and exceed its given plan. As a result, FPTS's business activities remained safe and secure. Its pre-tax profit was 663.17 billion VND (of which realized profit was 512.67 billion VND and unrealized profit was 150.50 billion VND) equal to 122.07% of the plan. Its realized revenue was equal to 119.06% of the plan set forth in the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.

Item	Result in 2024 (Billion VND)	Plan in 2024 (Billion VND)	Result in 2023 (Billion VND)	Result vs Plan in 2024 (%)	Result in 2024 vs Result in 2023 (%)
Revenue	1,006.07	845.00	921.37	119.06%	109.19%
Realized profit before tax	512.67	420.00	510.04	122.07%	100.52%



## ASSESSMENT REPORT ON ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITY

### Environmental responsibility

Although the Company doesn't rely much on electricity and water in its operations, FPTS is always aware of the importance of these two limited resources for the common needs of society. We consistently try to control and conserve electricity and water and create a pro-green corporate culture that relentlessly pursues a clean and beautiful environment for all.

FPTS applies electricity and water saving programs throughout the Company and educates its employees on the responsible and cost-effective use of these resources:

- Turn off all electrical devices when they are not in use;
- Not open windows and doors when air conditioners are on;
- Install time-delay automatic press basin faucets to save tap water;

Since 2019, FPTS has adopted measures to save electricity and water for better long-term effect of these activities. In the following years, FPTS boosted communications to raise awareness of economy among its employees.

In 2022, the Company used heat-resistant films for the building's windows to maximize energy savings.

### Community and social responsibility

Adhering to regulations on Environment, Economy and Society demonstrates the fundamental responsibility of the Company for its impacts. FPTS consistently ensures its highest compliance. The highest regulatory compliance helps us affirm our management capacity, limit remedial obligations and strengthen the Company profile.

Our administrative and human resources departments and related departments are responsible for updating relevant legal requirements to ensure regulatory compliance and adapting the Company's regulations. The Company compiles a list of legal documents and specific requirements subject to all the employees.

#### Customer information security

In the era of the Fourth Industrial Revolution, information security becomes a matter of concern for every Company. FPTS strives to maintain customer privacy when customers use our services to make sure that their interests and the Company's interests are protected. This security commitment is stipulated in contractual agreements that the Company signs with each partner. FPTS manages the security of customer information with a module-layered user-based authentication system. Customer information security is updated to the Company's management regularly or from time to time when the problems arise.

#### Social responsibility

After nearly 18 years of construction and development, FPTS has continuously achieved a lot of success, gained the trust of customers, and affirmed its position as a leading securities Company in Vietnam. In its constant efforts to become a powerful financial institution, FPTS has constantly contributed significantly to State and local budgets; ensured decent jobs for its employees; supplied the best products and services to the market; provided customers with a safe, convenient, accurate, responsive and fair trading system, thus gradually changing the face of the stock market and boosting Vietnamese socioeconomic development and the local economy.

## Employee responsibility

In addition to providing benefits such as salary and bonuses for employees, FPTS aims to empower its staff to improve their career paths in the future and stay ready to face global challenges on the labor market. Therefore, we emphasize training for different levels of staff and leadership through various forms. Education and training for employees also contribute to helping the Company catch up with higher market demands for labor quality and customer service.

FPTS manages education and training issues with new in-house employee training and professional training programs. The Human Resources Department reports training results to the Board of Management once a year or on specific event-based occasions in the year.

Additionally, on a monthly basis, the Company awards consultants and brokers with the best performance. Annually, it honors outstanding teams and individuals to motivate them to add more effort and enhance business efficiency.

## BUSINESS PROSPECTS FOR 2025

Entering 2025, international organizations (IMF, World Bank and OECD) forecast global economic growth at 2.8-3.3%, unchanged from 2024. However, geopolitical tensions, especially with President Donald Trump's protectionist policies like imposing high tariffs on Chinese goods and major exporters to the US may disrupt global trade. GDP growth is forecast for major regions: The United States of America at 2.5% driven by strong consumption and easing monetary policies, Europe at 1.3-1.5%, and China at 4.5% amid declining domestic demand and tariff pressures from the US. Global inflation is expected to weaken to 3.5-4.5%, but risks from rising commodity prices and service costs remain looming, prompting central banks like the FED to maintain prudent monetary policies.

In Vietnam, the Government targeted GDP growth of at least 8% in 2025, among the highest in the region, boosted by industrial manufacturing and foreign investment in spite of global economic uncertainties. The CPI is projected to stay below 4.5% thanks to inflation-controlling efforts as the USD/VND exchange rate is volatile due to stronger USD and Trump's policies. Vietnam's Ascending Era Strategy focuses on digital transformation, sustainable development and harnessing of free trade agreements to boost exports, but Trump's tariff policy may hinder Vietnam's stateside merchandise shipments.

Liquidity in the Vietnamese stock market is hoped to pick up on low interest rates, much-awaited official operation of the KRX system in 2025 and market upgrading prospects, helping boost investing performance and investor confidence. Nevertheless, the market is likely to see exchange rate fluctuations due to a likely USD appreciation along with the absence of new products and new stock listings/registrations for trading. Securities companies will continue to slash trading fees and margin rates to woo customers and sharpen competition with free trading platforms. In this context, the Company aims to utilize the KRX system to optimize services while developing innovative investment solutions to maintain its competitive advantages and support investors to capture opportunities from the potential but also challenging market in 2025.

## BUSINESS PLAN FOR 2025

Given business results in 2024 and market forecasts for 2025, the FPTS Board of Management estimates business performance for 2025 as follows:

Item	Result in 2024 (Billion VND)	Plan in 2025 (Billion VND)	Growth (%)
<b>Realized revenue</b>	1,006.07	1,000.00	-0.60
<b>Realized profit before tax</b>	512.67	500.00	-2.47

### Other issues:

- Personnel:
  - » Continue to promote training and improve professional qualifications for employees.
- Technology, products and services:
  - » Update the system to ensure connection with the new systems of the Stock Exchanges.
  - » Upgrade technology to ensure the smooth, secure system operation with a large number of transactions.
  - » Develop and launch new products/utilities for customers.





## CHAPTER V

# REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

- 60. Remarks on the Company's activities
- 61. General activities of the Board of Directors
- 62. Activities of the Board of Directors on the Executive Board
- 62. Remuneration of the Board of Directors in 2024
- 62. Operating plan
- 63. Conclusion



## REMARKS ON THE COMPANY'S ACTIVITIES

In 2024, the global economy extended recovery, featured by a nearly 3.2% growth, amid challenges from geopolitical conflicts and market volatility. Global inflation trended downwards, allowing major central banks to begin lowering interest rates from the second half of 2024 and relaxing financial conditions. However, global public debt continued to rise, estimated to reach 100 trillion USD, equivalent to 93% of global GDP.

In Vietnam, 2024 recorded an impressive GDP growth rate of 7.09%, surpassing the National Assembly's target of 6.5-7%. The GDP reached 11,511.9 trillion VND (approximately 476.3 billion USD) and the GDP per capita rose to 4,700 USD, an increase of 377 USD from 2023. The core inflation grew 2.71% in 2024, lower than the headline CPI growth of 3.63%, showing stable price controls.

Overall, the Vietnam's economy in 2024 renewed its recovery, driven by positive economic and social indicators, to provide a solid foundation for sustainable development in the years to come.

In 2024, FPT Securities recorded a pre-tax profit of 512.7 billion VND, or 122.07% of the target and rising by 0.52% from 2023. As of December 31, 2024, FPT Securities's total assets reached 9,760 billion VND, with owner's equity reaching 4,118 billion VND. Additionally, the company successfully increased its registered capital from 2,145 billion VND to 3,059 billion VND in 2024. These results illustrated the efforts of the Executive Board and employees amid an increasingly competitive market environment.

- Securities trading services: In 2024, FPT Securities opened 11,821 new underlying securities trading accounts and 2,977 derivatives securities trading accounts for investors, respectively totaling 229,172 underlying accounts and 34,211 derivatives accounts as of December 31, 2024. In 2024, in terms of market share, FPT Securities held 2.75% in brokerage market share of stocks, fund certificates and covered warrants on HOSE (outside the Top 10), 3% brokerage market share on HNX (ranked 9th) and 3.67% brokerage market share on the UPCOM (ranked 7th). Additionally, FPT Securities ranked 10th in the derivatives brokerage market, with a 2.06% market share.
- Margin loan: FPT Securities maintained a strict risk management approach, ensuring safety and preventing bad debts.
- Corporate finance advisory: The Company focused on improving the qualifications of advisors and consultants and expanding more corporate customers. In 2024, this business brought revenue of VND36.5 billion.
- Technology: The Company continued to prioritize research, improvement and development of technologically powered products and ensure stable and secure operation of the technological system for efficient business performance.

In addition to focusing on improving product and service quality and developing customers, the Company paid significant attention to its workforce as well as social responsibility. Remarkable activities included:

- Taking care of physical and mental health of employees with periodic medical checks, health insurance programs, gym practicing and other activities.
- Organizing seminars and workshops to introduce investment opportunities in the Vietnamese stock market and provide investment knowledge for investors, thus helping the sustainable development of the stock market.

## GENERAL ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors (BOD) always upholds its responsibility and obligations of directing and overseeing the Company's activities in compliance with the Law, the Company Charter, the Regulations on Corporate Governance and Resolutions of the General Meeting of Shareholders. At the same time, it continues to improve the Company's governance capacity in accordance with international practices and standards.

In 2024, the BOD held six boardroom meetings in the form of in-person/online sessions or through written consultations. All BOD members attended and gave their opinions at all meetings. The BOD approved seven Resolutions to implement the decisions of the General Meeting of Shareholders and carry out other contents within its authority.

### Resolutions of the Board of Directors in 2024

No.	Resolution code	Date	Content
1	01-2024/NQ/HDQT/FPTS	January 31, 2024	Ratify the Report of business performance in 2023 and the business plan for 2024; ratify the contents and agenda of the Annual General Meeting of Shareholders 2024.
2	02-2024/NQ/HDQT/FPTS	March 28, 2024	Agree to implement the plan to increase capital owner's equity and the plan to issue shares according to the Employee Stock Ownership Plan (ESOP), at the same time authorize implementation to the Chairman of the Board of Directors.
3	03-2024/NQ/HDQT/FPTS	March 28, 2024	Agree on the implementation of contracts and transactions between FPT Securities and related persons specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises.
4	04-2024/NQ/HDQT/FPTS	April 23, 2024	Ratify the Report of business performance in the first quarter of 2024 and the business plan for the second quarter of 2024; ratify the selection of the auditing company for auditing the financial statements and financial safety ratio report in 2024; ratify the plan for cash dividend payment for FY 2023.
5	05-2024/NQ/HDQT/FPTS	May 31, 2024	Ratify the renaming and relocation of Phan Dang Luu Transaction Office of FPT Securities Joint Stock Company - Ho Chi Minh City Branch.
6	06-2024/NQ/HDQT/FPTS	July 25, 2024	Ratify the Report of business performance in the second quarter of 2024 and the business plan for the third quarter of 2024.
7	07-2024/NQ/HDQT/FPTS	October 24, 2024	Ratify the Report of business performance in the third quarter of 2024 and the business plan for the fourth quarter of 2024; dismiss Ms. Tran Thu Ha and appoint Ms. Ngo Thi Minh Hue as a member of the Internal Audit Department.

## ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE EXECUTIVE BOARD

- According to the Charter and the Corporate Governance Regulations of the Company, the Board of Directors shall oversee the General Director and other executives in execution of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors and in day-to-day operations of the Company. The BOD's supervision is conducted regularly and strictly while ensuring that the business operations of the Executive Board remain unobstructed.
- The Board of Directors assesses that the General Director and the Executive Board have fully and properly exercised their rights and duties in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and the Resolutions of the General Meeting of Shareholders. The General Director and the Executive Board made the necessary decisions to ensure efficient and secure business operations, aiming for the company's sustainable development. BOD members and the Executive Board uphold corporate governance in line with modern governance standards, emphasize professional ethics, and consistently act in the best interests of the company's shareholders.
- During the year, the General Director fulfilled his duties of reporting, explaining and disclosing information on business operations in a complete and transparent manner. The General Director submitted and sought opinions of the Board of Directors on contents decided by the Board at its meetings.
- Day-to-day business operations were subject to operational and managerial procedures. In 2024, all business activities met with applicable laws.
- The General Director and other executives of FPT Securities Joint Stock Company showed a high sense of responsibility in business administration and actively took measures to achieve their tasks. Therefore, the Company's business operations were ensured safe and sound, with revenue and profit fulfilling 119.06% and 122.07% of the targets stated in the Resolution of the General Meeting of Shareholders 2024.

## REMUNERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

In 2024, Mr. Tran Thanh Tung, Independent Member of the Board of Directors, received a total remuneration of 96,000,000 VND (ninety-six million Vietnamese dong). Other members of the Board of Directors did not receive any remuneration.

## OPERATING PLAN

### Long-term operating plan of the Board of Directors

The Board of Directors strictly governs the Company in accordance with regulations on publicly traded companies, as well as the Charter and Regulations of Corporate Governance of FPT Securities Joint Stock Company. Members of the Board of Directors perform their duties and powers as per the Charter and the Corporate Governance Regulations of the Company as well as tasks assigned by the Board of Directors in an honest manner; comply with conduct standards and professional ethics subject to Board members; and always act in the best interests of the Company and its shareholders.

The Board of Directors directs and monitors every activity of the Board of Management by providing the best conditions in mechanisms, policies, personnel and facilities to assist the Board of Management in fulfilling its assigned tasks.

The Board continues to maintain the effective operations of the affiliated Internal Audit Committee.

The Board of Directors, the Internal Audit Committee, and the Board of Management continue to work closely together with the following principles:

- Always act in the interests of the Company and shareholders;
- Strictly adhere to relevant legal regulations, the Charter and the Regulations on Corporate Governance of the Company;
- Work in the principle of centralization, democracy, publicity and transparency;
- Work together with the highest sense of responsibility, honesty and cooperation, and actively work with each other to tackle emerging obstacles and hardships.

## Business plan in 2025

Based on business performances in 2024 and market forecasts for 2025, the Board of Directors estimated the business plan for 2025 as follows:

Item	Result in 2024 (Billion VND)	Plan in 2025 (Billion VND)	Growth (%)
<b>Operating revenue and financial investment revenue</b>	1,006.07	1,000.00	-0.60
<b>Realized profit before tax</b>	512.67	500.00	-2.47

## CONCLUSION

In 2024, the Company achieved a pre-tax profit of 663.2 billion VND, of which realized profit was 512.7 billion VND and unrealized profit was 150.5 billion VND.

The Board of Directors strictly adhered to Corporate Governance regulations applicable to public companies specified in Decree No. 155/2020/ND-CP of the Government dated December 31, 2020 and Circular 116/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated December 31, 2020, and the Charter and the Regulation on Corporate Governance of FPT Securities Joint Stock Company. The Board of Directors governed the Company with modern governance standards and practices.

In 2025, the Company will continue to bring its strengths in personnel and technology into full play, anticipate hardships, expand customer base and strive to achieve all planned targets.



## CHAPTER VI

# CORPORATE GOVERNANCE

66. Board of Directors (BOD)

66. Meetings of the Board of Directors

66. Activities of the Board of Directors in 2024

68. Audit Committee

68. Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons

69. Transactions, remuneration, and other benefits of the Board of Directors, the Board of Management and the Audit Committee

69. Evaluation of Compliance with Corporate Governance Regulations

## BOARD OF DIRECTORS (BOD)

No.	Member of the BOD	Position	Date of starting/terminating the Membership of the BOD		Percentage of voting shares owned
			Date of appointment	Effective date of dismissal	
1	Mr. Nguyen Van Dung	Chairman of the Board of Directors	April 10, 2018		0.05%
2	Mr. Nguyen Diep Tung	Member of the Board of Directors cum General Director	July 19, 2007		1.79%
3	Mr. Do Son Giang	Nonexecutive member of the Board of Directors	March 19, 2010		0.24%
4	Mr. Taro Ueno	Nonexecutive member of the Board of Directors	April 7, 2020	March 28, 2024	0%
5	Mr. Kenji Nakanishi	Nonexecutive member of the Board of Directors	March 28, 2024		0%
6	Mr. Tran Thanh Tung	Independent member of the Board of Directors	March 29, 2022		0%

## MEETINGS OF THE BOARD OF DIRECTORS

No.	Name	Number of meetings attended	Percentage of attendance	Reason for absence
1	Mr. Nguyen Van Dung	6/6	100%	
2	Mr. Do Son Giang	6/6	100%	
3	Ông Đỗ Sơn Giang	6/6	100%	
4	Mr. Taro Ueno	1/6	100%	Not being a member of the Board of Directors in the 2023-2028 term from March 28, 2024
5	Mr. Kenji Nakanishi	5/6	100%	Being a member of the Board of Directors in the 2023-2028 term from March 28, 2024
6	Mr. Tran Thanh Tung	6/6	100%	

## ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

No.	Number of Resolution/ Decision	Date	Content	Approval rate
1	01-2024/QD/HDQT/FPTS	January 29, 2024	Issue FPTS Risk Management Policy in 2024	100%

2	01-2024/NQ/HDQT/FPTS	January 31, 2024	Ratify the Report on business performance results in 2023 and the business plan for 2024; ratify the contents and agenda of the Annual General Meeting of Shareholders 2024	100%
3	02-2024/NQ/HDQT/FPTS	March 28, 2024	Ratify the implementation of the plan to increase capital from owner equity and the plan to issue shares according to the Employee Stock Ownership Program (ESOP), along with assigning the Chairman of the Board of Directors to implement this content	100%
4	03-2024/NQ/HDQT/FPTS	March 28, 2024	Ratify the execution of contracts and transactions between FPT Securities Joint Stock Company and related entities as specified in Clause 1 Article 167 of the Law on Enterprises	100%
5	04-2024/NQ/HDQT/FPTS	April 23, 2024	Ratify the Report on business performance results in the first quarter of 2024 and the Plan on business performance in the second quarter of 2024; ratify the selection of the auditing company for auditing the financial statements and financial safety ratio report in 2024; ratify the cash dividend payment for FY 2023	100%
6	02-2024/QD/HDQT/FPTS	April 26, 2024	Ratify the record date of exercising the right to receive cash dividends in 2023 and shares issued to increase capital from owner's equity	100%
7	03-2024/QD/HDQT/FPTS	May 3, 2024	Borrow capital from VCB and mortgage assets to borrow capital from VCB	100%
8	05-2024/NQ/HDQT/FPTS	May 31, 2024	Ratify the change of name and address of Phan Dang Luu Transaction Office of FPT Securities Joint Stock Company - Ho Chi Minh City Branch	100%
9	04-2024/QD/HDQT/FPTS	June 4, 2024	Increase registered capital by issuing shares to increase share capital from owner's equity	100%
10	05-2024/QD/HDQT/FPTS	June 7, 2024	Amend Appendix 01 of the Company's Charter regarding the change in registered capital	100%
11	06-2024/QD/HDQT/FPTS	June 18, 2024	Increase registered capital by issuing shares according to the Employee Stock Ownership Program (ESOP)	100%
12	07-2024/QD/HDQT/FPTS	June 25, 2024	Amend Appendix 01 of the Company's Charter regarding the change in registered capital	100%
13	08-2024/QD/HDQT/FPTS	July 1, 2024	Reissue FPTS salary scale and payroll system	100%
14	06-2024/NQ/HDQT/FPTS	July 25, 2024	Ratify the Report on business performance results in the second quarter of 2024 and the Plan on business performance in the third quarter of 2024	100%
15	08-2024/QD/HDQT/FPTS	September 19, 2024	Regarding borrowings from VIB and mortgages for borrowings from VIB	100%
16	09-2024/QD/HDQT/FPTS	October 22, 2024	Regarding borrowings from ACB and mortgages for borrowings from ACB	100%
17	07-2024/NQ/HDQT/FPTS	October 24, 2024	Ratify the Report on business performance results in the third quarter of 2024 and the Plan on business performance in the fourth quarter of 2024; dismiss Ms. Tran Thu Ha and appoint Ms. Ngo Thi Minh Hue as the member of the Internal Audit Department	100%

# AUDIT COMMITTEE

## Members of the Audit Committee

No.	Member of the Audit Committee	Position	Date of appointment	Professional qualifications	Percentage of voting shares owned
1	Mr. Tran Thanh Tung	Chairman	April 27, 2022	Bachelor	0%
2	Mr. Do Son Giang	Member	April 22, 2021	Bachelor	0.24%

## Meetings of the Audit Committee

No.	Member of the Audit Committee	Number of meetings attended	Attendance rate	Voting rate	Reason for absence
1	Mr. Tran Thanh Tung	2/2	100%	100%	
2	Mr. Do Son Giang	2/2	100%	100%	

The Audit Committee did not find anything unusual in operation of members of the Board of Directors, members of the Board of Management and other executive managers of FPT Securities Joint Stock Company.

The Audit Committee thought that managers of FPT Securities Joint Stock Company showed high responsibility in administration and actively carried out approved plans to obtain good business performance. The Board of Management continued to direct the development and improvement of utility products and services for investors, thus providing customers with a convenient, accurate, secure, fair and transparent transaction system.

In 2025, the stock market may have unpredictable developments, so the Board of Directors will need to maintain a cautious, objective viewpoint, carefully assess how macro policies will affect the stock market, foresee risks to complete the risk management system and take appropriate and timely preventive actions to avoid possible losses in the future.

## TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

No.	Name of Individual/ Company	Relation with the Company	Code of Resolution/ Decision approved by the Board of Directors	Content, quantity, total value of transaction
1	FPT IS Company Limited	Related to the insider Do Son Giang	03-2024/NQ/HDQT/FPTS	Digital signature service, software, information service, Transaction value: 2,771,854,540 VND

2	SBI Financial Services Co., Ltd	Majority shareholder	03-2024/NQ/HDQT/FPTS	Custodial fee, money transfer fee Transaction value: 41,593,671 VND
3	FPT Corporation	Majority shareholder	03-2024/NQ/HDQT/FPTS	Information disclosure consulting services; Online Investor Relations Portal EzIR; Dividend management and payment service Transaction value: 99,550,000 VND

## TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND OTHER BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE AUDIT COMMITTEE

In 2024, Mr. Tran Thanh Tung, independent member of the Board of Directors, received a total numeration of 96,000,000 VND (Ninety-six million Vietnamese dong). Other members of the Board of Directors did not receive any remuneration

## EVALUATION OF COMPLIANCE WITH CORPORATE GOVERNANCE REGULATIONS

In 2024, the company rigorously adhered to the regulations on corporate governance applicable to public companies, as stipulated in the Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, the Circular No. 116/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance dated December 31, 2020 and the Charter and Corporate Governance Regulation of FPT Securities Joint Stock Company. The company adopted modern corporate governance standards.

The members of the Board of Directors (BOD), the Board of Management, the Company Secretary and relevant departments received training and regularly updated themselves on new regulations regarding corporate governance. The BOD and the Board of Management appointed representatives to participate in training sessions and workshops on corporate governance, best practices in corporate governance in the region and globally. They kept abreast of new regulations related to corporate law, securities law, decrees, circulars and guidelines issued by the Hochiminh Stock Exchange, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, Deloitte, VIOD and other relevant organizations.





## CHAPTER VII

# SUSTAINABILITY REPORT

- 72. Sustainable development diagram
- 74. Sustainable development strategy and solutions
- 74. Sustainable development activities in 2024

## SUSTAINABLE DEVELOPMENT DIAGRAM

### BOARD OF DIRECTORS

- Shape the overall sustainable development strategy of the Company
- General action programs



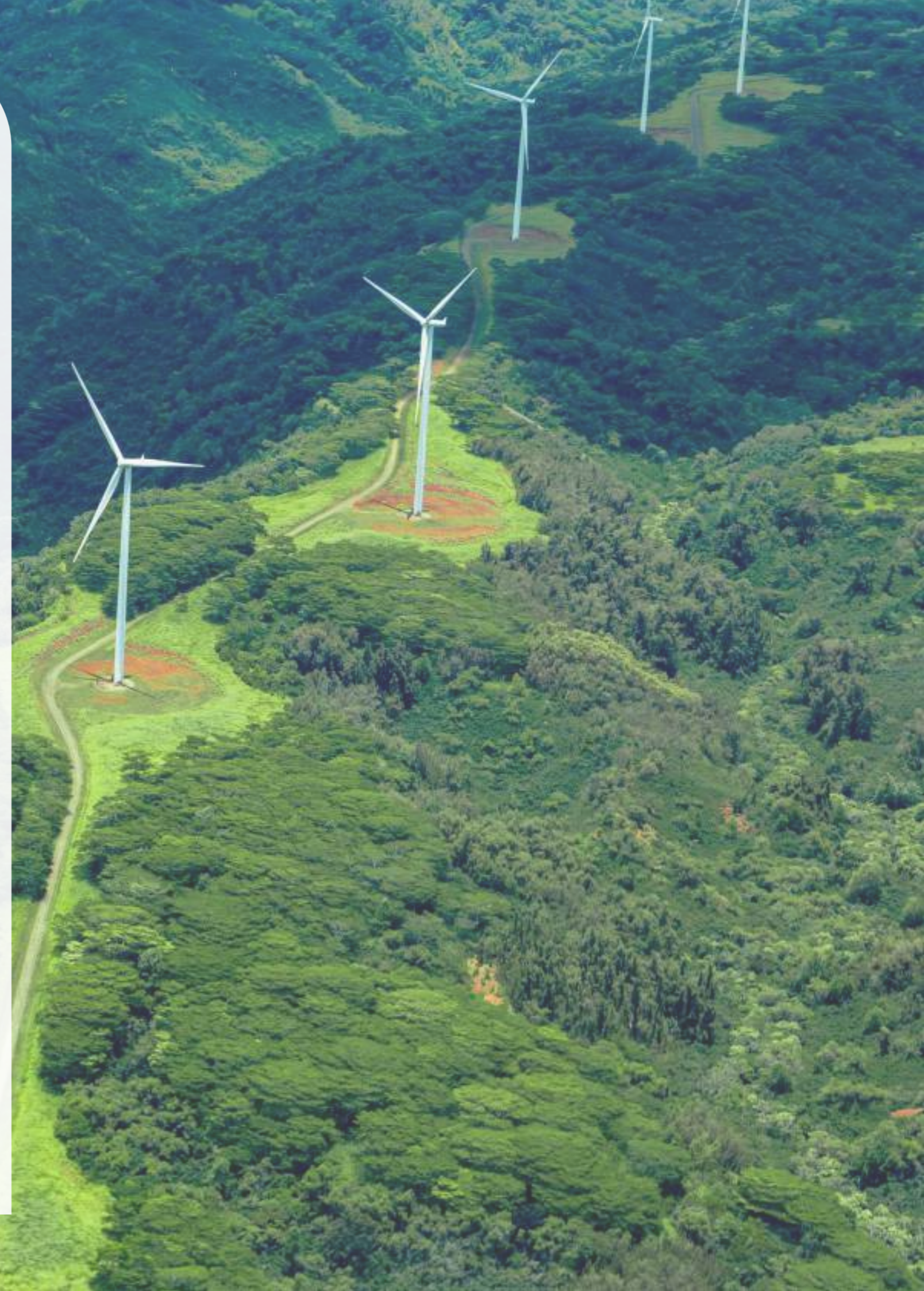
### BOARD OF MANAGEMENT

- Orient and direct general sustainable development goals of the Company
- Approve goals and action plans



### DEPARTMENTS

- Develop and submit specific goals, plans and actions to the Board of Management
- Deploy and guide subordinates to implement and monitor plans and actions approved by the Board of Management



# SUSTAINABLE DEVELOPMENT STRATEGY AND SOLUTIONS

Sustainable development is aligned with three key pillars: Economic Growth - Social Responsibility - Environmental Protection

## Economic impacts

- Achieve stable and sustainable business operations in the securities sector, contributing to the country's economic growth
- Contribute to local economic development where the company operates.
- Improve profit quality to pay more to the State coffers.
- Create value for shareholders through company value growth and effective dividend policies.

## Social impacts

- Create employment opportunities and foster a comprehensive development environment for employees.
- Direct business activities toward sustainable and strong development of the Vietnamese financial and securities markets.
- Provide financial solutions for the market: an efficient securities trading system with associated securities services and corporate advisory services
- Become an outperforming listed company, contributing to the overall development of listed stock exchanges.
- Ensure the rights and interests of customers, especially young and new investors in the Vietnamese stock market, through stringent management processes.
- Actively contribute to the community through donation activities, philanthropy, and sharing of financial and securities knowledge and experience with the community.

## Environmental impacts

- Aim to develop financial products and services to promote the green capital market.
- Create a friendly working environment for employees.
- Minimize impacts of carbon emissions and other waste; enhance the efficiency of energy and office supplies; practice resource conservation such as electricity, water and fuel.
- Use eco-friendly and human-friendly equipment, machinery and office supplies.
- Raise the awareness of energy conservation and environmental protection among employees and the community.
- Facilitate the implementation of environment ideas and initiatives.

# SUSTAINABLE DEVELOPMENT ACTIVITIES IN 2024

## Water and energy consumption

Despite typically not consuming much electricity and water for business, FPTs is always aware of the importance of these two limited resources for the common needs of society. We try to control and conserve electricity and water and create a pro-green corporate culture that relentlessly pursues a clean and beautiful environment for all.

FPTS applies electricity and water saving programs throughout the company and raises awareness of each employee of rational and economical use of these energy sources.

- Turn off all electrical appliances when they are not in use
- Not open windows and doors when air conditioners are turned on
- Install time-delay automatic press basin faucets to save tap water

Since 2019, FPTs has taken measures to save electricity and water for better long-term effect of this activity. In subsequent years, the company informed its employees to uphold this sense of responsibility. In 2022, the company installed heat-resistant films on windows to maximize energy efficiency.

Regarding metrics of office supply, electricity and water consumption, a notable reduction is observed in paper usage. This reduction is attributed to practices like paper-saving, no unnecessary printing and reduced wrong printing.

	Power consumption (kWh)	Expense (VND)	Gasoline and travel expenses (VND)	Printing paper (VND)	Waste expense (VND)
Hanoi Head Office	805,440	2,752,750,138	213,662,539	35,024,402	19,604,948
Danang	22,423	82,408,856	5,104,037	6,500,000	2,415,276
HCM City	336,088	1,331,860,282	236,234,424	57,737,880	-
<b>Total</b>	<b>1,163,951</b>	<b>4,167,019,276</b>	<b>455,001,000</b>	<b>99,262,282</b>	<b>22,020,224</b>

	Water suppliers	Amount of water used (m3)	Water fee (Dong)	Amount of water recycled and reused	Water recycling and reuse percentage
Hanoi Head Office	Hanoi Water Co., Ltd	2,662	52,972,450	-	-
Danang	Danang Water Joint Stock Company	292	4,745,422	-	-
HCM City	Cho Lon Water Supply Joint Stock Company/ Gia Dinh Water Joint Stock Company	1,420	39,033,195	-	-
<b>Total</b>	<b>-</b>	<b>4,374</b>	<b>96,751,067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

In 2024, FPTs used water from reputable suppliers in the market to ensure health and safety for employees. However, water recycling and reuse were not adopted by FPTs.

## Environmental compliance

**Fines for environmental violations:** In 2024, FPTs did not infringe environmental laws and regulations.

**Total amount of fines for environmental violations:** In 2024, FPTs did not have to pay any fine for environmental violations.



## Employee policy

### Salary:

FPTS currently has 458 employees, each of whom is paid an average of 17.8 million VND a month.

### Labor policy for employee health, safety and welfare:

FPTS leadership comprehends the importance of human resources, especially for a company in the securities sector. The work environment in all business locations meets standards, furnished with enough equipment to enable maximum support for work done smoothly. Additionally, the kitchen in the main office offers lunch for employees with guaranteed safety and nutritional value of food. The Company also spares certain spaces for entertainment, including a cafe, library and gym, along with various other amenities for employees.

Every month, the Company praises outstanding brokers and present rewards and awards to motivate, encourage and spread the spirit of competition and creativity throughout the company. At the end of the year, the company also awards prizes to excellently outperforming teams and individuals.

All FPTS employees are entitled to all regulatory benefits such as social insurance and medical insurance. Particularly, they are also covered by FPT Care Health Insurance and engaged in collective and teambuilding activities. In addition, the Company abides by all other welfare regimes in accordance with the Labor Code and Collective Bargain Agreement of the Company (funeral, marriage, sickness visit and staff birthday).

### Employee training:

The company regularly conducts in-house training sessions and internal exchanges to enhance the professional competence of each department and provides opportunities to share perspectives and experiences about current business and industry situations concerning its specific department.

## COMMUNITY RESPONSIBILITY

### Education funding

In 2024, FPTS sponsored two programs and competitions for university students majoring in finance. Sponsoring competitions and programs at universities demonstrated the Company's strong commitment to exercising social responsibility and promoting education and development of younger generations. Through these activities, the Company not only created opportunities for students to access practical finance but also spread the value of knowledge and creativity, hence making positive contributions to the sustainable development of the community. This was a testament to the Company's efforts in connecting businesses with society and building a more prosperous future for young talents and the country.

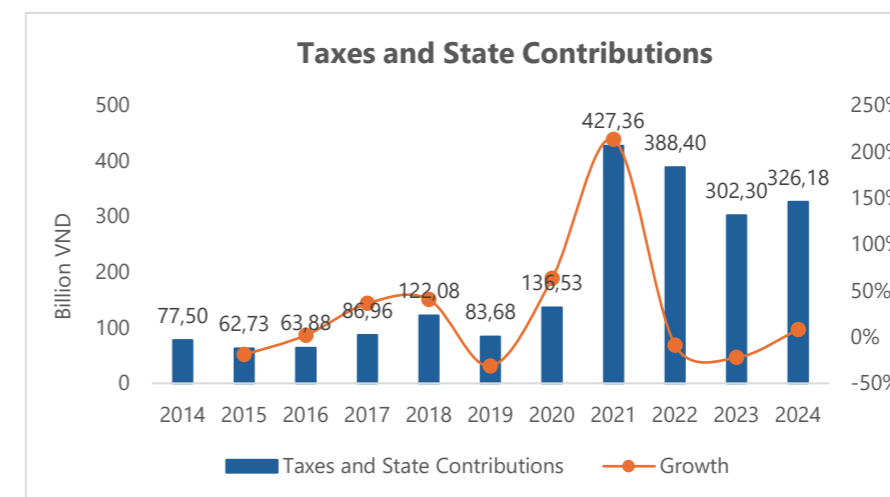
- **2024 Welcome Program for new students of the Faculty of Finance - Banking Academy:**

FPTS was the Silver sponsor for the Welcome Program for new students of the Faculty of Finance - Banking Academy in September-October 2024. Mr. Nguyen Trung Hoa, Director of Human Resources Department of FPT Securities Joint Stock Company, was present at the Banking Academy on the night of October 28, 2024 to join the Party Committee, the Board of Directors and the Education Council of the Banking Academy and its Faculty of Finance to welcome new students to start their study journey at the academy.



- **Ez Invest Contest - Financial Investment with FPTS:**

"Ez Invest Contest - Financial Investment with FPTS" was designed for students to experience basic theoretical and practical knowledge of financial investment, organized by the Department of Securities Business, the Faculty of Finance, the Banking Academy in collaboration with FPTS, helping them improve the understanding of financial investors in the market. The contest was devised for tertiary students in Vietnam.



### Contribution to the State Budget:

The company's contribution to the State Budget trended upwards between 2014 and 2024, particularly in 2021 with a spectacular market boom. The tax payable to the State Budget grew most in the last three years.

### Local economic development

Operating in three major economic hubs of the country, namely Hanoi, Danang and Ho Chi Minh City, with one headquarters, two branches, and five transaction offices, along with more than 450 employees, FPTS actively contributed to local economic development. The Company served as a reputable partner for local suppliers and provided decent employment opportunities.

### Contributions to stock market development

In 2024, FPTS had 11,821 new underlying securities trading accounts and 2,977 derivative securities trading accounts, significantly contributing to investor growth in Vietnam. The company also provided a variety of securities services for personal investors such as EzTrade and EzMargin to meet their various needs like stock trading, margin trading and more. Additionally, FPTS offered support services for corporate customers, ranging from investment banking to corporate governance, notably EzGSM, a pioneering solution for the online Annual General Meeting organization and huge support for public companies in the Technology 4.0 era. The company also had a strong team of experienced analysts with rich expertise in various industries and macroeconomics who make high-quality analysis reports highly regarded by the market. FPTS frequently conducted livestreams and webinars to share knowledge, experiences and viewpoints with the investor community, particularly individual investors.

FPTS was honored as Mid Cap Individual Investors' Best Choice 2024 for its IR services. The company usually appeared on the list of Top 10 largest brokerage houses on HOSE and HNX. Company's stock, FTS, was also added to the MarketVector Vietnam Local Index on March 9, 2024.

The background of the slide is a composite image. On the left, there are several stacks of silver coins of varying heights. In the center and right, there is a blurred city skyline at night with lights from buildings. Overlaid on the city and coins are faint, semi-transparent financial charts, including a bar chart and a line graph with multiple colored lines (yellow, purple, blue).

## CHAPTER VIII

# AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2024

*Report of the Board of Management &  
Audited Financial Statements*

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**  
*Audited Financial Statements  
For the year 2024*

**Audited by:**

**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES  
COMPANY LIMITED (AASCS)**

Address: No. 29 Vo Thi Sau, District 1, Ho Chi Minh City, Tel: (028) 38 205 944- 8 205 947 Fax: 38 205 942

<b>CONTENTS</b>	<b>Page</b>
<b>Report of the Board of Management</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Independent Auditors' Report</b>	<b>05 – 06</b>
<b>Audited Financial Statements</b>	
Separate Statement of Financial Position as at 31 <sup>st</sup> December 2024	07 – 10
Separate Income Statement for the year 2024	11 – 13
Separate Cash Flows Statement for the year 2024	14 – 16
Separate Statement of Changes in Owner's Equity for the year 2024	17 – 18
Notes to the Separate Financial Statement for the year 2024	19 – 46

## REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of **FPT Securities Joint Stock Company** (hereinafter called the "Company") presents its report and the Company's financial statements for the year 2024.

**FPT Securities Joint Stock Company** was established under the Business Registration Certificate No. 59/UBCK- GP dated 13th July, 2007; Adjusted Business Registration Certificate No.90/UBCK-GPDCCTCK dated 04th December, 2007; Adjusted Business Registration Certificate No.127/UBCK-GP dated 09th May, 2008; Adjusted Business Registration Certificate No.26/UBCK-GP dated 13th April, 2011; Adjusted Business Registration Certificate No.94/GPDC-UBCK dated 18th June, 2012; Adjusted Business Registration Certificate No.31/GPDC-UBCK dated 23rd June, 2015; Adjusted Business Registration No.16/GPDC-UBCK dated 8th June, 2016; Adjusted Business Registration Certificate No.01/GPDC-UBCK dated 6th January, 2017; Adjusted Business Registration Certificate No.21/GPDC-UBCK dated 6th June, 2017; Adjusted Business Registration Certificate No.41/GPDC-UBCK dated 8th June, 2018; Adjusted Business Registration Certificate No.34/GPDC-UBCK dated 5th June, 2019; Adjusted Business Registration Certificate No.38/GPDC-UBCK dated 8th July, 2020; Adjusted Business Registration Certificate No.36/GPDC-UBCK dated 2nd June 2021; Adjusted Business Registration Certificate No.69/GPDC-UBCK date 16th August 2021; Adjusted Business Registration Certificate No.72/GPDC-UBCK dated 30th August 2021; Adjusted Business Registration Certificate No.90/GPDC-UBCK dated 26<sup>th</sup> September 2022; Adjusted Business Registration Certificate No.50/GPDC-UBCK dated 20th June 2023; Adjusted Business Registration Certificate No.47/GPDC-UBCK dated 25th June 2024 issued by State Security Commission of Vietnam. The Company operates under the Joint Stock Company Business Registration Certificate, first registered on 13th July 2007, registered for the fourth change on 09<sup>th</sup> August 2024 by Hanoi Authority For Planning and Investment.

**The main of activities of company:** Securities.

**The Company's main fields are:**

- Securities brokerage service;
- Securities trading activities;
- Securities investment advisory service;
- Underwriting for share issues;
- Shareholders management and custody service.

**The company's head office is located** at No.52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City.

**The company's Branch: 02 branches**

- **Ho Chi Minh Branch:** 3<sup>rd</sup> Floor, Building No 136 -138 Le Thi Hong Gam Street, District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
- **Da Nang Branch:** No.100 Quang Trung Street, Thach Thang Ward, Da Nang City, Viet Nam.

**EVENTS SINCE THE BALANCE SHEET DATE:**

There have been no significant events occurring after the balance sheet date, which would require adjustment or disclosures in the financial statements.

**BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF MANAGEMENT**

**Member of the Board of Directors:**

Mr Nguyen Van Dung	Chairman
Mr Kenji Nakanishi	Member

Mr Nguyen Diep Tung	Member
Mr Do Son Giang	Member
Mr Tran Thanh Tung	Member

**Members of the Board of Management:**

Mr Nguyen Diep Tung	General Director
Mr Nguyen Van Dung	Deputy General Director
Ms Nguyen Thi Thu Huong	Deputy General Director

**Member of the Audit Committee:**

Mr Tran Thanh Tung	Chairman
Mr Do Son Giang	Member

**AUDITORS**

The auditors of Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Company (AASCS) have expressed their willingness to accept reappointment.

**Statement of the Board of Management's responsibility in respect of the financial statements**

The Board of Management is responsible for the financial statements which give a true and fair view of the state of affairs of the Company and of its separate income statement, separate statement of financial position, separate cash flow statement and separate statement of changes in owner's equity for the year 2024. In preparing those financial statements, management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the basis of compliance with accounting standards and system and other related regulations;
- Prepare the financial statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclosed, with reasonable accuracy at any time, the financial position of Company and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management is responsible for ensuring that the financial statements for the year 2024 reflect adequate and fairly the financial position of the company accordance with the Vietnamese Accounting System and comply with relevant statutory requirements.

Ha Noi City, 17<sup>th</sup> January, 2025  
 On behalf of the Board of Management  
 Deputy General Director



NGUYEN VAN DUNG

No: 33/BCKT/TC/2025/AASCS

### INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

(On the financial statements of FPT Securities Joint Stock Company  
for the year 2024)

- To:
- Shareholders
  - The Board of Directors of FPT Securities Joint Stock Company
  - The Board of Management of FPT Securities Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of **FPT Securities Joint Stock Company**, prepared on 17<sup>th</sup> January 2025, from page 07 to 46, which comprise the separate financial position as at 31<sup>st</sup> December 2024, and the separate income statement, separate cash flows statement, separate statement of changes in owner's equity for the year 2024 and notes to the financial statement for the year 2024.

#### Responsibility of Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with the accounting standards, the Vietnamese accounting system and legal regulations. Internal controls are made by Board of Management to ensure that the financial statements is presented without material misstatement, due to fraud or error.

#### Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Auditing Standards. Those standards require us to comply with ethical requirements, to plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonable estimations made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

#### Opinion's auditor

In our opinion, the financial statements of FPT Securities Joint Stock Company give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at 31<sup>st</sup> December 2024, as well as the separate income statement, separate cash flow statement and separate statement of changes in owner's equity of the Company for the year 2024, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and System and comply with relevant statutory requirements.

Ho Chi Minh City, March 04<sup>th</sup> 2025

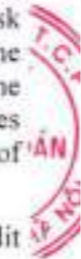
Southern Auditing and Accounting Financial  
Consultancy Service Company Limited (AASCS)  
Deputy General Director



**Dinh The Duong**  
Certificate of Registration Audit Practice  
No: 0342-2023-142-1

Auditor

**Chu The Binh**  
Certificate of Registration Audit Practice  
No: 1858-2023-142-1



**SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION**

As at 31 December 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
<b>A. CURRENT ASSETS (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>9.580.161.791.615</b>	<b>8.045.915.032.712</b>
<b>I. Financial assets</b>	<b>110</b>		<b>9.574.610.342.486</b>	<b>8.041.273.538.191</b>
1. Cash and cash equivalents	111	A.7.1	565.564.523.996	1.253.357.329.782
1.1. Cash on hand	111.1		155.685.498.972	415.357.329.782
1.2. Cash equivalents	111.2		409.879.025.024	838.000.000.000
2. Financial Assets at Fair Value through Profit and Loss (FVTPL)	112	A.7.3.1	1.914.035.124.647	1.349.313.180.030
4. Loans	114	A.7.3.2	7.068.146.259.945	5.394.079.820.504
6. Provision for impairment of financial and collateral assets	116	A.7.4	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
7. Receivables	117		32.363.945.074	48.274.630.955
7.1. Receivable to sell the financial assets	117.1			
7.2. Receivables and accrual from dividend and interest income	117.2	A.7.5.1	32.363.945.074	48.274.630.955
7.2.1. Receivables from dividend and interest on the date of receipt	117.3		72.835.969	228.058.072
7.2.2. Accrual from dividend and interest is not the date of receipt	117.4		32.291.109.105	48.046.572.683
8. Advances to suppliers	118		2.241.349.233	2.730.598.820
9. Receivables from services provided by the Company	119	A.7.5.2	2.257.938.624	2.855.246.992
12. Other receivables	122	A.7.5.4	1.060.292.143	1.706.672.284
13. Provision for impairment of receivables (*)	129	A.7.6	(173.475.000)	(158.325.000)
<b>II. Other current assets</b>	<b>130</b>		<b>5.551.449.129</b>	<b>4.641.494.521</b>
1. Advance payment	131			
2. Office supplies, tools, instruments	132	A.7.7	1.334.990.049	1.375.215.648
3. Short-term prepaid expenses	133	A.7.8a	3.143.226.089	2.171.336.167
4. Mortgages, collateral, short-term deposits	134		80.800.000	49.800.000
5. Value-added tax deductible	135		519.111	715.665
6. Taxes and receivables of the State	136		991.913.880	1.044.427.041
<b>B. NON-CURRENT ASSETS (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>179.399.308.818</b>	<b>188.768.086.129</b>
<b>I. Long-term financial assets</b>	<b>210</b>			
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>142.596.719.735</b>	<b>155.492.017.006</b>
<b>1. Tangible fixed assets</b>	<b>221</b>	A.7.10	<b>122.365.384.893</b>	<b>137.156.301.693</b>
- Cost	222		262.174.298.013	258.195.310.629
- Accumulated depreciation (*)	223a		(139.808.913.120)	(121.039.008.936)
<b>2. Financial lease assets</b>	<b>224</b>			
<b>3. Intangible fixed assets</b>	<b>227</b>	A.7.11	<b>20.231.334.842</b>	<b>18.335.715.313</b>
- Cost	228		44.912.945.438	42.878.650.238
- Accumulated depreciation (*)	229a		(24.681.610.596)	(24.542.934.925)
<b>IV. Construction in progress</b>	<b>240</b>			
<b>V. Other non-current assets</b>	<b>250</b>		<b>36.802.589.083</b>	<b>33.276.069.123</b>
1. Mortgages, collateral, long - term deposits	251		1.221.270.570	1.181.270.570
2. Long-term prepaid expenses	252	A.7.8b	5.525.991.266	2.059.648.764
4. Payment for Settlement Assistance Fund	254	A.7.9	30.055.327.247	30.035.149.789
<b>VI. Provision for impairment of long-term assets</b>	<b>260</b>			
<b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.759.561.100.433</b>	<b>8.234.683.118.841</b>

**SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION**

As at 31 December 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
<b>C. LIABILITIES (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>5.641.592.000.542</b>	<b>4.590.747.359.986</b>
<b>I. Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>5.641.592.000.542</b>	<b>4.590.747.359.986</b>
1. Borrowings and short-term financial liabilities	311	A.7.27	5.475.933.586.028	3.148.101.835.693
1.1. Short-term borrowings	312		5.475.933.586.028	3.148.101.835.693
1.2. Short-term financial liabilities	313			
6. Payables to securities transaction	318		7.371.171.602	
8. Short-term payment to suppliers	320	A.7.25	971.133.640	442.083.967
9. Short-term advance to customers	321		4.079.400.000	4.107.218.000
10. Taxes and payables to the State	322	A.7.23	30.681.520.777	32.533.739.831
11. Payables to employees	323		21.214.075.313	20.687.018.572
12. Employee benefits deductions	324		2.031.858.427	1.747.928.245
13. Short-term accrued expenses	325	A.7.24	9.246.767.305	11.635.008.140
17. Other short-term payables	329	A.7.26	6.242.575.206	1.306.139.631.000
18. Provisions for short-term payables	330			
19. Bonus and welfare fund	331		83.819.912.244	65.352.896.443
<b>II. Non-current liabilities</b>	<b>340</b>			
<b>D. OWNERS' EQUITY (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>4.117.969.099.891</b>	<b>3.643.935.758.855</b>
<b>I. Owners' equity</b>	<b>410</b>		<b>4.117.969.099.891</b>	<b>3.643.935.758.855</b>
1. Paid-in capital	411		3.059.276.408.150	2.145.732.618.150
1.1. Owners equity	411.1		3.059.193.660.000	2.145.649.870.000
a. Common stock with voting rights	411.1a		3.059.193.660.000	2.145.649.870.000
b. Preferred stock	411.1b			
1.2. Share premium	411.2		82.748.150	82.748.150
1.3. Convertible bond - Equity component	411.3			
1.4. Owners' other equity	411.4			
1.5. Treasury shares (*)	411.5			
2. Difference from revaluation of assets at fair value	412			
3. Foreign exchange differences	413			
4. Authorized capital reserve fund	414			
5. Financial reserve fund and operational risk	415			
6. Other funds under the owner's equity	416			
7. Undistributed profits	417	A.7.31	1.058.692.691.741	1.498.203.140.705
7.1. Realized profits	417.1		573.193.957.927	1.163.209.696.838
7.2. Unrealized profits	417.2		485.498.733.814	334.993.443.867
<b>II. Funding sources and other funds</b>	<b>420</b>			
<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.759.561.100.433</b>	<b>8.234.683.118.841</b>

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
<b>A. ASSETS OF THE COMPANY AND ASSETS MANAGED UNDER AGREEMENTS</b>				
1. Leased fixed assets	001			
2. Valued certificate under trust	002			
3. Hypothecated assets	003			
4. Bad debts treated	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Foreign currencies	005			
6. Outstanding shares	006		305.919.366	214.564.987
7. Treasury stock	007			
8. Financial assets listed/registered transactions at Vietnam Securities Depository of the Securities Company	008	A.7.13	463.004.470.000	462.842.000.000
9. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and have not transacted yet	009			
10. Awaiting financial assets of the Company	010			
12. Financial assets which have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository of the Company	012	A.7.14	206.674.730.000	206.674.730.000
13. Financial assets are entitled of the Securities Company	013	A.7.15		10.000
<b>B. ASSETS AND PAYABLES UNDER AGREEMENT WITH CUSTOMERS</b>				
1. Financial assets listed/registered transactions of Investors	021	A.7.16	32.467.423.084.975	29.037.374.040.459
a. Financial assets are traded and freely assignable	021.1		30.915.187.615.975	27.268.783.294.159
b. Financial assets are restrictedly assignable	021.2		111.405.300.000	110.099.600.000
c. Mortgaged and traded financial assets	021.3		1.133.522.100.000	1.034.294.920.000
d. Financial asset are temporarily suspended and isolated	021.4		10.715.400.000	26.129.190.000
e. Financial assets awaiting settlement	021.5		296.592.669.000	598.067.036.300
f. Financial assets awaiting lending	021.6			
2. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted yet of Investor	022	A.7.17	348.008.990.000	270.330.740.000
a. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted, freely transferred yet	022.1		2.662.400.000	4.293.430.000
b. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted yet, limited to transfer	022.2		345.346.590.000	266.037.310.000
c. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted and pledged yet	022.3			
d. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted, blockaded or temporarily held	022.4			
3. Awaiting financial assets of Investors	023	A.7.18	332.380.238.600	544.582.770.000
4. Financial assets correct transaction errors of Investors	024.a			

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
5. Financial assets have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository by Investors	024.b			
6. Financial assets are entitled of Investors	025	A.7.19	56.090.720.000	140.201.130.000
7. Deposits of investors	026		2.775.500.118.801	3.448.263.948.398
7.1. Deposits of investors on securities trading managed by the Securities Company	027	A.7.20	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
7.2. Deposits from securities trading for customers	028			
7.3. Compensatory deposits and settlement of securities trading	029			
a. Compensatory deposits and settlement of securities trading of local Investors	029.1			
b. Compensatory deposits and settlement of securities trading of foreign Investors	029.2			
7.4. Deposit of the issuer of securities	030	A.7.21	1.896.647.800	375.518.950
8. Payable to Investors on deposits of securities trading under the method managed by securities company	031	A.7.28	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
8.1. Payable to local Investors on deposits of securities trading under the method managed by securities company	031.1		2.727.014.848.853	3.400.773.902.339
8.2. Payable to foreign Investors on deposits of securities trading under the method managed by securities company	031.2		46.588.622.148	47.114.527.109
9. Payable to the issuer of securities	032			
10. Receivables of Customers on financial asset trading errors	033			
11. Payables of customers on financial assets trading errors	034			
12. Payable dividends, bond principal and interest	035		1.896.647.800	375.518.950

Ha Noi City, 17th January, 2025

PREPARER



Nguyen Thi Son

CHIEF ACCOUNTANT



Nguyen Thi Thu Huong

DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Nguyen Van Dung

## SEPARATE INCOME STATEMENT

For the year 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
<b>I. OPERATING INCOME</b>				
1.1. Gain from Financial assets at Fair Value through Profit and Loss (FVTPL)	01		245.487.971.843	155.200.027.146
a. Gain from selling financial assets at FVTPL	01.1	B7.32.1	2.517.884.655	2.195.179.792
b. Gain from re-evaluation of financial assets at FVTPL	01.2	B7.32.2	150.503.304.470	31.907.355.060
c. Dividends, interests income from financial assets at FVTPL	01.3	B7.32.3.1	92.466.782.718	121.097.492.294
1.2. Interests from the holding investments to maturity date	02			
1.3. Interests from loans and receivables	03	B7.32.3.3	589.269.375.765	443.223.851.448
1.4. Gain from available for sale (AFS) financial assets	04			
1.5. Gains from hedging derivatives	05			
1.6. Revenue from brokerage services	06		250.438.462.655	297.411.518.497
1.7. Revenue from guarantee, securities issuance agent	07			
1.8. Revenue from securities investment consultancy	08		13.221.047.441	4.072.394.383
1.9. Revenue from custody securities	09		12.561.057.592	11.101.682.372
1.10. Revenue from financial advisory activities	10		36.495.235.764	32.769.403.782
1.11. Revenue from other activities.	11	B7.32.4	275.380.000	387.833.150
<b>Total of operating revenue (20 = 1-&gt;11)</b>	<b>20</b>		<b>1.147.748.531.060</b>	<b>944.166.710.638</b>
<b>II. OPERATING EXPENSE</b>				
2.1. Loss from financial assets at Fair Value through Profit and Loss (FVTPL)	21		910.110.023	2.884.211.665
a. Loss from selling financial assets at FVTPL	21.1	B7.32.1	912.095.500	2.882.849.538
b. Loss from re-evaluation of financial assets at FVTPL (*)	21.2	B7.32.2	(1.985.477)	1.362.127
2.4. Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans	24	B7.34	178.997.567.556	116.135.328.039
2.6. Expenses for business operating	26		416.058.645	107.540.724
2.7. Expenses for brokerage services	27	B7.34	180.559.800.828	174.877.326.740
2.9. Expenses for securities investment consultancy	29	B7.34	12.090.861.932	3.774.996.554
2.10. Expenses for custody securities	30	B7.34	18.007.016.134	16.617.027.466
2.11. Expenses for financial advisory services	31	B7.34	14.583.323.095	14.567.429.345
2.12. Other operating expenses.	32			
<b>Total of operating costs (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>		<b>405.564.738.213</b>	<b>328.963.860.533</b>

## SEPARATE INCOME STATEMENT

For the year 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
<b>III. FINANCE INCOME</b>				
3.1. Realized and unrealized gain from changes in foreign exchange rate	41			
3.2. Revenue, accrual from non-fixed interest and dividend	42	B7.33	8.827.691.678	9.107.268.126
<b>Total of financial operations revenue (50 = 41-&gt;44)</b>	<b>50</b>		<b>8.827.691.678</b>	<b>9.107.268.126</b>
<b>IV. FINANCIAL EXPENSE</b>				
4.1. Realized and unrealized loss from changes in foreign exchange rate	51			
4.2. Interest expense	52			
4.4. Other financial expenses	55			
<b>Total of financial expense (60 = 51-&gt;55)</b>	<b>60</b>			
<b>V. COST OF SALES</b>	<b>61</b>			
<b>VI. ADMINISTRATIVE EXPENSES OF SECURITIES COMPANY</b>	<b>62</b>	<b>B7.35</b>	<b>89.837.818.690</b>	<b>83.577.142.120</b>
<b>VII. OPERATING PROFIT (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>661.173.665.835</b>	<b>540.732.976.104</b>
<b>VIII. OTHER INCOME AND EXPENSE</b>				
8.1. Other income	71	B7.36	58.101.747.592	48.676.023.620
8.2. Other expense	72	B7.37	56.102.146.282	47.464.358.971
<b>Total of other profit (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>1.999.601.310</b>	<b>1.211.664.649</b>
<b>IX. PROFIT BEFORE TAX (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>663.173.267.145</b>	<b>541.944.640.753</b>
9.1. Realized profit	91		512.667.977.198	510.038.647.820
9.2. Unrealized profit	92		150.505.289.947	31.905.992.933
<b>X. CORPORATE INCOME TAX</b>	<b>100</b>		<b>95.855.772.808</b>	<b>97.027.049.804</b>
10.1. Current corporate income tax expense	100.1	B7.38	95.855.772.808	97.027.049.804
10.2. Deferred corporate income tax expense	100.2			
<b>XI. PROFIT AFTER TAX (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>567.317.494.337</b>	<b>444.917.590.949</b>
<b>XII. OTHER COMPREHENSIVE PROFIT (LOSS) AFTER CORPORATE INCOME TAX</b>	<b>300</b>			
12.1. Profit/(Loss) from re-evaluating financial assets ready for sale	301			
12.2. Profit/(Loss) from exchange rate difference for foreign activities	302			
12.3. Profit/(Loss) from re-evaluating fixed assets according to a reasonable value model of the company	303			
12.4. Other comprehensive profit/(loss)	304			
<b>Total of comprehensive income</b>	<b>400</b>			



## SEPARATE INCOME STATEMENT

For the year 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
<b>XIII. NET INCOME ON THE COMMON SHARES</b>	<b>500</b>			
13.1. Basic earnings per share (VND/1 share)	501	B7.39	1.869	2.074
13.2. Diluted earnings per share (VND/1 share)	502		1.869	2.074

Ha Noi City, 17th January, 2025

PREPARER



Nguyen Thi Son

CHIEF ACCOUNTANT



Nguyen Thi Thu Huong

DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Nguyen Van Dung

01  
ÔNG  
Ồ PH  
NG I  
FP

## SEPARATE CASH FLOW STATEMENT

(According to the indirect method)

Year 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
<b>I. Cash flow from operating activities</b>	<b>0</b>			
<b>1. Profit before Corporate Income Tax</b>	<b>01</b>		<b>663.173.267.145</b>	<b>541.944.640.753</b>
<b>2. Adjustments for the items:</b>	<b>02</b>		<b>34.859.019.826</b>	<b>(9.964.711.684)</b>
- Depreciation of fixed assets	03		19.145.813.755	19.920.006.367
- Provisions	04		15.150.000	40.185.000
- Interest expense	06			
- Profit, loss from investment activities	07		(57.407.407)	(33.109.092)
- Accrued interests	08		15.755.463.478	(29.891.793.959)
- Other adjustments	09			
<b>3. Increase non-monetary expenses</b>	<b>10</b>		<b>(1.985.477)</b>	<b>1.362.127</b>
- Loss from re-evaluating of financial assets at FVTPL	11		(1.985.477)	1.362.127
<b>4. Reduce non-monetary revenue</b>	<b>18</b>		<b>(150.503.304.470)</b>	<b>(31.907.355.060)</b>
- Profit from re-evaluating of financial assets at FVTPL	19		(150.503.304.470)	(31.907.355.060)
<b>5. Profits from business operations before changes in working capital</b>	<b>30</b>		<b>(3.505.326.135.568)</b>	<b>(1.243.551.140.320)</b>
- Increase (decrease) in financial assets at FVTPL	31		(414.216.654.670)	(245.819.526.243)
- Increase (decrease) in loans	33		(1.674.066.439.441)	(1.658.505.867.333)
- Increase (decrease) the receivables and accrued dividends, interests of financial assets	36		155.222.403	(109.650.483)
- Increase (decrease) the receivables of services that Securities Company provides	37		597.308.368	(1.404.607.661)
- Increase (decrease) other receivables	39		1.188.339.443	(2.033.770.721)
- Increase (decrease) other assets	40		40.225.599	1.460.028.741
- Increase (decrease) the payable costs (excluding interests)	41		4.982.930.767	485.582.590
- Increase (decrease) the prepaid costs	42		(4.438.232.424)	907.451.764
- Corporate income tax paid	43		(99.881.896.967)	(97.625.047.281)
- Interest expenses paid	44			
- Increase (decrease) the payables	45		529.049.673	(696.904.295)
- Increase (decrease) deductions for employee benefits	46		283.930.182	176.349.588
- Increase (decrease) taxes and contributions to the State (excluding the paid corporate income tax)	47		2.173.905.105	(9.910.886.819)
- Increase (decrease) payable to employees	48		527.056.741	2.365.131.183
- Increase (decrease) other payables	50		(1.300.275.558.889)	796.925.042.822
- Proceeds from business activities	51		251.000.000	15.000.000
- Payments from business activities	52		(23.176.321.458)	(29.779.466.172)
<b>Net cash flow from operating activities</b>	<b>60</b>		<b>(2.957.799.138.544)</b>	<b>(743.477.204.184)</b>

## SEPARATE CASH FLOW STATEMENT

(According to the indirect method)

Year 2024

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
<b>II. Cash flows from investing activities</b>				
1. Payment for purchases or construction of fixed assets, investment properties and other long term assets	61		(6.250.516.484)	(8.713.037.827)
2. Proceeds from liquidation and concession for sale of fixed assets and investment properties and other assets	62		57.407.407	33.109.092
<b>Net cash flow from investing activities</b>	<b>70</b>		<b>(6.193.109.077)</b>	<b>(8.679.928.735)</b>
<b>III. Cash flow from financing activities</b>				
1. Proceeds from the issuance of bonds, or capital contributed by shareholders	71		55.299.500.000	
2. Repayment of capital contributed by Shareholders, redemption of issued shares	72			
3. Borrowing	73		14.160.228.112.821	8.347.279.862.084
3.1. Borrowing from Settlement Assistance Fund	73.1			
3.2. Other borrowing	73.2		14.160.228.112.821	8.347.279.862.084
4. Repayments of borrowings	74		(11.832.396.362.486)	(6.507.178.026.391)
4.1. Repayment principal borrowing to the settlement assistance fund	74.1			
4.2. Repayment of borrowings for financial assets	74.2			
4.3. Other repayments of borrowings	74.3		(11.832.396.362.486)	(6.507.178.026.391)
5. Payments for financial leases debts	75			
6. Dividends paid to shareholders	76		(106.931.808.500)	(97.382.272.500)
<b>Net cash flow from financing activities</b>	<b>80</b>		<b>2.276.199.441.835</b>	<b>1.742.719.563.193</b>
<b>IV. Net decrease in cash during the period</b>	<b>90</b>		<b>(687.792.805.786)</b>	<b>990.562.430.274</b>
<b>V. Cash and cash equivalents at the beginning of the period</b>	<b>101</b>		<b>1.253.357.329.782</b>	<b>262.794.899.508</b>
- Cash	101.1		415.357.329.782	112.794.899.508
- Cash equivalents	101.2		838.000.000.000	150.000.000.000
<b>VI. Cash and cash equivalents at the end of the period</b>	<b>103</b>		<b>565.564.523.996</b>	<b>1.253.357.329.782</b>
- Cash	103.1		155.685.498.972	415.357.329.782
- Cash equivalents	103.2		409.879.025.024	838.000.000.000
- The effect of exchange rate changes in foreign currency	104			

## CASH FLOW FROM BROKERAGE ACTIVITIES, CUSTOMERS' AUTHORIZATION

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
<b>I. Cash flow from brokerage activities, customers' authorization</b>				
1. Proceeds from the sale of brokerage securities to customers	1		146.823.476.127.761	123.060.030.047.960
2. Payment for the purchase of brokerage securities to customers	2		(147.264.955.221.619)	(117.099.281.049.740)
7. Receipt of deposits for payment of customers' securities transactions	7		(218.022.068.369)	(5.027.995.630.398)
11. Payment of customers' securities custody cost	11		(14.783.796.220)	(13.488.906.058)
12. Proceeds from stock trading errors	12			
13. Payment for stock trading errors	13			
14. Proceeds from securities issuers	14		1.671.520.938.337	1.735.081.188.005
15. Payment for securities issuers	15		(1.669.999.809.487)	(1.734.882.219.028)
<b>Increase/decrease net cash in the period</b>	<b>20</b>		<b>(672.763.829.597)</b>	<b>919.463.430.739</b>
<b>II. Cash and cash equivalents at the beginning of the period of customers</b>	<b>30</b>		<b>3.448.263.948.398</b>	<b>2.528.800.517.659</b>
Deposits in bank at the beginning of the period	31			
- Investors' deposits managed by the Company for securities trading activities	32		3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
In which: deposit account				
- Deposits of securities issuers	35		375.518.950	176.549.975
In which: deposit account				
Cash equivalents	36			
The effect of exchange rate changes in foreign currency	37			
<b>III. Cash and cash equivalents at the end of the period of customers (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>2.775.500.118.801</b>	<b>3.448.263.948.398</b>
Deposits in bank at the end of the period:	41			
- Investors' deposits managed by the Company for securities trading activities	42	C7.40	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
In which: deposit account				
- Deposits of securities issuers	45	C7.40	1.896.647.800	375.518.950
In which: deposit account				
Cash equivalents	46			
The effect of exchange rate changes in foreign currency	47			

Ha Noi City, 17th January, 2025

PREPARER



Nguyen Thi Son

CHIEF ACCOUNTANT



Nguyen Thi Thu Huong

DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Nguyen Van Dung

**SEPARATE STATEMENT OF CHANGES IN OWNER'S EQUITY**  
For the year 2024

Currency: VND

Items	Codes	Opening balance		Increase/decrease in the period				Ending balance	
		Previous year	Current year	Previous year		Current year		Previous year	Current year
				Increase	Decrease	Increase	Decrease		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. Changes in owners' equity</b>									
1. Share capital		1.950.682.258.150	2.145.732.618.150	195.050.360.000		913.543.790.000		2.145.732.618.150	3.059.276.408.150
1.1. Common shares with the voting rights (*)		1.950.599.510.000	2.145.649.870.000	195.050.360.000		913.543.790.000		2.145.649.870.000	3.059.193.660.000
1.2. Preferred shares									
1.3. Share premium		82.748.150	82.748.150					82.748.150	82.748.150
1.4. Bond swap option - capital contribution									
1.5. Other capital of Investor									
1.6. Treasury stocks									
2. Reserve fund of charter capital									
3. Financial reserve fund and operational risk									
4. Difference from revaluation of financial assets at fair value.									
5. The exchange rate differences									
6. Other Funds belonging to owners' capital									
7. Undistributed profit		1.397.347.485.073	1.498.203.140.705	513.185.990.079	412.330.334.447	576.884.281.028	1.016.394.729.992	1.498.203.140.705	1.058.692.691.741
7.1. Realized profit after tax (**)		1.094.260.034.139	1.163.209.696.838	413.011.598.016	344.061.935.317	416.812.204.390	1.006.827.943.301	1.163.209.696.838	573.193.957.927
7.2. Unrealized profit		303.087.450.934	334.993.443.867	100.174.392.063	68.268.399.130	160.072.076.638	9.566.786.691	334.993.443.867	485.498.733.814
<b>Total</b>		<b>3.348.029.743.223</b>	<b>3.643.935.758.855</b>	<b>708.236.350.079</b>	<b>412.330.334.447</b>	<b>1.490.428.071.028</b>	<b>1.016.394.729.992</b>	<b>3.643.935.758.855</b>	<b>4.117.969.099.891</b>
<b>II. Other comprehensive income</b>									
<b>Total</b>									

17

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY  
No. 52, Lac Long Quan Street, Buoi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**SEPARATE STATEMENT OF CHANGES IN OWNER'S EQUITY**  
For the year 2024

Note

(\*): Increasing of common shares with the voting rights includes:

- Issuance of shares to increase capital from owner's equity
- Issuance of shares under the employee option program

(Number of shares: 85.824.429) VND  
(Number of shares: 5.529.950) VND  
**913.543.790.000**

(\*\*) Decrease of undistributed realized profit after tax includes:

- Appropriation for bonus and welfare fund according to the Resolution and Minutes of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders

(Number of shares: 85.824.429) VND  
(Number of shares: 5.529.950) VND  
**1.006.827.943.301**

- Paying dividends for the year 2023 to shareholders in cash
- Issuance of shares to increase capital from owner's equity

PREPARER



Nguyen Thi Son

CHIEF ACCOUNTANT



Nguyen Thi Thu Huong



## NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENT

For the year ended 31/12/2024

### 1. Corporate information

#### 1.1. License for establishment and operation:

FPT Securities Joint Stock Company was established under the Business Registration Certificate No. 59/UBCK- GP dated 13th July, 2007; Adjusted Business Registration Certificate No.90/UBCK-GPDCCTCK dated 04th December, 2007; Adjusted Business Registration Certificate No.127/UBCK-GP dated 09th May, 2008; Adjusted Business Registration Certificate No.26/UBCK-GP dated 13th April, 2011; Adjusted Business Registration Certificate No.94/GPDC-UBCK dated 18th June, 2012; Adjusted Business Registration Certificate No.31/GPDC-UBCK dated 23rd June, 2015; Adjusted Business Registration No.16/GPDC-UBCK dated 8th June, 2016; Adjusted Business Registration Certificate No.01/GPDC-UBCK dated 6th January, 2017; Adjusted Business Registration Certificate No.21/GPDC-UBCK dated 6th June, 2017; Adjusted Business Registration Certificate No.41/GPDC-UBCK dated 8th June, 2018; Adjusted Business Registration Certificate No.34/GPDC-UBCK dated 5th June, 2019; Adjusted Business Registration Certificate No.38/GPDC-UBCK dated 8th July, 2020; Adjusted Business Registration Certificate No.36/GPDC-UBCK dated 2nd June 2021; Adjusted Business Registration Certificate No.69/GPDC-UBCK date 16th August 2021; Adjusted Business Registration Certificate No.72/GPDC-UBCK dated 30th August 2021; Adjusted Business Registration Certificate No.90/GPDC-UBCK dated 26<sup>th</sup> September 2022; Adjusted Business Registration Certificate No.50/GPDC-UBCK dated 20th June 2023; Adjusted Business Registration Certificate No.47/GPDC-UBCK dated 25th June 2024 issued by State Security Commission of Vietnam. The Company operates under the Joint Stock Company Business Registration Certificate, first registered on 13th July 2007, registered for the fourth change on 09<sup>th</sup> August 2024 by Hanoi Authority For Planning and Investment.

#### 1.2. Contact address of the Company:

No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City.

1.3. *Operation and organization terms of the Company:* issued on 07/2007 and amending according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders dated 28/03/2024 and Decision No. 07-2024/QĐ/HDQT/FPTS dated 26/06/2024.

#### 1.4. Main features of the operation of the Company:

- Capital scale of the Company:

Charter capital of the Company at the date of prepared financial statements is 3.059.193.660.000.00 VND (Three thousand fifty-nine billion one hundred ninety-three million six hundred and sixty thousand dong).

- Investment restriction: the Company complies with regulations on investment restriction according to Circular No.121/2020/TT-BTC dated 30/12/2020 on establishment of the securities company.

- Structure of the Company:

. List of subsidiaries: none

. List of joint ventures, associated companies: none

. The subordinate units without the dependent legal entity status: none

- List of branches:

Ho Chi Minh City Branch: 3rd Floor, 136 Building – 138 Le Thi Hong Gam, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Da Nang Branch: No.100 Quang Trung Street, Thach Thang Ward, Da Nang City, Vietnam.

1.5. *The total number of employees of the Company as of 31/12/2024 is: 458 people.*

### 2. Accounting period, currency used in accounting:

#### 2.1. Accounting period:

a. Annual fiscal year of the Company begins from 01/01 and ends on 31/12.

b. The first fiscal year begins on July 13, 2007 with the issuance of the Certificate of Establishment of a Securities Company and ends on December 31, 2007.

#### 2.2. Currency used in accounting: Vietnam dong.

#### 3. Applied Accounting Standards and Regimes:

3.1. **Applied Accounting Regimes:** Accounting Regimes of the Securities Company shall be issued according to Circular No.210/2014/TT-BTC dated 30/12/2014 of Ministry of Finance, Circular No.334/2016/TT-BTC dated 27/12/2016 of Ministry of Finance on modifying, replacing and supplementing the Appendix 02 and 04 of Circular No.210/2014/TT-BTC.

3.2. **Declaration of compliance with Accounting standards and regimes:** Carry out accounting the Securities Company on the basic of compliance with the related Vietnamese accounting standards and regimes of the Securities Company according to Circular No.210/2014/TT-BTC dated 30/12/2014 of Ministry of Finance, Circular No.334/2016/TT-BTC dated 27/12/2016 of Ministry of Finance on modifying, replacing and supplementing the Appendix 02 and 04 of Circular No.210/2014/TT-BTC, the current Vietnamese corporate accounting regimes and related legal regulations.

3.3. **Applied accounting form:** Common diary.

#### 4. Applied accounting policies

##### 4.1. Principles of recording cashes or equivalent cashes

###### 4.1.1. Recognition of capital in cash:

Cash and cash equivalents include the entire of existing amount of the Company (cash on hand, cash at bank), short-term investments with the withdrawal and maturity date within 3 months can convert easily into a certain amount and there is no risk in translating into money from the date of purchase the investment at the time of statement.

Investors' deposits on securities trading, clearing and settlement of securities trading, and cash deposited by securities issuers are presented on the off-balance sheet.

###### 4.1.2. The method of translating other currencies into the currency used in accounting:

To comply with current regulations on recognizing, evaluating and dealing with the exchange rate difference in the translation of other currencies into the currency used in accounting.

##### 4.2. Accounting principles and methods of financial assets are recognized through the profit or loss and the holding investments to the maturity date, loans and receivables, financial assets available for sale, financial liabilities:

4.2.1. *Principles of classification of financial assets and financial liabilities under the investment portfolio of the Company (in compliance with accounting standards and regimes and current regulations on Securities law):*

###### 4.2.1.1 Principles of classification of financial assets: (FVTPL, HTM, Loans, AFS)

The classification of financial assets shall be implemented according to Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016/TT-BTC.

4.2.1.2 *Principles of classification of financial liabilities (Debts, debts of financial assets, convertible bonds, bonds issued, tax liabilities of financial assets, payables to seller, and liabilities arising in securities trading activities)*

Comply with Accounting Standards and Regimes of the Securities Company according to Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016/TT-BTC.

4.2.2. *Recognition principles and accounting method recognizes the value of revaluation of investments according to market price or reasonable price (in case there is no market price) (comply with current regulations of Securities law) or original price:*

Accounting Law No.88/2015/QH13 takes effect from 01/01/2017, accordingly the Law issued regulations on applying the reasonable price principles for assets and liabilities that their values frequently fluctuate under the market price and can determine reliably.

4.2.2.1. Financial assets at fair value through profit/loss FVTPL are recognized initially under the original price (purchase price excludes the direct arising expenses from buying these financial assets). Purchase expenses (brokerage fee, transaction fee, etc.) will be recognized in transaction expenses from buying the financial assets of the separate income statement immediately after arising.

At the end of accounting period, FVTPL financial assets will be re-evaluated according to the market price or reasonable value. Differences increase or decreases from re-evaluating will be recognized in the Separate income statement at item "Difference increases due to revaluation of Financial assets through Profit/Loss " and item "Difference decreases due to revaluation of Financial assets at FVTPL"

4.2.2.2. Financial assets held to maturity HTM: will be determined the original value under the value of adding the direct arising costs from buying or arising these financial assets. After the initial recognition, financial assets HTM will be determined according to the expense of allocation by using the real interest method and will be considered the ability of impairment at the date of preparing the financial statement. The evaluation of impairment ability at the end of accounting period will be recognized in the separate income statement at item "Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans".

4.2.2.3. Loans: are determined the initial value under the original price. After the initial recognition, value of loans will be determined under the allocation value by using the real interest method and will be considered the ability of impairment at the date of preparing the financial statement. Provision of impairment of loans will be recognized in the separate income statement at item "Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans".

4.2.2.4. Financial assets available for sale AFS: will be determined the original value under the purchase price plus the direct arising costs from buying these financial assets. At the end of accounting period, AFS financial assets will be re-evaluated according to the market price or reasonable value. All profits or losses arise from re-evaluating the financial assets available for sale according to the market price and reasonable value will be recognized in the equity (Other separate performance results) at item "Profit/(Loss) from re-evaluating the financial assets available for sale".

4.2.3. *Clearing principles of the financial assets and liabilities*

4.2.4. *Principles for stopping recognizing the financial assets and liabilities*

Financial assets shall be stopped recognizing when the rights to receive cash flow from financial assets is invalid or when transferring financial assets together with the risks and benefits from that asset ownership rights to other units. Financial liabilities shall stop recognizing when unit's obligations were exempted, canceled or expired.

4.2.5. *Principles of recognition and presentation of provisions for impairment of financial assets*

At the date of making the financial statement, the company will mark the signs related to an asset impairment or a group of investments to make provision according to regulations at Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016 /TT-BTC.

For loans and margin transaction, the Company will make provisions for loans and margin transaction with the collateral value smaller than the principal.

Specific provision = (Balances of loans - Collateral assets value) x 100%.

The collateral assets value = The amount of securities securing the loans x Market price of the stock at the time of provision.

In which: Market price of the stock is presented at clause 4.2.6.

4.2.6. *Fair value of the financial assets and liabilities*

Fair value/market value of financial assets will be determined in accordance with regulations as follow:

- For securities listed at Stock Exchange, actual stock price on the market is the closing price at the nearest trading day counting to the securities valuation date.
- For securities registered for trading (stock registered for trading at UPCOM), actual stock price on the market is the closing price at the nearest trading day counting to the securities valuation date.
- For listed securities canceled, suspended, ceased transaction from the 6th transaction day onwards, the actual stock price is book value at the balance sheet date.
- The market value of securities for provisioning purposes (if any) is determined according to the provisions of Circular 48/2019/TT/BTC.

4.2.7. *Accounting principles of recognition of the mortgage investments: None*

4.2.8. *Recognition and presentation principles about situation of Provision for bad receivables for investments of the Company with arising of dividends and interests.*

The Company carries out the assessment of irrevocable loss and the level of risk to make a provision according to regulations. The provision for doubtful debts shall be made in accordance with the instructions presented at Point 4.10.3.

4.2.9. *Accounting principles for recognition of the mortgage investments (Accounts are not presented in the Financial Statement): None*

4.3. *Recognition principles of investment real estate: None*

4.4. *Recognition principles of the Tangible fixed assets and Intangible fixed assets:*

Fixed assets (Tangible fixed assets and Intangible fixed assets) are stated at cost minus accumulated depreciation. The cost of fixed assets comprises its purchase price and expenses that directly related to putting assets into use as schedules.

Expenses for procurement, upgrading and renovation of fixed assets are recorded in the cost of the assets. Maintenance and repair costs are accounted in fixed asset repair costs.

When fixed assets are sold or liquidated, gain or loss arising due to assets liquidation (are difference parts between the net proceeds from selling assets and the rest value of assets) is included in the separate income statement.

4.5. *Depreciation and amortization:*

Depreciation and amortization of the Tangible fixed assets and Intangible fixed assets are calculated on a straight method of depreciation according to Circular No.45/2013/TT-BTC dated 25/04/2013 and Circular No.147/2016/TT-BTC dated 13/10/2016 on modifying and supplementing the Circular No.45/2013/TT-BTC dated 25/04/2013 of Ministry of Finance as follow:

- Housing, architecture works: 6-25 years
- Office machineries: 3 years
- Means of transportation: 6 years
- Office equipment: 3-7 years
- Software: 3-5 years
- Land use rights:
  - + Long term land use rights: not amortized
  - + Land use right leased for a definite term: deduction according to the allowed time to use the land.
- Intangible fixed assets: 2-3 years.

4.6. *Recognition and presentation principles about impairment of non-monetary assets: None*



**4.7. Recognition principles of the fixed assets for financial lease: None**

**4.8. Recognition principles of the long-term financial investments (Subsidiaries, joint ventures, associated companies): None.**

**4.9. Recognition and presentation principles of long-term and short-terms deposits.**

Detailed monitoring of collateral deposits of each customer according to period and original currency. The rest receivables of collateral deposits within 12 months will show as short-term liabilities, over 12 months will show as long-term liabilities.

**4.10. Accounting principles and methods of the long-term and short-term receivables:**

**4.10.1. Accounting principles and methods of receivable from financial assets:**

Be accounted in detailed for each object, recorded according to each transaction and payment time.

**4.10.2. Accounting principles and methods of other receivables:**

Be accounted in detailed for each object and content, monitor the recovery period (over or within 12 months from the time of report) and record each payment time.

**4.10.3. Accounting principles and methods of provision for bad receivables:**

According to regulations: at Circular No.200/2014/TT-BTC, the Company will make provisions of bad receivables when:

- Receivable is out of date as stated in the Economic contract, loan agreements, contractual commitments or debt commitment, the Company has required for many times but has not collected yet. Overdue receivable is based on the payment time of principle contract and the provisions has been made under the initial purchase contract, not taking into account of debt extension between Parties;
- Receivable has not been due date yet but debtors go into bankrupt or are doing procedures for dissolving, missing, escaping.

Level of establishing provision for overdue receivable in accordance with instructions of Circular No.48/2019/TT-BTC issued by Ministry of Finance on 08/08/2019 as follow:

Overdue time	Premium rate
From over six (6) months to less than one (1) year	30%
From one (1) year to less than two (2) years	50%
From two (2) years to less than three (3) years	70%
From three (3) years and above	100%

**- Financial clearance of irrecoverable receivables:**

The actual loss of each uncollectible receivables is the difference between the receivables recorded in the accounting books and the amount recovered (compensated by the person causing the damage, due to the sale of the subject's property of the debtor, due to the division of property according to a court's decisions or other competent authority).

The actual loss value of the irrecoverable receivables, the Company uses the provision for bad receivables (if any) to clear, the shortfall difference is accounted into the Company's expenses.

**4.11. Accounting principles and methods of the long-term and short-term liabilities.**

Liabilities are tracked in details according to repayment period, objects, original currency. When making financial statement, accountant will base on term of the rest receivables to classify as long-term or short-term liabilities.

**4.12. Accounting principles and methods for recognition of owners' equity of the Company:**

**4.12.1. Recognition principles of the owners' capital investment**

Owners' capital investment is capital contribution according to Statute of the Company that members and shareholders of the Company have contributed as schedule, plan passed by the Annual General Meeting and the mobilized capital of the next time in accordance with the Statute of the Company.

**4.12.2. Recognition principles of the profits of the Company:**

**a. Recognition principles of the realized profit:**

Realized profit during the period is the net difference between the total revenue, income and the total expenses that calculated on the Separate Income statement of the Company.

**b. Recognition principles of the unrealized profit**

Unrealized profit of the period is the difference between the total value of the profit and loss after re-evaluation of Fair Value through Profit and Loss or other Financial Assets calculated in the profit and loss statement of the Separate Income Statement under the list of financial assets accumulating and arising in the period.

**4.12.3. Recognition principles of the exchange rate difference: Comply with the current regulations of Ministry of Finance on recording, evaluating, handling the exchange rate difference.**

**a. The exchange rate difference implemented in the period:**

Is the difference arising from the actual exchange or translation of the same amount of foreign currency into the currency unit used in accounting book at the time of arising transaction in foreign currency.

**b. The exchange rate difference re-evaluated at the end of the period:**

Is the difference arising from re-evaluation the currency items that translated from foreign currency into currency unit used in accounting book at the end of the accounting period.

**4.12.4. Principles of distributing profits of the Company: (for shareholders and members who contributed capital, funds of the Securities Company).**

Profits after corporate income tax will be taken according to Resolution of the Annual General Meeting, Statute of the Company and the current legal regulations.

**4.13. Accounting principles and methods for recognition of revenue:**

Revenue is recognized at the time of the transaction occurred, when it is probable that the economic benefits will flow to the Company, regardless of whether the money is collected or not.

Revenue from trading of securities, providing services are recorded according to regulations of Revenue standards and Relevant financial tool standards and guidelines in Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016/TT-BTC.

- Revenue from financial assets at FVTPL is determined based on the difference between the selling price and the average cost of the stock.

**- Dividends, interests from financial assets:**

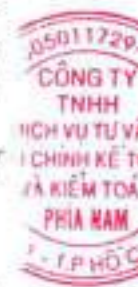
Revenue from dividend will be recognized when the receiving rights of dividend are determined. For bonus shares, the Company only records the entitled shares, do not record an increase revenue from dividend.

Revenue from the sale of financial assets is recognized on the basis of accrued interest by time and the actual interest rates of each accounting period.

- Interests from loans: is the interest from Investors, using service of margin trading, advance transaction of the company in the period.



01  
 ÔN  
 Đ P  
 NG  
 7 F  
 09



C  
 TY  
 AN  
 KHOA  
 T  
 P H

- Revenue from brokerage services: is recognized in the separate income statement. There are brokerage fee that Investors must pay to the Company when trading securities is implemented by Investors' order and other fees from brokerage services under securities law.

- Revenue from consulting activities: including the securities investment consulting and business management consulting, financial consulting and improving enterprise (consulting for listing, issuing and improving enterprise ...). Revenue from consulting activities is recognized in the separate income statement according to the completion rate of the transaction at the date of making financial statement. The completion rate is evaluated on the basis of the completed tasks.

- Custody revenue: is fee collected from customers when using services on custody services provided by the company such as: register, custody, transfer, transfer the securities ownership rights ... and they must be completed.

#### 4.14. Recognition principles of the financial income, financial expense:

Comply with accounting standards and regimes of the Securities Company according to Circular No.210/2014TT-BTC, Circular No.334/2016/TT-BTC and current regulations of securities law.

#### 4.15. Recognition principles of the administrative expenses of the Company

The arisen actual costs and expenses with plan to spend (if any) directly related to management activities in the period in accordance with regulations of current law.

#### 4.16. Recognition principles of other incomes and expenses:

##### a. Recording other income:

Other incomes from irregular activities other than business and investment activities of the Company arising in the period.

##### b. Recognition of other expenses:

Other expenses from irregular activities other than expenses for business and investment activities of the company arising in the period.

#### 4.17. Principles and methods for recognizing of the current corporate income tax expenses:

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

#### 4.18. Other accounting principles and policies:

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

#### 4.19. Recognition, management and presentation principles of the Financial Statement on customers' assets and liabilities.

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

#### 4.20. Report to departments

The Company will track the business operation revenue according to each securities business operation (Securities brokerage activities; securities investment activities, capital contribution; securities custody activities; consulting activities; etc.), financial activities.

The Company will manage expenses according to each business operation and cost item.

For assets, the Company will not classify into each of business field, the Company will manage mainly at Head Quarter – Hanoi.

For liabilities, the Company is responsible for paying and managing the common risks.

### 5. Financial risk management for the Company

#### 5.1. General description of qualitative and quantitative financial risks for the Company

The Company has developed a risk management system to identify and evaluate the risks that can be happened and establish risk management policies and procedures at acceptable levels. The risk management system will be inspected periodically to reflect changes in market conditions and activities of the Company.

#### 5.2. Credit risk

Credit risk occurs when a customer or partner fails to meet contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The granting of credit and large capital support to a related customer may result in failure to recover sufficient loan, interest or solvency of FPTs when that customer encounters a solvency problem. Therefore, FPTs has issued a supply limit and maximum capital support for a customer to ensure the safety for FPTs based on continuous updating of customers' financial capability and collateral assets.

Shares risk: When shares are collateral assets for loans that they reduce price too fast, even lose value or are not enough liquidity, FPTs may not sell shares to recover loans and interest. Thus, shares are used as collateral assets according to regulation on margin trading of Stock Exchange Departments.

#### 5.3. Liquidity risk

The purpose of liquidity risk management is to ensure sufficient funds to meet current and future financial obligations. Liquidity is also managed by the company to ensure that the excess between indebtedness and assets in maturity in the period at level that can be controlled for the amount of capital the company believes may be created during the period.

The company's policy is to regularly monitor the current and expected liquidity requirements in the future to ensure that the company maintains adequate cash provisions to meet short-term liquidity requirements or longer term.

#### 5.4. Market risk

The company's business activities will be mainly borne risks when there are changes in interest rates, securities prices and market liquidity.

##### Interest rate risk management

The Company bears interest rate risk because the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate according to market interest rate changes when the company generates deposits with or without term deposits, loans and margin trading. To minimize interest rate risk, through situation analysis and forecasting. The Company has selected the appropriate maturities and times in the period to make reasonable decisions regarding the maintenance of margin deposits, margin and margin interest rates in order to obtain appropriate interest rates and can compete in the market.

##### Stock price risk management and market liquidity

Securities held by the company are affected by market risks arising from the uncertainty of the future value of the investment shares. The company manages stock price risk by setting investment limits, choosing investment portfolio, decentralize authority to review and approve investment decisions, etc. Due to the low value of securities held by the company, mainly from the purchase of small securities, the company assessed the price risk as well as the market liquidity of trading securities is negligible.

The company is also exposed to the risk of stock prices and market liquidity for margin loans of Investors. When shares are the collateral assets for continuous discounted loans, it can lead to the inability to collect enough money and interest of FPTs if capital is retarded. If the market is not enough liquidity and the stock code is not enough liquidity, FPTs may not be possible to sell securities to recover loans and interest. Therefore, FPTs has developed a separate risk management policy for margin trading, determine the lending rate on the collateral asset value appropriately. In addition, FPTs has built management software, set the level of alert, process automatically in the margin trading to help FPTs manage and sell shares, it is collateral assets as soon as the price falls to a certain level to ensure the safety of FPTs.

#### 6. Policies on the valuation of financial assets in the list of financial assets of the Company

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

## NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENT

As at 31 December 2024

### 7. Additional information for the financial statements

#### A. Notes to the financial statements

Currency: VND

##### A.7.1. Cash and cash equivalents

	Ending balance	Opening balance
- Cash on hand	120.717.139	125.693.709
- Deposit at bank for activities of securities company	155.564.781.833	415.231.636.073
- Cash equivalents (*)	409.879.025.024	838.000.000.000
<b>Total</b>	<b>565.564.523.996</b>	<b>1.253.357.329.782</b>

Note (\*): All cash equivalents are deposits with a term of less than 3 months as of December 31, 2024 that are currently used as collateral for loans at the Bank.

##### A.7.2. Value of the traded volume in the period

ITEMS	The traded volume in the year 2024	Value of the traded volume in the year 2024
<b>a) The Securities Company</b>		
- Shares	18.738	349.808.950
- Bonds	77.320.000	9.242.394.610.000
- Treasury securities		
- Other securities	16.600	199.543.000
<b>Total</b>	<b>77.355.338</b>	<b>9.242.943.961.950</b>
<b>b) Investors</b>		
- Shares	12.681.240.892	293.893.759.914.320
- Bonds	377.671	41.702.206.420
- Other securities	859.600.290	836.050.882.940
<b>Total</b>	<b>13.541.218.853</b>	<b>294.771.513.003.680</b>

##### A.7.3. Types of financial assets

##### 7.3.1 Financial assets at Fair Value Through Profit and Loss (FVTPL):

FVTPL assets	Ending balance		Opening balance	
	Cost	Reasonable cost	Cost	Reasonable cost
Listed shares, registered for trading	14.571.814.929	500.070.548.743	14.376.456.824	349.369.900.691
Unlisted shares	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904
Listed bonds	559.940.500.000	559.940.500.000	474.157.500.000	474.157.500.000
Unlisted bonds (*)	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Fixed term deposits, certificate of deposit (**)	732.000.000.000	732.000.000.000	403.761.703.435	403.761.703.435
<b>Total</b>	<b>1.428.536.390.833</b>	<b>1.914.035.124.647</b>	<b>1.014.319.736.163</b>	<b>1.349.313.180.030</b>

Note:

(\*): Unlisted bonds with a value of 120 billion as of December 31, 2024 are used as collateral for loans at the Bank.

(\*\*): In which, the fixed term deposit worth 722 billion as of December 31, 2024 is used as collateral for the loan at the Bank.

## NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENT

As at 31 December 2024

### 7.3.2 Loans and receivables

Loans and receivables	Ending balance		Opening balance	
	Cost	Reasonable cost	Cost	Reasonable cost
<b>Total loans</b>	<b>7.068.146.259.945</b>	<b>7.057.260.643.769</b>	<b>5.394.079.820.504</b>	<b>5.383.194.204.328</b>
In with				
Margin transactions	6.650.578.286.459	6.639.692.670.283	4.480.989.985.789	4.470.104.369.613
Advance transactions	417.567.973.486	417.567.973.486	912.872.796.723	912.872.796.723

Fair value of loans will be determined by book value of loan less provision for impairment of loans.



A.7.3.3 Changes in investments according to group due to re-valuation at market or book value (for investments without market value) at the end of the period:  
Table of fluctuation of market value or the value of four types of financial assets belong to the list of financial assets of Securities Company.

No	Types of financial assets	Ending balance				Opening balance				Re-valuation value	
		Purchase price	Market price or fair value in this period	Difference is evaluated in this period		Market price or fair value in previous period	Difference is evaluated in previous period		Re-valuation value		
				Difference increases	Difference decreases		Difference increases	Difference decreases			
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	FVTPL										
I	Shares	16.595.890.833	502.094.624.647	485.503.022.069	4.288.255	502.094.624.647	16.400.532.728	351.393.976.595	334.999.717.599	6.273.732	351.393.976.595
1.1	Listed shares, registered for trading	14.571.814.929	500.070.548.743	485.503.022.069	4.288.255	500.070.548.743	14.376.456.824	349.369.900.691	334.999.717.599	6.273.732	349.369.900.691
	MSH - Song Hong Garment JSC	13.454.983.050	498.787.640.000	485.332.656.950		498.787.640.000	13.454.983.050	348.192.141.000	334.737.157.950		348.192.141.000
	Other listed shares	1.116.831.879	1.282.908.743	170.365.119	4.288.255	1.282.908.743	921.473.774	1.177.759.691	262.559.649	6.273.732	1.177.759.691
1.2	Unlisted shares	2.024.075.904	2.024.075.904			2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904			2.024.075.904
	CIC8 - No. 8 Investment and Construction JSC	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000
	Other unlisted shares	24.075.904	24.075.904			24.075.904	24.075.904	24.075.904			24.075.904
2	Listed Bonds	559.940.500.000	559.940.500.000			559.940.500.000	474.157.500.000	474.157.500.000			474.157.500.000
	Government bonds	559.940.500.000	559.940.500.000			559.940.500.000	474.157.500.000	474.157.500.000			474.157.500.000
3	Bonds	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000
	Vietinbank Bond	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000
4	Deposits with fixed term, Certificate of Deposit	732.000.000.000	732.000.000.000			732.000.000.000	403.761.703.435	403.761.703.435			403.761.703.435
II	AFS										
	Total	1.428.536.390.833	1.914.035.124.647	485.503.022.069	4.288.255	1.914.035.124.647	1.014.319.736.163	1.349.313.180.030	334.999.717.599	6.273.732	1.349.313.180.030

Market value of shares listed, registered for trading will be determined according to closing price at 31/12/2024 on Stock Exchange. The market price of unlisted shares is based on book value at 31/12/2024 because there is not enough reliable information on the market.



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No. 52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

A.7.4. Provision for impairment of financial assets and collateral assets	Ending balance	Opening balance
Provision for impairment of financial assets	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
Provision for impairment - Margin transactions		
<b>Total</b>	<b>(10.885.616.176)</b>	<b>(10.885.616.176)</b>

A.7.5. Receivables	Ending balance	Opening balance
A.7.5.1. Receivables, accrued dividends and interest from investments		
Interest receivable on the date of receipt (Receivable from advance transactions)	72.835.969	228.058.372
Accrual from margin trading fees and term deposit interest	32.291.109.105	48.046.572.583
<b>Total</b>	<b>32.363.945.074</b>	<b>48.274.630.955</b>

A.7.5.2. Receivable from services that the Company provides	2.257.938.624	2.855.246.992
7.5.2.1. Receivable of securities brokerage fee through Stock exchange	424.805.721	1.260.663.500
7.5.2.2. Receivable of securities brokerage fee not via Stock exchange		40.791.025
7.5.2.3. Receivable from securities investment consultancy activities		50.000.000
7.5.2.4. Receivable from other consultancy activities	1.544.050.000	1.501.450.000
7.5.2.5. Receivable from custody	10.185.672	
7.5.2.6. Receivable from other services	278.897.231	2.342.467

A. 7.5.3. Receivable from securities transaction errors	1.060.292.143	1.706.672.284
A. 7.5.4. Other receivables		

A. 7.6. Provision for bad receivables  
The Securities Company must note in detail of bad receivable that must make provision (details under type, group, object of bad receivable)

No.	Type of bad receivable must make provision	Value of bad receivable	Ref.	Ending balance			Opening balance
				Opening balance	Taking number in the period	Revert number in the period	
1	Provision for bad receivable from the sale of financial assets						
2	Provision for bad receivable and accrued dividends, interest due date till the due date						
3	Provision for doubtful receivables of maturity investments						
4	Provision for doubtful receivables	218.750.000		158.325.000	21.750.000	6.600.000	173.475.000
	Lisemco JSC	71.500.000		71.500.000			71.500.000
	Phu Thanh Garment JSC	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	EDX Group JSC	16.500.000		16.500.000			16.500.000
	Thong Quang Ninh JSC	7.700.000		7.700.000			7.700.000
	Ha Tay Commercial JSC	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	APAX English JSC	32.850.000		16.425.000	6.570.000		22.995.000
	Dong A Hotel Group	13.200.000		6.600.000	2.640.000		9.240.000
	Construction and Industrial Production JSC	13.200.000		6.600.000	7.040.000		13.640.000
	LICOGI Corporation	26.400.000		6.600.000		6.600.000	6.600.000
	Bao Thu Industrial Investment and Development JSC	11.000.000			5.500.000		5.500.000
<b>Total</b>		<b>218.750.000</b>		<b>158.325.000</b>	<b>21.750.000</b>	<b>6.600.000</b>	<b>173.475.000</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**A.7.7. Inventories**

- Office supplies
<b>Total</b>

Ending balance	Opening balance
1.334.990.049	1.375.215.648
<b>1.334.990.049</b>	<b>1.375.215.648</b>

**A.7.8. Prepaid expenses**

a. Short-term prepaid expenses:

(including: Transmission costs, member management and connection between two departments, warranty and maintenance of equipment software,...)

b. Long-term prepaid expenses:

(including: Transmission costs, Token software, repair of office, etc...)

**Total**

Ending balance	Opening balance
3.143.226.089	2.171.336.167
5.525.991.266	2.059.648.764
<b>8.669.217.355</b>	<b>4.230.984.931</b>

**A.7.9. Payment to Settlement Assistance Fund**

- Original payment
- Additional payment
- Interest distributed throughout the year
<b>Total</b>

Ending balance	Opening balance
10.120.000.000	10.120.000.000
14.482.731.824	14.482.731.824
5.452.595.423	5.432.417.965
<b>30.055.327.247</b>	<b>30.035.149.789</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**A.7.10. Increase and decrease the tangible fixed assets:**

Items	House and architectural works	Means of transport	Machinery and tools	Equipment and management tools	Total
<b>Cost of tangible fixed assets</b>					
<b>Opening balance</b>	<b>168.659.560.363</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>85.553.484.066</b>	<b>258.195.310.629</b>
- Purchase in the period				4.216.221.284	4.216.221.284
- Completed construction investment					
- Other increase					
- Move to investment real estate				237.233.900	237.233.900
- Liquidation, sale					
- Other decreases					
<b>Ending balance Accumulated</b>	<b>168.659.560.363</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>89.532.471.450</b>	<b>262.174.298.013</b>
<b>Opening balance</b>	<b>49.171.830.063</b>	<b>1.624.612.156</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>67.919.566.717</b>	<b>121.039.008.936</b>
- Depreciation in the period	6.749.440.545	34.654.044		12.223.043.495	19.007.138.084
- Other increases					
- Move to investment real estate				237.233.900	237.233.900
- Liquidation, sale					
- Other decreases					
<b>Ending balance Remaining value of tangible fixed assets</b>	<b>55.921.270.608</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>79.905.376.312</b>	<b>139.808.913.120</b>
- At the begin of the period	119.487.730.300	34.654.044		17.633.917.349	137.156.301.693
- At the end of the period	112.738.289.755			9.627.095.138	122.365.384.893
<b>Evaluation under fair value</b>					

Costs of tangible fixed assets at the end of period has fully depreciated but still in use: 59.783.205.206 VND.

A.7.11. Increase and decrease the intangible fixed assets

Items	Land use rights (*)	Copyright, patents	Software program	Other intangible fixed assets	Total
<b>Cost of intangible fixed assets</b>					
<b>Opening balance</b>	19.257.558.796	7.217.666.013	16.035.848.529	367.576.900	42.878.650.238
- Purchase in the period			2.034.295.200		2.034.295.200
- Completed investment in capital construction					
- Creation from internal Company					
- Increase due to business consolidation					
- Other increases					
- Liquidation, sale					
- Other decreases					
<b>Ending balance</b>	19.257.558.796	7.217.666.013	18.070.143.729	367.576.900	44.912.945.438
<b>Accumulated depreciation value</b>					
<b>Opening balance</b>	921.843.483	7.217.666.013	16.035.848.529	367.576.900	24.542.934.925
- Depreciation in the period	131.991.240		6.684.431		138.675.671
- Other increases					
- Liquidation, sale					
- Other decreases					
<b>Ending balance</b>	1.053.834.723	7.217.666.013	16.042.532.960	367.576.900	24.681.610.596
<b>Remaining value of tangible fixed assets</b>					
- At the begin of the period	18.335.715.313				18.335.715.313
- At the end of the period	18.203.724.073		2.027.610.769		20.231.334.842
<b>Evaluation under fair</b>					

Costs of intangible fixed assets at the end of period has fully depreciated but still in use: 23.621.091.442 VND.

Note (\*): Land use right includes:

- Land use right value of FPT house in Da Nang – 100 Quang Trung, Da Nang City (area 144m2 according to purchase and sale contract of housing ownership rights and transfer land use rights dated 11/06/2013. This land use right value is recognized according payment personal income tax notice No.: 1745/TB-TNCN of Tax Department of Da Nang City for seller dated 09/08/2013). 8.800.000.000
- Land use right value of FPT house in Ho Chi Minh City – 3rd Floor, 136 Building, 138 Le This Hong Gam, Nguyen Thai Bind Ward, District 1, Ho Chi Minh City (with area: common use: 944 m2, and area of 3rd floor for private use of 620,7 m2 according to purchase and sale contract No.: 66/HD-BTL dated 17/12/2013 between Ben Thanh Land and FPT Securities Joint Stock Company). 4.691.451.796
- Land use right value of FPT house in Hanoi - No. 52, Lac Long Quant Street, Buoi Ward, Tay Ho District, Hanoi (total area: 941.73m2, according to the transfer contract of land use right and assets attached to the land dated 13/07/2016 and certificate of land use right, housing ownership and assets attached to the land No.: CT 00587 issued on 06/08/2014. 5.766.107.000

A.7.12. Bad debts treated

	Ending balance	Opening balance
<b>Bad debts treated</b>		
Shinee Joint Stock Company	172.000.000	172.000.000
<b>Total</b>	<b>172.000.000</b>	<b>172.000.000</b>

A.7.13. Financial assets listed/registered transactions of the Company

	Ending balance	Opening balance
<b>Financial assets</b>		
1. Freely transferring financial assets	463.004.470.000	462.842.000.000
2. Limited transferring financial assets		
<b>Total</b>	<b>463.004.470.000</b>	<b>462.842.000.000</b>

A.7.14. Financial assets have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository

	Ending balance	Opening balance
<b>Financial assets</b>		
Freely transferred financial assets of the Company - OTC	2.674.730.000	2.674.730.000
Mortgaged and traded financial assets of the Company - OTC	120.000.000.000	120.000.000.000
Listed financial assets/ registered transactions have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository of the Company, freely transferred yet	84.000.000.000	84.000.000.000
Listed financial assets/ registered transactions have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository of the Company, limited to transfer		
<b>Total</b>	<b>206.674.730.000</b>	<b>206.674.730.000</b>

A.7.15. Financial assets are entitled of the Company

	Ending balance	Opening balance
<b>Financial assets</b>		
Financial assets are entitled of the Company		10.000
<b>Total</b>		<b>10.000</b>

A.7.16. Financial assets listed/registered transactions of Investors

	Ending balance	Opening balance
<b>Financial assets</b>		
1. Freely transferred financial assets	30.915.187.615.975	27.268.783.294.150
2. Restrictedly transferred financial assets	111.405.300.000	110.099.600.000
3. Mortgaged and traded financial assets	1.133.522.100.000	1.034.294.920.000
4. Blocked financial assets	10.715.400.000	26.129.190.000
5. Awaiting settlement financial assets	296.592.669.000	598.067.036.300
6. Awaiting lending financial assets		
<b>Total</b>	<b>32.467.423.084.975</b>	<b>29.037.374.040.450</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Buoí Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**A.7.17. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and non-traded financial assets of investors**

Financial assets	Ending balance	Opening balance
1. Freely transferred financial assets	2.662.400.000	4.293.430.000
2. Restrictedly transferred financial assets	345.346.590.000	266.037.310.000
3. Mortgaged and traded financial assets		
4. Blocked financial assets		
<b>Total</b>	<b>348.008.990.000</b>	<b>270.330.740.000</b>

**A.7.18. Financial assets await the return of Investor**

Financial assets	Ending balance	Opening balance
Awaiting financial assets of Investor	332.380.238.600	544.582.770.000
<b>Total</b>	<b>332.380.238.600</b>	<b>544.582.770.000</b>

**A.7.19. Financial assets are entitled of Investors**

Financial assets	Ending balance	Opening balance
Financial assets are entitled of Investor	56.090.720.000	140.201.130.000
<b>Total</b>	<b>56.090.720.000</b>	<b>140.201.130.000</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Buoí Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**A.7.20. Deposits of Investors**

Deposits of Investors	Ending balance	Opening balance
1. Deposits of investors on securities trading managed by the Company	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
1.1. Deposits of local investors on securities trading managed by the Company	2.727.014.848.853	3.400.773.902.339
1.2. Deposits of foreign investors on securities trading managed by the Company	46.588.622.148	47.114.527.109
2. Deposits for trading of securities for clients		
3. Deposits and settlement of securities transactions by investors		
3.1. Deposits and settlement of securities transactions by domestic investors		
3.2. Deposits and settlement of securities transactions by foreign investors		
<b>Total</b>	<b>2.773.603.471.001</b>	<b>3.447.888.429.448</b>

**A.7.21. Deposits of issuing organizations**

Deposits of issuing organizations	Ending balance	Opening balance
1. Deposits of sale guarantee securities, issuing agents		
2. Deposits for principal and interest payment and dividend of Issuing organization	1.896.647.800	375.518.950
<b>Total</b>	<b>1.896.647.800</b>	<b>375.518.950</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street Buoi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**A.7.22. Payable dividends, bond principal and interest**

- Payable dividends to shareholders or profit for contributors

	Ending balance	Opening balance
	4.369.700.500	4.019.015.500
<b>Total</b>	<b>4.369.700.500</b>	<b>4.019.015.500</b>

**A.7.23. Taxes and payables to the State**

- Corporate income tax

- Personal income tax

- Other taxes

	Ending balance	Opening balance
	15.052.758.544	19.078.882.703
	14.257.605.893	12.383.724.473
	1.371.156.340	1.071.132.655
<b>Total</b>	<b>30.681.520.777</b>	<b>32.533.739.831</b>

**A.7.24. Costs payable**

Cost of stock exchange, custody fee and transfer fee, agency fee for opening account

	Ending balance	Opening balance
	9.246.767.305	11.635.008.140
<b>Total</b>	<b>9.246.767.305</b>	<b>11.635.008.140</b>

**A.7.25. Payable to seller**

- FPT Information Services Co., Ltd

- FPT Software Co., Ltd

- FPT Smart Cloud Co., Ltd

- 24 General Media JSC

- FPT Telecommunications JSC

- Branch of Lavie Co., Ltd. - In Hanoi

- Green Star Hanoi Trading &amp; Service Co., Ltd

- TSC VN Technology Service Joint Stock Company

- Tam Thanh Safe Food JSC

- 247 Express

- Hanoi Petroleum Investment Co., Ltd

- Mai Linh Hanoi Technology Transport Co., Ltd

- Branch of FPT International Telecommunications Co., Ltd

- Da Nang Branch - FPT Telecommunications JSC

- Digital Era Software Co., Ltd

- Mai Linh Da Nang Co., Ltd

- Als Logistics Services Co., Ltd

- P.E.N.T.H.O.U.S.E Construction JSC

- Branch of 247 Express in Hanoi

	Ending balance	Opening balance
	515.680.000	
	250.000.800	94.400.000
	63.125.260	
	46.980.000	
	35.346.500	
	21.875.400	10.540.800
	17.250.000	25.500.000
	8.212.400	85.322.500
	4.223.775	
	3.640.017	
	2.264.400	
	1.850.000	
	685.088	
		896.500
		75.950.000
		561.000
		9.771.858
		135.000.000
		4.141.309
<b>Total</b>	<b>971.133.640</b>	<b>442.083.967</b>

**A.7.26. Other payables**

- Payables dividends to shareholders or profit for contributors

- Payables to Banks (deposit to perform Government Bond

Brokerage Contract and Deposit Certificates)

- Other payables

	Ending balance	Opening balance
	4.369.700.500	4.019.015.500
		1.300.000.000.000
	1.872.874.706	2.120.615.595
<b>Total</b>	<b>6.242.575.206</b>	<b>1.306.139.631.095</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Buoi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**A.7.27. Short-term borrowings (details according to loans arising in the period of the Company)**

Short-term borrowings	Rate	Balance at the beginning of the period	Addition during the period	Repayment during the period	Ending balance
<b>Domestic short-term borrowings</b>		<b>3.092.000.000.000</b>	<b>10.873.000.000.000</b>	<b>9.425.000.000.000</b>	<b>4.540.000.000.000</b>
VIB	5.2%-6%	400.000.000.000	1.050.000.000.000	800.000.000.000	650.000.000.000
Techcombank	5.1%-6.1%		755.000.000.000	355.000.000.000	400.000.000.000
Vietinbank - Nam Thang Long Branch	3.6%-6%	800.000.000.000	1.760.000.000.000	1.830.000.000.000	730.000.000.000
Maritime Bank	4.5%-6.2%	500.000.000.000	2.300.000.000.000	2.000.000.000.000	800.000.000.000
VPBank	5.5%-7.3%	300.000.000.000	2.300.000.000.000	2.000.000.000.000	600.000.000.000
TPBank	6.2%		110.000.000.000		110.000.000.000
ACB	4%-6%		1.200.000.000.000	700.000.000.000	500.000.000.000
Woori Bank - Hoan Kiem Branch	3.65%-4.15%	178.000.000.000	98.000.000.000	276.000.000.000	450.000.000.000
Vietcombank - Thanh Xuan Branch	3.4%-6%	450.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	300.000.000.000
HDBank	4%-5%	464.000.000.000	300.000.000.000	464.000.000.000	
<b>Borrow from other domestic organizations and individuals</b>	<b>2% - 5,8%</b>	<b>56.101.835.693</b>	<b>3.287.228.112.821</b>	<b>2.407.396.362.486</b>	<b>935.933.586.028</b>
<b>Total</b>		<b>3.148.101.835.693</b>	<b>14.160.228.112.821</b>	<b>11.832.396.362.486</b>	<b>5.475.933.586.028</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

	Ending balance	Opening balance
<b>A.7.28. Payables to Investors</b>		
<b>Type of payables</b>		
1. Payables to Investors - Investors' deposits for securities trading managed by the Company	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
1.1. Local investors	2.727.014.848.853	3.400.773.902.339
1.2. Foreign investors	46.588.622.148	47.114.527.109
<b>Total</b>	<b>2.773.603.471.001</b>	<b>3.447.888.429.448</b>
<b>A.7.29. Payables of Investors on services to the Company</b>		
1. Brokerage fee	424.805.721	1.260.663.500
2. Securities custody fee	10.185.672	
3. Payable to investment consultancy fees		50.000.000
<b>Total</b>	<b>434.991.393</b>	<b>1.310.663.500</b>
<b>A.7.30. Investors' borrowings</b>		
<b>1. Investors' borrowings for margin transactions</b>		
<b>2. Principal of margin transactions</b>	<b>6.650.578.286.459</b>	<b>4.480.989.985.789</b>
2.1. Local investors	6.650.578.286.459	4.480.989.985.789
2.2. Foreign investors		
<b>3. Interest of margin transactions</b>	<b>14.843.382.524</b>	<b>9.170.457.945</b>
3.1. Local investors	14.843.382.524	9.170.457.945
3.2. Foreign investors		
<b>4. Payable for advance payment of securities amount</b>	<b>417.640.809.455</b>	<b>913.100.855.095</b>
4.1. Principal of advance transactions	417.567.973.486	912.872.796.723
a. Local investors	417.567.973.486	912.872.796.723
b. Foreign investors		
4.2. Interest of advance transactions	72.835.969	228.058.372
a. Local investors	72.835.969	228.058.372
b. Foreign investors		
<b>5. Payable for derivative securities trading activities</b>		
<b>Total</b>	<b>7.083.062.478.438</b>	<b>5.403.261.298.829</b>
<b>A.7.31. Income distribution to shareholders or capital contributing</b>		
1. Realized profits accumulated has not distributed yet	573.193.957.927	1.163.209.696.838
2. Unrealized profit	485.498.733.814	334.993.443.867
<b>Total</b>	<b>1.058.692.691.741</b>	<b>1.498.203.140.705</b>

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

	Year 2024	Year 2023
<b>A.7.32 Income distribution to shareholders or capital contributing members</b>		
1. Realized profits accumulated has not distributed yet	1.163.209.696.838	1.094.260.034.139
2. Unrealized losses at the end of the year		
3. Realized profit/loss in the year	416.812.204.390	413.011.598.016
4. Base profit to distribute to shareholders or capital contributing member (4) = (1+2+3)	1.580.021.901.228	1.507.271.632.155
5. Funds distribution	41.301.159.801	51.481.599.817
5.1. Charter reserve fund		
5.2. Financial reserve fund and operational risk		
5.3. Bonus and welfare funds	41.301.159.801	51.481.599.817
6. Distributed profit to shareholders or capital contributing members in the year according to Resolution of Annual General Meeting	965.526.783.500	292.580.335.500

**B. Notes to the Income Statement**

**B7.32. Income**

**B7.32.1. Profit, loss from selling the financial assets**

No	List of investments	Quantity of sale	Purchase price	Total sale value	Average cost at the end of the period up to the end of the trading day	Profit, loss from selling securities in this period	Profit, loss from selling securities accumulated until this period	Profit, loss from selling securities accumulated up to previous period
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Government bonds	38.660.000		4.579.116.650.000	4.577.494.960.000	1.621.690.000	1.621.690.000	(216.500.000)
2	Odd lot stocks	18.546		341.671.500	357.572.345	(15.900.845)	(15.900.845)	(471.169.746)
	<b>Total</b>	<b>38.678.546</b>		<b>4.579.458.321.500</b>	<b>4.577.852.532.345</b>	<b>1.605.789.155</b>	<b>1.605.789.155</b>	<b>(687.669.746)</b>

**B7.32.2. Differences from re-evaluation of financial assets**

No.	List of financial assets	Purchase value according to accounting books	Market value (*)	Difference re-evaluated in this period	Difference re-evaluated in previous period	Difference for adjusting the accounting books in this period
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
<b>I</b>	<b>Type of FVTPL</b>	<b>1.428.536.390.833</b>	<b>1.914.035.124.647</b>	<b>485.498.733.814</b>	<b>334.993.443.867</b>	<b>150.505.289.947</b>
1	Listed shares, registered for trading	14.571.814.929	500.070.548.743	485.498.733.814	334.993.443.867	150.505.289.947
2	Unlisted shares	2.024.075.904	2.024.075.904			
3	Listed bonds	559.940.500.000	559.940.500.000			
4	Unlisted bonds	120.000.000.000	120.000.000.000			
5	Monetary instruments	732.000.000.000	732.000.000.000			
6	Warrants					
7	Listed derivative investments					
8	Unlisted derivative investments					
9	Loaned investments					
10	Mortgaged investments					
11	Bought investments have not been transferred ownership yet					
<b>II</b>	<b>Type of HTM</b>					
<b>III</b>	<b>Type of loans and receivables</b>					
<b>IV</b>	<b>Type of AFS</b>					
	<b>Total</b>	<b>1.428.536.390.833</b>	<b>1.914.035.124.647</b>	<b>485.498.733.814</b>	<b>334.993.443.867</b>	<b>150.505.289.947</b>

Note (\*): The market value of shares listed, registered for trading will be determined according to closing price at 31/12/2024 on Stock Exchange. The market price of unlisted shares is based on book value at 31/12/2024 because there is not enough reliable information on the market.

41

41

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No. 52, Lạc Long Quân Street, Bưởi Ward, Tây Hồ, Hanoi City

**B7.32.3. Dividends and interest arising from FVTPL financial assets, loans, HTM, AFS**

**1. From FVTPL financial asset**

- 1.1. Dividend and interest on bonds  
1.2. Interest on term deposits

**2. From HTM financial assets**

3. From loans  
4. From AFS

	This period	Previous period
	92.466.782.718	121.097.492.294
	41.591.673.934	32.127.783.778
	50.875.108.784	88.969.708.516
	589.269.375.765	443.223.851.448
<b>Total</b>	<b>681.736.158.483</b>	<b>564.321.343.742</b>

**B.7.32.4. Revenue from other activities**

No.	Types of revenue from other activities	Current period	Previous period
1	Revenue from auction agent		20.613.150
2	Revenue from paying principal, bond interest and dividend to Investors on behalf of issuers	91.500.000	65.000.000
3	Collateral assets management cost	40.800.000	71.200.000
4	Other revenue	143.080.000	231.020.000
<b>Total</b>		<b>275.380.000</b>	<b>387.833.150</b>

**B.7.33. Revenue from financial activities**

No.	Types of revenue from financial activities	Current period	Previous period
1	Revenue from interests of deposits without fixed maturity	8.827.691.678	9.107.268.126
<b>Total</b>		<b>8.827.691.678</b>	<b>9.107.268.126</b>

**B.7.34. Operating expenses**

No.	Types of expense	Current period	Previous period
1	Expense from brokerage service	180.559.800.828	174.877.326.746
2	Expense for consultancy of securities investment	12.090.861.932	3.774.996.554
3	Custody expense	18.007.016.134	16.617.027.466
4	Expense for other financial consultancy	14.583.323.095	14.567.429.345
5	Expenses for provision of financial assets, dealing with losses of bad receivables and losses of financial assets and costs of loans	178.997.567.556	116.135.328.039
<b>Total</b>		<b>404.238.569.545</b>	<b>325.972.108.144</b>

**B.7.35. Management expenses of the Company**

No.	Types of general expenses	Current period	Previous period
1	Salary and others items according to salary	46.669.376.696	42.731.445.175
2	Social, Health and Unemployment insurances, Trade Union fees	3.230.317.000	3.025.564.500
3	Training and recruitment cost	288.663.640	259.419.432
4	Office supplies	2.910.192.385	3.073.517.517
5	Accumulated depreciation expenses	14.791.959.358	14.696.932.391
6	Tax expense, fee and charge	20.936.084	21.255.484
7	Outsourced services	20.262.129.160	18.162.538.885
8	Other expenses	1.664.244.367	1.606.468.743
<b>Total</b>		<b>89.837.818.690</b>	<b>83.577.142.127</b>

**B.7.36. Other income**

No.	Other income	Current period	Previous period
1	Income from liquidation of fixed assets	57.407.407	33.109.092
2	Revenue from sale of Token card	94.436.460	408.739.100
3	Income from investors' transfer money service	1.368.314.737	1.577.817.677
4	Other income	56.581.588.988	46.656.357.751
<b>Total</b>		<b>58.101.747.592</b>	<b>48.676.023.620</b>

**B 7.37. Other expenses**

No.	Other expenses	Current period	Previous period
1	Penalties for administrative violations	177.505.400	7.200
2	Expenses for Token card	113.017.200	455.814.260
3	Bank charge of investors' transfer money	1.367.170.262	1.138.556.021
4	Other expenses	54.444.453.420	45.869.981.490
<b>Total</b>		<b>56.102.146.282</b>	<b>47.464.358.971</b>

**B 7.38. Corporate income tax (CIT)**

No.	Corporate income tax in details	Current period	Previous period
<b>1</b>	<b>Current CIT expenses</b>		
1.1	- CIT expenses determined according to taxable income of the current year	95.854.572.808	97.027.049.804
1.2	- CIT expenses of previous years transferred to corporate income tax expenses of the current year	1.200.000	
1.3	- Total current CIT expense	95.855.772.808	97.027.049.804
<b>2</b>	<b>Deferred CIT expenses</b>		

**B 7.39. Basic earnings per share**

Items	Current period	Previous period
Accounting profit after CIT	567.317.494.337	444.917.590.949
Profit or loss attributable to ordinary equity holders	567.317.494.337	444.917.590.949
Bonus and welfare fund		41.301.159.801
The weighted average of outstanding shares	303.532.120	214.564.987
Basic earnings per share	1.869	1.881

Note: The basic earnings per share of prior year has been restated to adjust the bonus and welfare fund of 2023 attributed in 2024. As at the date of this report, the basic earnings per share of 2024 has not excluded the bonus and welfare fund attributable as the resolution of shareholders has not been finalized.



**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Bvôi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**C. Notes to the Cash flow statement**

**C 7.40. Non-cash transactions affect the cash flow statement and the cash held by the Company but not used**

No.	Transactions	Ending balance	Opening balance
A	B	1	2
	Deposits in bank at the end of the period:		
	- Investors' deposits on Securities trading managed by the Company	2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
	- Deposits of Issuing Organization	1.896.647.800	375.518.950
	<b>Total</b>	<b>2.775.500.118.801</b>	<b>3.448.263.948.398</b>

**D. Supplement information for the separate statement of changes in owner's equity: None**

**E. Other information**

**E.7.41.1. Comparative information:** Opening balance on the Financial Statement for the year ended 31/12/2024 is the year-end balance on Financial Statement in 2023 has been audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS).

**E.7.41.2. Information of related parties**

**a. Related parties:**

Related parties	Relative
SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Major shareholder
FPT Corporation	Major shareholder
FPT IS Co., Ltd (formerly FPT Information System Co., Ltd)	Related party
The Board of Directors, the Board of Management, Audit Committee, Chief Accountant, Person authorized to disclose information	Executive Board and key personnel

**b. In the year 2024, the Company incurred a number of transactions with related parties. The main transactions are as follows:**

No.	Related parties	Transactions	Opening balance	Increase	Decrease	Ending balance
<b>b.1 Receivables (Revenue)</b>			<b>13.200.000</b>	<b>127.943.671</b>	<b>141.143.671</b>	
1	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Custody fee, Transfer fee		41.593.671	41.593.671	
2	FPT Corporation	Service fee paid on behalf of dividends, information disclosure consulting services, shareholder management consulting	13.200.000	86.350.000	99.550.000	
<b>b.2 Payables (Expense)</b>				<b>2.771.854.540</b>	<b>2.771.854.540</b>	
1	FPT IS Co., Ltd	Digital signature service, Software, information technology services		2.771.854.540	2.771.854.540	

**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

No.52, Lac Long Quan Street, Bvôi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

**c. In addition to the transactions between related parties described in section E.7.41.2.b above, during the year the Company entered into additional transactions with other related parties as follows:**

	Value (VND)	
	This year	Previous year
<b>* Members of the Board of Directors</b>		
Tran Thanh Tung - Members of the Board of Directors	96.000.000	96.000.000
Chairman and other members of the Board of Directors do not receive remuneration		
<b>* Salary of members of the Board of Management</b>		
<b>Members of the Board of Management</b>		
Nguyen Diep Tung - General Director	886.380.000	756.690.000
Nguyen Van Dung - Vice General Director	680.580.000	546.440.000
Nguyen Thi Thu Huong - Vice General Director	649.080.000	511.790.000
	<b>2.216.040.000</b>	<b>1.814.920.000</b>

**\* Buy shares under employee stock ownership plan in the company**

Name	Title	This year		Previous year	
		Quantity	Value (VND)	Quantity	Value (VND)
Mr. Nguyen Diep Tung	General Director	160.150	1.601.500.000	0	0
Mr. Nguyen Van Dung	Deputy General Director	154.100	1.541.000.000	0	0
Ms. Nguyen Thi Thu Huong	Deputy General Director	324.300	3.243.000.000	0	0
Ms. Trinh Thanh Hang	Person authorized to disclose information	110.700	1.107.000.000	0	0

**E.7.41.3. Others information:**

The Company does not provide capital support services in addition to margin trading (There is no contract for investment cooperation, deposits for securities brokerage, committed transactions at Reverse repo).

PREPARER



Nguyen Thi Son

CHIEF ACCOUNTANT



Nguyen Thi Thu Huong



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

*Hanoi, March 29, 2025*

GENERAL DIRECTOR



NGUYEN DIEP TUNG



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 52 Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

Tel: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn)

Website: [fpts.com.vn](http://fpts.com.vn)